



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

Con số SỰ KIỆN

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 60 - KỲ II - 4/2021



TỰ HÀO THỐNG KÊ VIỆT NAM
75 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
(06/5/1946 - 06/5/2021)

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 4/2021 (596) Ra hàng tháng. Năm thứ 60

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 905/GP-BTTTT ngày 14-6-2011. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

THỐNG KÊ VIỆT NAM - 75 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Ngày Thống kê Việt Nam

2. Tự hào Thống kê Việt Nam 75 năm xây dựng và phát triển

TS. Nguyễn Thị Hương

6. Thống kê Việt Nam - Những dấu mốc lịch sử

8. Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế thúc đẩy Thống kê Việt Nam hội nhập sâu rộng toàn cầu

11. Thống kê Hà Nội: Chặng đường 65 năm xây dựng và phát triển

Đậu Ngọc Hùng

14. Thống kê Quảng Bình: Hòa chung dòng chảy phát triển của ngành

ThS. Trần Quốc Lợi

17. Thống kê Ninh Bình 65 năm một chặng đường

Bùi Văn Đồng

19. Những năm tháng gắn bó với ngành Thống kê

22. Một số hiện vật tiêu biểu truyền thống của ngành Thống kê

24. Thanh niên Thống kê hưởng ứng lễ kỷ niệm 75 năm thành lập ngành Thống kê (06/5/1946 - 06/5/2021)

26. Hội diễn văn nghệ Chào mừng Kỷ niệm 75 năm thành lập ngành Thống kê Việt Nam

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

27. Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về đo lường

kinh tế số

28. Hợp báo công bố tình hình lao động việc làm quý I năm 2021

KINH TẾ - XÃ HỘI

29. Tác động của dịch covid-19 tới lao động, việc làm cả nước quý I năm 2021

33. Những quả ngọt sau thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020

ThS. Nguyễn Thị Hoa - TS. Nguyễn Hữu Cung

36. Nghị quyết 02/2021: Tiếp nối 'sức nóng' cải cách, cải thiện môi trường kinh doanh

TS. Đỗ Ngọc Trâm

39. Thị trường nội địa "điểm tựa" an toàn cho doanh nghiệp xuất khẩu

TS. Nguyễn Văn Giao

42. Nâng tầm thương hiệu quốc gia Việt Nam

ThS. Nguyễn Thị Diệu Hiền

45. Thép Việt trước bão phòng vệ thương mại

ThS. Phạm Linh Giang - ThS. Nguyễn Thị Nga

48. Kết quả giảm nghèo đa chiều của Việt Nam: Nhìn lại một chặng đường

Bích Ngọc

QUỐC TẾ

51. Kinh tế châu Âu đối mặt mùa hè ảm đạm

Thu Hường

Giá: 24.000 đ



NGÀY THỐNG KÊ VIỆT NAM

Nhằm ghi nhận và tôn vinh những đóng góp quan trọng của ngành Thống kê vào quá trình phát triển đất nước, ngày 31/3/2021 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 510/QĐ-TTg Về ngày Thống kê Việt Nam.

Theo đó, lấy ngày 06 tháng 5 hằng năm là ngày truyền thống của Thống kê Việt Nam với tên gọi là “Ngày Thống kê Việt Nam”. Quyết định nêu rõ, việc tổ chức kỷ niệm Ngày Thống kê Việt Nam phải đảm bảo theo đúng Nghị định số 111/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày hưởng ứng của các bộ, ngành, địa phương; đồng thời đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả và tránh hình thức, giáo dục truyền thống, động viên phong trào thi đua lao động, công tác, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ pháp luật, khơi dậy và phát huy niềm vinh dự, tự hào, trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ của công chức, viên chức, người lao động của ngành Thống kê Việt Nam nói riêng và người làm công tác thống kê trong cả nước nói chung.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng 8 năm 1945 đã xóa bỏ chế độ thực dân, phong kiến, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngay sau khi khai sinh nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, bộ máy chính quyền các cấp được thành lập và đi vào hoạt động với các nhiệm vụ trọng tâm là diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm. Để phục vụ sự chỉ đạo điều hành trong bối cảnh kháng chiến, tình hình chuyển biến nhanh và phức tạp, đòi hỏi các ngành, các cấp phải giải quyết công việc khẩn trương, các quyết sách được đưa ra phải dựa trên số liệu thống kê về tình hình kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, ngày 06 tháng 5 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 61/SL thành lập Nha Thống kê Việt Nam nằm trong Bộ Quốc dân Kinh tế, đánh dấu sự kiện lịch sử ngày thành lập cơ quan thống kê đầu tiên trong bộ máy của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trải qua 75 năm xây dựng và phát triển, ngành Thống kê Việt Nam luôn khẳng định được vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin thống kê



về kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành; đồng thời đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin thống kê ngày càng tăng của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế. Trong điều kiện kinh tế, xã hội trong nước và trên thế giới liên tục thay đổi, diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, yêu cầu các quyết sách đưa ra kịp thời hơn và phải dựa trên bằng chứng về số liệu thống kê chính xác. Những thách thức mới đòi hỏi ngành Thống kê phải chủ động đổi mới để thích ứng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các công nghệ thông minh nhằm rút ngắn quy trình điều tra, tổng hợp, phân tích số liệu; tăng cường kết nối, sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu lớn nhằm cung cấp thông tin thống kê một cách nhanh nhất, chính xác với chi phí ít nhất...

Có thể nói, việc Thủ tướng Chính phủ quyết định lấy ngày 06 tháng 5 hằng năm là Ngày Thống kê Việt Nam là sự kiện có ý nghĩa lịch sử rất to lớn, gắn liền với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, gắn với Chủ tịch Hồ Chí Minh, người khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khai sinh ra Ngành Thống kê Việt Nam. Chính vì vậy, ngày này không chỉ là ngày truyền thống của riêng những người làm công tác thống kê thuộc Tổng cục Thống kê mà còn là ngày của tất cả những người làm công tác thống kê trong cả nước./.

TỰ HÀO THỐNG KÊ VIỆT NAM 75 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Nguyễn Thị Hương

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của chúng ta cho rằng “Thống kê là tai, là mắt của Đảng và Nhà nước”. Nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đã viết “số liệu thống kê không phải là con số chết, mỗi con số thống kê đều có ý nghĩa của nó; tình hình nước mình thể hiện trong con số, tương lai ở trong con số, kế hoạch cũng ở trong con số... Ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, bộ máy chính quyền các cấp hình thành và đi vào hoạt động với các nhiệm vụ trọng tâm là diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Yêu cầu đối với công tác thống kê khi đó rất lớn, do đó việc phải hoàn thiện tổ chức bộ máy thống kê là thực sự cần thiết.

Với nhận thức và yêu cầu của thực tiễn cách đây tròn 75 năm, ngày 06/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 61/SL thành lập Bộ Quốc dân kinh tế trong đó có Nha Thống kê Việt Nam - tổ chức tiền thân của ngành Thống kê nước ta ngày nay. Từ đó, ngày 06/5 hằng năm được coi là ngày Kỷ niệm thành lập ngành Thống kê Việt Nam. Ngày 31/3/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 510/QĐ-TTg lấy ngày 06 tháng 5 hằng năm là ngày Thống kê Việt Nam. Đây là niềm vinh dự, tự hào của tất cả những người làm công tác thống kê trên khắp mọi miền Tổ quốc. Điều này cho thấy



Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương trao tặng Cờ Thi đua của Chính phủ cho các đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2020

sự ghi nhận của Đảng, Nhà nước, xã hội đối với những đóng góp to lớn của ngành Thống kê, của những người làm công tác thống kê trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thống kê Việt Nam - chép sử bằng những con số

Trải qua 75 năm hình thành và phát triển, ngành Thống kê Việt Nam không ngừng lớn mạnh, đã khẳng định được vai trò, vị trí, uy tín đối với Đảng, Nhà nước, người dùng tin trong nước và quốc tế. Quá trình hình thành và phát triển của ngành Thống kê luôn gắn liền với lịch sử phát triển của đất nước.

Giai đoạn đầu khi mới thành lập, từ 1946-1954, Nha Thống kê

(sau này là Phòng Thống kê) triển khai nhiều cuộc điều tra nhỏ, bước đầu thực hiện chế độ báo cáo định kỳ để thu thập, xử lý số liệu thuộc nhiều lĩnh vực. Những thông tin thu thập trong thời kỳ này chủ yếu là báo cáo về nông nghiệp, nhất là thống kê đất đai; đồng thời tiến hành thống kê công, thương nghiệp ở vùng tự do. Có thể nói, thời kỳ 1946 - 1954, trong điều kiện khó khăn nhiều mặt và có những hạn chế nhất định nhưng hoạt động thống kê Việt Nam đã đạt được những kết quả bước đầu: Tổ chức bộ máy hình thành, nội dung và phương pháp thống kê phù hợp với điều kiện kháng chiến, sản phẩm thống kê bám sát



yêu cầu của các ngành, các cấp. Nhờ đó, ngay từ khi mới ra đời, tuy hoạt động chủ yếu trong thời chiến, nhưng ngành Thống kê Việt Nam đã góp phần quan trọng cung cấp thông tin số liệu và tình hình kinh tế - xã hội các vùng, các địa phương, phục vụ yêu cầu của Trung ương Đảng và Chính phủ trong công tác lãnh đạo kháng chiến và kiến quốc.

Giai đoạn từ 1955-1975, ngành Thống kê đã tổ chức nhiều cuộc điều tra thống kê, đặc biệt tiến hành nhiều cuộc điều tra chuyên đề phục vụ cho yêu cầu công tác quản lý trong thời chiến.

Từ năm 1958, ngành Thống kê đã tính toán và cung cấp nhiều chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, số lượng chỉ tiêu cung cấp ngày càng nhiều để phục vụ cho yêu cầu kiểm tra thực hiện kế hoạch 3 năm, cải tạo và phát triển kinh tế, trong đó đáp ứng yêu cầu cải tạo đối với các thành phần kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư doanh, phát triển thành phần kinh tế quốc doanh. Đến đầu những năm 60, ngành Thống kê đã tính được các chỉ tiêu thống kê tổng hợp quan trọng như chỉ tiêu giá trị tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, đây là những chỉ tiêu rất quan trọng trong việc tính toán cân đối nền kinh tế quốc dân.

Giai đoạn 1961-1965, ngành Thống kê đẩy mạnh thực hiện chế độ báo cáo thống kê và thực hiện nhiều cuộc điều tra. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngày càng được mở rộng để thu được số liệu đầy đủ và chi tiết hơn, các chỉ tiêu thống kê được phân theo thành phần kinh tế (quốc doanh, công tư hợp doanh, cá thể), phân theo Trung ương, địa phương,... Qua đó, các số liệu thống kê phản ánh tương đối đầy đủ kết quả của quá trình phát triển kinh tế và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong các ngành

kinh tế, tình hình hợp tác hóa nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, tiến độ sản xuất và xây dựng, nhất là trong các ngành kinh tế trọng điểm.

Từ năm 1964, ngành Thống kê đã chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành chủ quản tổ chức xét duyệt hoàn thành kế hoạch Nhà nước, làm báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước hàng năm của các ngành, các địa phương và các đơn vị kinh tế trọng điểm của Nhà nước... Trong giai đoạn này, ngành Thống kê đã sưu tầm, khai thác và biên soạn các báo cáo và hệ thống số liệu thống kê có giá trị như: Thông báo tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước hàng năm; Thông báo tình hình khôi phục cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa; 3 năm khôi phục cải tạo và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa (xuất bản năm 1959); 5 năm xây dựng kinh tế và văn hóa của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (xuất bản năm 1960), số liệu thống kê năm 1961, 1962, số liệu thống kê 1963, 1964, 1965... cung cấp cho các cơ quan quản lý của Nhà nước và các đối tượng sử dụng thông tin của các cấp, các ngành.

Bước sang giai đoạn 1966-1975, nhiệm vụ chiến lược của đất nước là bảo đảm thực hiện các mục tiêu cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, chống chiến tranh phá hoại. Ngành Thống kê đã phân tích, đánh giá và phản ánh được quá trình củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Thực hiện cuộc vận động 3 xây 3 chống, cải tiến quản lý hợp tác xã, đề xuất được một số kiến nghị về cải tiến quản lý các xí nghiệp nói riêng và quản lý kinh tế nói chung trong các khâu sản xuất, lưu thông phân phối, quản lý

thị trường, giá cả,... Những nội dung báo cáo thống kê cũng đã đáp ứng được các yêu cầu tăng cường lực lượng quốc phòng.

Trong thời kỳ này, ngành Thống kê đã tổ chức nhiều cuộc điều tra thống kê, đặc biệt có nhiều cuộc điều tra chuyên đề phục vụ cho yêu cầu công tác quản lý trong thời chiến. Số liệu thu được từ hệ thống báo cáo thống kê định kỳ cùng với kết quả tổng hợp từ các cuộc điều tra thống kê đã cung cấp cho Đảng và Nhà nước, các cấp, các ngành ngày càng nhiều thông tin với chất lượng ngày càng cao về tình hình kinh tế - xã hội.

Giai đoạn 1976-1986, ngành Thống kê đã triển khai thực hiện chế độ báo cáo nhanh trên phạm vi cả nước đối với tất cả các ngành; đồng thời thực hiện báo cáo thống kê định kỳ chính thức sau khi nước nhà thống nhất. Hệ thống chỉ tiêu báo cáo chính thức đã phản ánh đầy đủ các lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội và kế hoạch Nhà nước hàng năm và các kế hoạch 5 năm.

Đối với các tỉnh phía Nam, ngay từ năm đầu giải phóng, để có thông tin phục vụ kịp thời yêu cầu của Trung ương và địa phương, ngành Thống kê còn triển khai cấp tốc các cuộc điều tra như: Kiểm kê tài sản trong các xí nghiệp quốc doanh và cơ quan nhà nước quản lý vào 0 giờ ngày 01/4/1976, điều tra tình hình cơ bản về đất đai (1978), điều tra tình hình phát triển dân số, điều tra công nhân viên chức và lao động xã hội, điều tra tình hình sở hữu ruộng đất trong nông nghiệp, điều tra toàn diện đối với hợp tác xã, tổ sản xuất, tập đoàn và hộ gia đình sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Ngoài ra, ở hầu hết các tỉnh phía Nam còn tổ chức điều tra thu thập một số thông tin cần thiết khác phục vụ

lãnh đạo địa phương. Công tác điều tra thống kê tiếp tục được đẩy mạnh, tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải,... đặc biệt đã tiến hành Tổng điều tra dân số lần đầu tiên vào năm 1979.

Việc thu thập thông tin thống kê bằng các hình thức báo cáo nhanh, báo cáo chính thức và điều tra thống kê đã giúp cho Ngành có được hệ thống chỉ tiêu thống kê tổng hợp và kịp thời nắm được những diễn biến về tình hình kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó, đã tập trung phân tích những yếu tố và nguyên nhân dẫn đến những chỉ tiêu hoàn thành và không hoàn thành kế hoạch Nhà nước. Tuy còn có những hạn chế nhất định nhưng báo cáo thống kê kinh tế tổng hợp hàng năm của Ngành đều được đánh giá cao và có vị trí quan trọng trong báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch Nhà nước của Chính phủ.

Thống kê Việt Nam - đổi mới và hội nhập

Từ năm 1986 tới nay, Tổng cục Thống kê đã trải qua chặng đường 35 năm gắn liền với sự phát triển và lớn mạnh của đất nước. Đây là thời kỳ Thống kê Việt Nam có nhiều thay đổi trên tất cả các mặt, từ hệ thống tổ chức đến môi trường pháp lý, chuyên môn nghiệp vụ, ...

Sự ra đời của Pháp lệnh Kế toán và Thống kê (năm 1988), Luật Thống kê (năm 2003), Luật Thống kê sửa đổi (năm 2015) và sắp tới đây, Tổng cục Thống kê trình sửa đổi Luật Thống kê (năm 2015), cùng với đó là sự ra đời của các Nghị định, Thông tư dưới luật... cho thấy đã có bước tiến lớn trong việc củng cố môi trường pháp lý cho hoạt động thống kê theo hướng chuyên nghiệp,

hiệu quả hơn. Cùng với hệ thống văn bản pháp lý, Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, và sắp tới đây, Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đang được trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong năm 2021,... và nhiều Đề án quan trọng khác được phê duyệt là những căn cứ quan trọng, tầm nhìn chiến lược, định hướng lâu dài cho Thống kê Việt Nam tiếp tục phát triển ngày một vững chắc trong bối cảnh đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng.

Sự chuyển đổi sâu sắc của cơ chế quản lý, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường và các cuộc cách mạng khoa học công nghệ yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản lý, điều hành của chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương,... đòi hỏi hoạt động thống kê phải liên tục cập nhật, nghiên cứu, đổi mới phương pháp luận theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. Một số đổi mới căn bản về phương pháp luận thời kỳ này phải kể đến: Áp dụng hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) thay thế hệ thống bảng cân đối vật chất (MPS), biên soạn các chỉ tiêu thống kê phản ánh kinh tế vĩ mô, đảm bảo so sánh quốc tế như (GDP, GNI,...), đổi mới quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP),... Ngoài ra, nhiều chuyên ngành thống kê được nghiên cứu, chuyển đổi theo hướng vận dụng các phương pháp luận quốc tế vào thực tiễn Việt Nam. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao nhu cầu của người dùng tin trong thời kỳ bùng nổ thông tin hiện nay, Tổng cục Thống kê đã nghiên cứu

thử nghiệm sử dụng dữ liệu lớn (Big data) vào thu thập chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá bất động sản, ứng dụng công nghệ chuỗi khối (blockchain) vào truy xuất nguồn gốc chăn nuôi hay nghiên cứu để làm rõ khái niệm, phạm vi, nguồn thông tin và cách thức thu thập các chỉ tiêu phản ánh kinh tế số, chỉ tiêu logistic,... Cùng với nghiên cứu, đổi mới phương pháp luận thống kê, hoạt động thu thập, xử lý thông tin thống kê cũng ngày càng hiện đại thông qua ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn xử lý, thu thập dữ liệu thống kê. Điều tra, giám sát thu thập thông tin thống kê bằng thiết bị điện tử cầm tay, điều tra trực tuyến,... là những hình thức hiện đại và thu được hiệu quả cao, là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng tích cực đến nâng cao chất lượng thông tin thống kê. Việc áp dụng công nghệ nhận dạng ký tự thông minh, công nghệ chuỗi khối, dữ liệu mẫn, ... vào xử lý số liệu các cuộc điều tra, tổng điều tra, cũng như việc ứng dụng các phần mềm chuyên dùng đã góp phần đẩy nhanh tốc độ xử lý thông tin, tăng độ chính xác của thông tin tổng hợp. Hơn nữa, việc ứng dụng công nghệ thông tin mạnh mẽ cũng góp phần tăng cường hiệu quả xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp, phục vụ tốt việc khai thác chi tiết và sử dụng số liệu lâu dài.

Công tác phổ biến thông tin và các hoạt động, kiến thức thống kê cũng được Tổng cục Thống kê đặc biệt quan tâm. Nhờ vậy, các sản phẩm thông tin thống kê ngày càng đa dạng như: Ấn phẩm, đĩa mềm, đĩa CD, file dữ liệu, đồ họa thông tin, video clip, file MP3,... Hình thức phổ biến thông tin cũng phong phú hơn như: Trên website, bảng Led điện tử, hộp báo,



thông cáo báo chí,... Nhờ đó, thông tin thống kê đến với công chúng rộng mở hơn, vị thế của ngành Thống kê ngày càng được khẳng định.

Thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới, quan hệ hợp tác giữa Thống kê Việt Nam với thống kê các nước, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế ngày càng mở rộng. Tổng cục Thống kê tham gia tích cực vào các hoạt động thống kê quốc tế như: Thống kê Liên hợp quốc, thống kê ASEAN; chủ động tích cực, tham gia thường xuyên và có những đóng góp quan trọng để thúc đẩy hoạt động thống kê của khu vực ASEAN, ESCAP, Đông Á,... Thống kê Việt Nam cũng hợp tác song phương hiệu quả với thống kê nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới như: Thụy Điển, Pháp, Hà Lan, Đan Mạch, I-ta-li-a, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

Nhìn lại chặng đường 75 năm qua, trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ, với mỗi tên gọi khác nhau, dù tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ có thay đổi, nhưng ngành Thống kê luôn hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó. Biên soạn và cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin kinh tế - xã hội, những bằng chứng xác thực giúp cho Đảng, Nhà nước xây dựng, giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các bộ, ngành và địa phương. Thống kê chính là công cụ quan trọng giúp cơ quan quản lý nhà nước các cấp ban hành các quyết sách lớn, quan trọng; đồng thời phản ánh, đánh giá trung thực, khách quan thực trạng kinh tế - xã hội, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành đảm bảo thực hiện theo mục tiêu đã đề ra. Những cố gắng,

nỗ lực và đóng góp của ngành Thống kê Việt Nam cũng đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận.

Theo Ngân hàng Thế giới, chỉ số năng lực thống kê Việt Nam đã được cải thiện rõ rệt. Năm 2010, chỉ số này của thống kê Việt Nam đạt 64,44 điểm, đến năm 2020 tăng lên 74,44 điểm; chỉ số phương pháp luận thống kê năm 2010 đạt 30 điểm, đến năm 2020 tăng thêm 20 điểm (đạt 50 điểm).

Thành tựu của ngành Thống kê trong 75 năm qua bắt nguồn từ sự quan tâm sâu sắc của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước; sự ủng hộ, quan tâm chỉ đạo của Bộ trưởng, Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ; sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ban, ngành, địa phương; sự hợp tác, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, thống kê các nước trong khu vực và trên thế giới; sự hợp tác cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Đặc biệt, thành tựu to lớn này đạt được là nhờ lòng yêu ngành, yêu nghề, sự phấn đấu không mệt mỏi, vượt qua bao khó khăn, vất vả của biết bao thế hệ công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê.

Với những thành quả đạt được trong 75 năm xây dựng và phát triển, ngành Thống kê đã được Đảng, Nhà nước ghi nhận và xã hội tôn vinh. Nhiều đơn vị, và cá nhân trong Ngành đã được Đảng và Nhà nước tặng nhiều huân, huy chương và phần thưởng cao quý. Toàn ngành Thống kê đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh (năm 2006), hai lần nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 1996 và năm 2011), Huân chương Độc lập hạng Ba (năm 2016).

Kế thừa và phát huy những thành tựu và kết quả đạt được trong 75 năm qua, trong thời gian tới,

ngành Thống kê sẽ tiếp tục đổi mới sáng tạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ để phát triển nhanh và vững chắc. Để làm được điều đó, toàn ngành Thống kê sẽ tập trung vào thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp sau: (1) Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực; (2) Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê; (3) Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu; (4) Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê; (5) Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê; (6) Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài trong công tác thống kê; (7) Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; (8) Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê; (9) Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê.

Nhiệm vụ của ngành Thống kê trong giai đoạn mới tuy rất nặng nề song đầy vinh dự và tự hào. Với sự quan tâm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Bộ trưởng và Ban Cán sự Đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, sự hợp tác chặt chẽ của các bộ, ngành và địa phương, sự hỗ trợ của các tổ chức và cơ quan thống kê quốc tế và nỗ lực của công chức, viên chức và người lao động trong toàn Ngành, nhất định ngành Thống kê sẽ tiếp tục kế thừa, phát huy thành quả và truyền thống tốt đẹp trong 75 năm qua để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đưa Thống kê Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN vào năm 2030 và trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới vào năm 2045./.



THỐNG KÊ VIỆT NAM -

Ngày 06/5/1946,
Chủ tịch Hồ Chí Minh
ký Sắc lệnh số 61/SL
về việc thành lập
Bộ Quốc dân kinh tế,
trong đó có
Nha Thống kê
Việt Nam.



Ngày 29/9/1961, Chính
phủ ban hành Nghị
định 131/CP quy định
nhiệm vụ, quyền hạn
và bộ máy Tổng cục
Thống kê. Theo đó, Cục
Thống kê Trung ương
được nâng lên thành
Tổng cục Thống kê

1

2

3

Ngày 20/02/1956, Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ số 695/TTg về tổ chức Cục Thống kê Trung ương (trong Ủy ban Kế hoạch Nhà nước), các cơ quan Thống kê địa phương và các tổ chức Thống kê các Bộ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cục Thống kê Trung ương được tổ chức tạm thời thành 5 phòng. Ở các địa phương có: Ban Thống kê khu, Ban Thống kê tỉnh, Ban Thống kê thành (ở các thành phố lớn), Thanh tra thống kê huyện, Phụ trách Thống kê xã.

Ngày 18/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, ở Trung ương, Tổng cục Thống kê thành lập Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê; sáp nhập Vụ Thống kê Công nghiệp và Vụ Thống kê Vốn Đầu tư Xây dựng thành Vụ Thống kê Công nghiệp - Xây dựng. Ở địa phương, các Cục Thống kê cấp tỉnh được tổ chức 5 phòng; Thành lập Chi cục Thống kê khu vực (trên cơ sở sáp nhập một số huyện theo sáp nhập địa lý hành chính, gọi chung là Chi cục Thống kê cấp huyện) thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh.

12

11

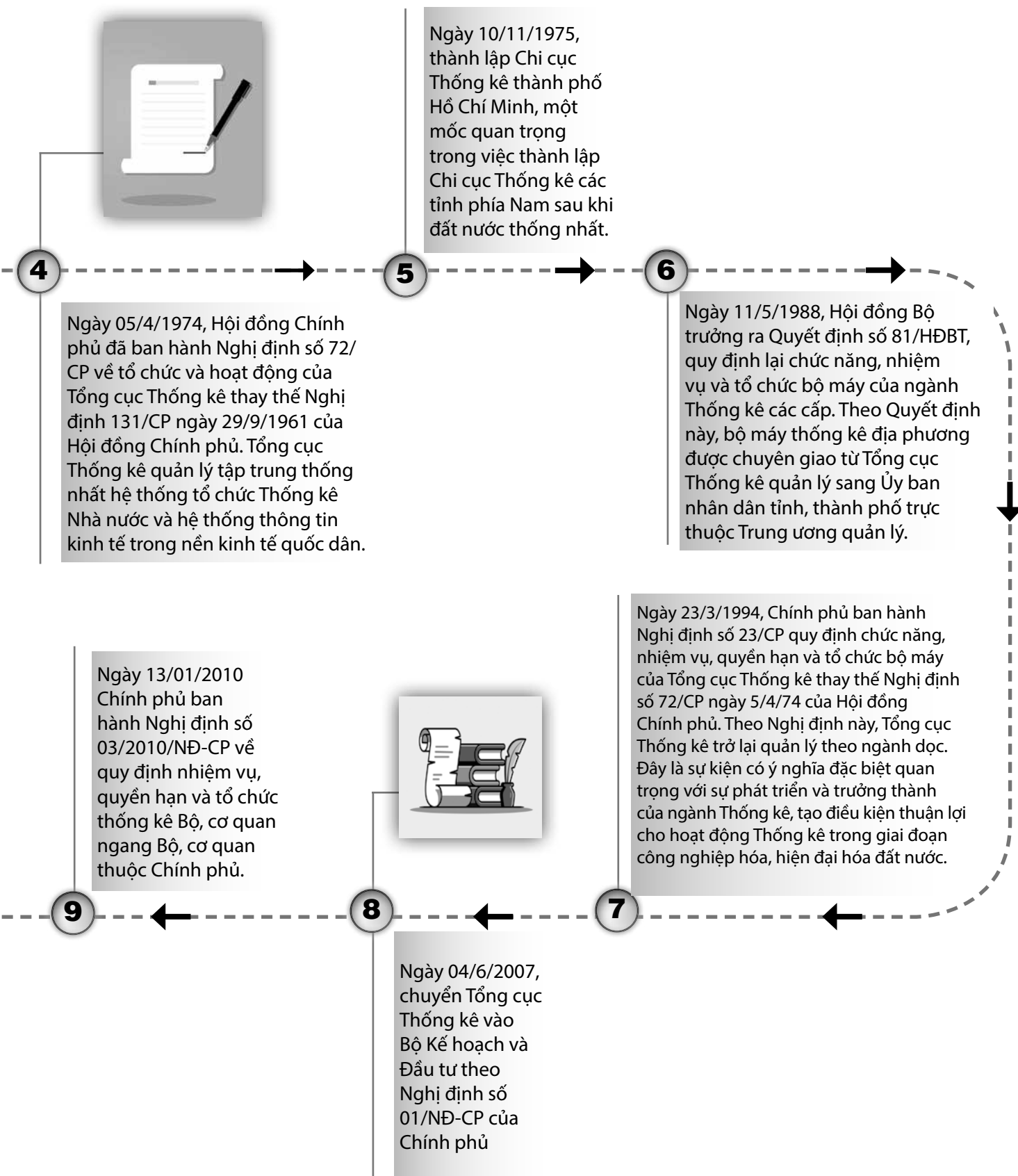
10

Ngày 31/3/2021, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã ký Quyết định số 510/QĐ-TTg lấy ngày 6 tháng 5 hằng năm là "Ngày Thống kê Việt Nam". Đây là sự kiện đặc biệt đối với ngành Thống kê, thống kê bộ, ban, ngành, địa phương, và những người làm công tác thống kê trong cả nước.



Ngày 24/8/2010, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, Tổng cục Thống kê tiếp tục được tổ chức hệ thống dọc đến cấp huyện. Ở Trung ương, cơ quan Tổng cục Thống kê thành lập thêm 3 đơn vị cấp Vụ giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước là: Vụ Thống kê Xây dựng và Vốn đầu tư; Vụ Thống kê Giá; Vụ Pháp chế tuyên truyền và Thi đua - Khen thưởng. Ở địa phương, Phòng Thống kê cấp huyện được chuyển thành Chi cục Thống kê, trực thuộc Cục Thống kê tỉnh, thành phố.

NHỮNG DẤU MỐC LỊCH SỬ



TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ THÚC ĐẨY THỐNG KÊ VIỆT NAM HỘI NHẬP SÂU RỘNG TOÀN CẦU

Suốt chặng đường 75 năm xây dựng và trưởng thành, các hoạt động hợp tác quốc tế đã có những đóng góp không nhỏ đối với sự lớn mạnh của ngành Thống kê. Hợp tác quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất, với những thay đổi quan trọng cả về nội dung và phương thức hợp tác. Tổng cục Thống kê không chỉ tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật với các quốc gia có trình độ thống kê phát triển mà còn từng bước thực hiện hỗ trợ, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm với thống kê các quốc gia trong khu vực. Bước vào giai đoạn mới, với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ trong kỷ nguyên số đi kèm với các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Thống kê Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức đòi hỏi hoạt động hợp tác quốc tế không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng để thích ứng và phát triển.

Hoạt động hợp tác quốc tế qua các thời kỳ

Trải qua 75 năm xây dựng và trưởng thành, Thống kê Việt Nam đã và đang khẳng định được vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin thống kê phục vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các đối tượng dùng tin khác. Đi cùng với thành công này là đóng góp không nhỏ của hoạt động hợp tác quốc tế trong từng thời kỳ phát triển khác nhau của ngành Thống kê. Trong những năm đầu thành lập, Thống kê Việt Nam đã chú trọng hợp tác về thống kê với Liên Xô (cũ), Trung Quốc, CHDC Đức, Tiệp Khắc và các nước Đông Âu về phương pháp luận thống kê, kinh nghiệm giảng dạy, đào tạo cán bộ thống kê và cơ sở vật chất kỹ thuật.

Từ năm 1980, Thống kê Việt Nam đã mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức của Liên hợp quốc và đã nhận được sự giúp đỡ



của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) trong Tổng điều tra dân số năm 1979; tiếp theo là quan hệ với Thống kê Pháp; thực hiện củng cố quan hệ thống kê với Lào và Cam-pu-chia.

Trong thời kỳ đổi mới, Thống kê Việt Nam đã ngày càng hội nhập sâu, rộng vào hoạt động của Thống kê thế giới, góp phần thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển của Đảng và Nhà nước. Một dấu mốc quan trọng

thể hiện sự hội nhập của Thống kê Việt Nam là việc chuyển đổi từ Hệ thống cân đối vật chất sang Hệ thống tài khoản quốc gia dưới sự hỗ trợ của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc. Với chủ trương tăng cường hội nhập để phát triển, Thống kê Việt Nam đã tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động hợp tác đa phương trong khuôn khổ thống kê Liên hợp quốc, các thể chế quốc tế và khu vực. Việt Nam đã tiếp nhận có hiệu quả các hỗ trợ từ cộng đồng



quốc tế, góp phần áp dụng các phương pháp thống kê tiên tiến lần xây dựng và củng cố cơ sở vật chất - kỹ thuật của Ngành. Nhiều cán bộ thống kê Việt Nam đã tham gia các khóa đào tạo về thống kê, công nghệ thông tin, ngoại ngữ... trong và ngoài nước với sự tài trợ của quốc tế. Nhiều đoàn cán bộ thống kê Việt Nam đã tham gia khảo sát, trao đổi kinh nghiệm thống kê tại nhiều nước trên thế giới. Qua đó, trình độ của đội ngũ thống kê ở cả Trung ương và địa phương đã ngày càng nâng cao.

Đến nay, Thống kê Việt Nam đã từng bước đáp ứng các nhu cầu thông tin thống kê của quốc tế, góp phần giúp Chính phủ Việt Nam hoàn thành tốt nghĩa vụ như: cung cấp số liệu thống kê phục vụ giám sát thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG), các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG); điều phối quốc gia trong Hệ thống phổ biến số liệu chung; đảm bảo số liệu để tham gia Chương trình so sánh quốc tế; cung cấp số liệu và hỗ trợ Bộ phận Thống kê ASEAN (ASEANstats) xây dựng các ấn phẩm của ASEAN về các lĩnh vực thống kê chuyên ngành như thương mại quốc tế về hàng hóa, đầu tư trực tiếp nước ngoài, thương mại quốc tế về dịch vụ, báo cáo Hệ thống giám sát tiến độ hội nhập cộng đồng ASEAN... phục vụ các lãnh đạo ASEAN trong xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng.

Thống kê Việt Nam đã tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế góp phần thúc đẩy thống kê trong khu vực và trên thế giới như: Hội nghị Thủ trưởng các Cơ quan Thống kê quốc gia khu vực Đông Nam Á năm 2010 (ASHOM 11); Hội nghị Ủy ban châu Á - Thái Bình Dương về thống kê nông nghiệp lần thứ 24 năm 2012



Toàn cảnh buổi làm việc cuối cùng của Kỳ họp lần thứ 52 của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc

(APCAS 24); Hội nghị Hiệp hội quốc tế về Thống kê chính thức năm 2014 (IAOS 2014); Hội nghị Tổng điều tra dân số thế giới lần thứ 29 năm 2018 (PCC 29)... Các hoạt động hợp tác song phương cũng tiếp tục phát triển. Cho đến nay, Việt Nam đã ký biên bản hợp tác song phương với các cơ quan thống kê quốc gia Hà Lan, Hàn Quốc, Hung-ga-ri, I-ta-li-a, Nhật Bản, Nga và Mông Cổ.

Thực hiện Quyết định số 1161/QĐ-TTg ngày 23/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án hội nhập thống kê ASEAN giai đoạn 2016 - 2020, Tổng cục Thống kê đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tích cực triển khai thực hiện các hoạt động của Đề án và đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao năng lực, hội nhập toàn diện, thể hiện trách nhiệm cao của Việt Nam trong việc duy trì sự ổn định và phát triển của thống kê khu vực.

Với vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê năm 2020, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường, chưa có tiền lệ, Thống kê Việt Nam đã chủ trì, phối hợp với ASEANstats và các quốc gia thành viên tổ chức

thành công nhiều hoạt động quan trọng, trong đó có Kỳ họp thứ 10 của Ủy ban Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN (ACSS10) và các sự kiện có liên quan theo hình thức trực tuyến. Qua đó, Thống kê Việt Nam thể hiện tốt vai trò dẫn dắt, kết nối các hoạt động của cộng đồng Thống kê ASEAN, nâng cao vị thế, vai trò, thể hiện tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chức Thống kê Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và cộng đồng Thống kê quốc tế.

Một số thách thức đối với hoạt động thống kê trong bối cảnh hiện nay

Trong giai đoạn hiện nay, Thống kê Việt Nam cũng như hoạt động thống kê chung của thế giới, đang đối mặt với nhiều thách thức. Trước hết phải kể đến nhu cầu dữ liệu ngày càng tăng. Dữ liệu chất lượng cao là nền tảng để hoạch định chính sách có ý nghĩa, phân bổ nguồn lực và cung cấp dịch vụ công hiệu quả. Tuy nhiên, ngay cả khi công nghệ mới tạo ra nhiều dữ liệu hơn và khả năng sử dụng dữ liệu rộng rãi hơn, vẫn còn nhiều khoảng trống trên bản đồ dữ liệu toàn cầu liên quan đến đo lường đầy đủ tình trạng nghèo đói, giảm chênh lệch giới tính, quản lý rủi ro

khí hậu, tài nguyên nước, giáo dục, y tế, an ninh lương thực và cơ sở hạ tầng. Tiếp bước những tiến bộ đạt được từ các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG), để đảm bảo phát triển công bằng hơn và bền vững về môi trường, rất cần một hệ thống thống kê mạnh có thể đo lường và khuyến khích những tiến bộ đạt được trong thực hiện các mục tiêu SDG. Theo ước tính của Liên hợp quốc, mỗi năm cần đầu tư khoảng 1 tỷ USD để giúp các quốc gia có thu nhập thấp hơn trên thế giới bắt kịp và áp dụng các hệ thống thống kê có khả năng hỗ trợ và đo lường SDG.

Một thách thức không thể không nhắc tới chính là nguồn viện trợ cho các hoạt động thống kê đang ngày càng thu hẹp. Việt Nam thực hiện xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025. Chiến lược và kế hoạch được kỳ vọng đặt ra những mục tiêu phát triển đầy tham vọng, phù hợp với vị thế một quốc gia có thu nhập trung bình và là một trong những điểm đến hấp dẫn nhất của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thành công này cũng có nghĩa các nhà tài trợ sẽ bắt đầu phân bổ các khoản viện trợ không hoàn lại và các nguồn vốn hỗ trợ nhiều ưu đãi cho các quốc gia có nhu cầu cấp bách hơn. Năm 2017, Việt Nam đã không nằm trong danh mục các quốc gia được hỗ trợ ưu đãi của Ngân hàng Thế giới; và đến năm 2018, Ngân hàng Phát triển châu Á cũng làm điều tương tự. Như vậy, nguồn lực quốc tế hỗ trợ các hoạt động của Thống kê Việt Nam sẽ bị cắt giảm đáng kể, các điều kiện tài trợ cũng khắt khe hơn.

Thách thức khác đó là, thế giới và Việt Nam đang chứng kiến

những sự thay đổi vượt bậc trong thời đại công nghệ số của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tầm ảnh hưởng sâu rộng của khoa học công nghệ đến đời sống con người. Có thể thấy một lượng lớn dữ liệu tiềm năng từ các công nghệ mới và các nguồn dữ liệu mới chưa từng tồn tại trước đây như dữ liệu không gian địa lý, hình ảnh vệ tinh, dữ liệu thiết bị di động và dữ liệu từ mạng xã hội... sẽ giúp tiết kiệm thời gian, tăng độ chính xác cũng như cung cấp nền tảng cho hoạch định chính sách. Điều đó đòi hỏi các cơ quan thống kê quốc gia, trong đó có Tổng cục Thống kê phải nâng cao trình độ chuyên môn về các loại dữ liệu mới, nâng cao kỹ năng phân tích dữ liệu...

Định hướng phát triển công tác hợp tác quốc tế trong thời gian tới

Hợp tác quốc tế là trụ cột quan trọng góp phần nâng cao vị thế của cơ quan thống kê quốc gia. Do đó, trong thời gian tới, ngành Thống kê cần triển khai một số hoạt động sau.

Thứ nhất, mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài trong lĩnh vực thống kê.

Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế thông qua tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác với các cơ quan thống kê, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển; tăng cường tìm kiếm đối tác, đề xuất nhu cầu hợp tác, xúc tiến hợp tác song phương, đa phương; huy động hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ các đối tác, các quốc gia có trình độ thống kê phát triển để nâng cao năng lực và triển khai các lĩnh vực thống kê Việt Nam quan tâm và ưu tiên, đặc biệt các lĩnh vực Thống kê Việt Nam cam kết tham gia cũng như toàn cầu hướng tới.

Hình thành đội ngũ công chức tinh thông nghiệp vụ, giỏi ngoại ngữ, đủ năng lực để cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm thống kê cho các quốc gia trên thế giới cũng như khu vực ASEAN, tham gia vào các Ban chỉ đạo, Nhóm công tác của Thống kê Liên hợp quốc, thống kê khu vực, các Nhóm công tác trong khuôn khổ hợp tác thống kê ASEAN, đặc biệt là các lĩnh vực thống kê mới.

Thứ hai, nâng cao chất lượng công tác thống kê nói chung và thống kê nước ngoài nói riêng, đảm bảo so sánh quốc tế.

Đẩy mạnh áp dụng phương pháp luận theo chuẩn mực quốc tế trong biên soạn số liệu thống kê, đảm bảo tính so sánh; tăng cường biên soạn và phổ biến thông tin thống kê của Việt Nam và quốc tế, đáp ứng tối đa yêu cầu của mọi đối tượng dùng tin.

Nghiên cứu, thu thập, phổ biến các đánh giá, xếp hạng và xu hướng phát triển hoạt động thống kê của các tổ chức quốc tế đối với Thống kê Việt Nam nhằm xác định vị trí của Thống kê Việt Nam trong khu vực và thế giới, từ đó đẩy mạnh khả năng đáp ứng số liệu của Việt Nam trên các lĩnh vực thống kê khác nhau nhằm nâng cao vị thế của Thống kê Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Thứ ba, đổi mới cách thức quản lý, điều phối các dự án, các nguồn tài trợ nước ngoài cho Tổng cục Thống kê.

Thành lập Ban Quản lý Dự án chung của Tổng cục Thống kê và triển khai thực hiện để quản lý tập trung, thống nhất, hiệu quả tất cả các dự án, chương trình, hỗ trợ do cơ quan thống kê các nước, các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển cung cấp cho Tổng cục Thống kê./.

(Nguồn: Vụ Thống kê nước ngoài và Hợp tác quốc tế)

THỐNG KÊ HÀ NỘI

CHẶNG ĐƯỜNG 65 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Đậu Ngọc Hùng

Cục trưởng Cục Thống kê thành phố Hà Nội

Cách đây 65 năm, ngày 28/3/1956, Ủy ban Hành chính thành phố Hà Nội ra Quyết định số 83/QĐ-HN thành lập Ban Thống kê Hà Nội, tiền thân của Cục Thống kê thành phố Hà Nội ngày nay. Trải dài lịch sử 65 năm xây dựng và phát triển với bao khó khăn, thách thức và thuận lợi đan xen, được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tổng cục Thống kê, Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố, ngành Thống kê Hà Nội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đảm bảo thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ lãnh đạo Đảng, các cấp, các ngành trên địa bàn Thành phố và nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế.

Năm 1956, được thành lập trong hoàn cảnh đất nước vừa trải qua cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, miền Bắc mới thiết lập hoà bình, tổ chức bộ máy Thống kê Hà Nội khi đó còn sơ khai, số lượng cán bộ ít ỏi, hầu hết cán bộ làm công tác thống kê được điều chuyển từ quân đội sang, chưa có chuyên môn nghiệp vụ. Mặc dù kinh nghiệm và trình độ còn non trẻ, nhưng với lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần cách mạng cùng ý chí phấn đấu vươn lên, những người làm công tác thống kê đã thực hiện phương châm vừa làm, vừa học, nhờ vậy từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của ngành lúc bấy giờ. Đầu những năm 70, với sự quan tâm



Ông Đậu Ngọc Hùng, Cục trưởng Cục Thống kê TP. Hà Nội trao tặng Cờ thi đua của UBND TP. Hà Nội cho các đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2020

hướng dẫn về nghiệp vụ của Tổng cục Thống kê, ngành Thống kê Hà Nội đã từng bước áp dụng và tính toán một số chỉ tiêu kinh tế tổng hợp theo phương pháp luận Bảng cân đối vật chất (MPS) như: Tổng sản phẩm xã hội và Thu nhập quốc dân; giá trị Tổng sản lượng các ngành sản xuất vật chất...

Năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, ngành Thống kê Hà Nội tiếp tục được tăng cường củng cố tổ chức và nghiệp vụ chuyên môn. Các thông tin do ngành Thống kê thu thập như chính sách về hợp tác hoá, khoán trong nông nghiệp, chính sách về giá, tiền lương, tình hình đời sống cán bộ, công chức Nhà nước... tiếp tục giữ vai trò

chủ yếu trong đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của các cấp, các ngành, góp phần đánh giá đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn, phục vụ việc công cuộc xây dựng và phát triển Thủ đô.

Năm 1986, cùng với sự đổi mới toàn diện và sâu sắc của kinh tế Thủ đô, dưới sự đổi mới ngày càng cao của Tổng cục Thống kê, sự quan tâm của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố, ngành Thống kê Hà Nội đã có những bước chuyển đổi đáng kể về phương pháp luận Thống kê, về nội dung hệ thống chỉ tiêu Thống kê và phương pháp thu thập, xử lý thông tin. Giai đoạn này là sự thay đổi căn bản từ sử dụng phương pháp luận Bảng cân đối vật chất (MPS) sang sử dụng

phương pháp luận của Hệ thống tài khoản Quốc gia (SNA), phù hợp với thông lệ quốc tế và Thống kê khu vực. Ngành Thống kê Hà Nội đã tính toán được một số chỉ tiêu theo phương pháp này như: Giá trị sản xuất, Chi phí trung gian, Giá trị tăng thêm theo các ngành và các thành phần kinh tế cùng với tính toán các chỉ tiêu Tích lũy và Tiêu dùng, Vốn đầu tư phát triển...

Trong những năm gần đây, cùng với việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, Cục Thống kê Hà Nội đã tham gia nhiều ý kiến đóng góp cho Tổng cục Thống kê nhằm thay đổi và hoàn thiện dần các chỉ tiêu thống kê cho phù hợp như: Xây dựng các chế độ báo cáo thống kê định kỳ, phương án các cuộc điều tra, xây dựng các bảng phân loại thống kê, dự thảo Luật Thống kê... Ngoài ra, Cục Thống kê TP. Hà Nội đã chủ động trong việc xây dựng và trình UBND Thành phố ban hành các chế độ báo cáo Thống kê phục vụ cho nhu cầu thông tin của Thành phố và các Quận, huyện như: Chế độ báo cáo thống kê xã, phường; chế độ báo cáo của các Chi cục Thống kê cấp huyện; chế độ báo cáo của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã... Cục đã biên tập và cung cấp các số liệu kinh tế - xã hội chủ yếu thành phố Hà Nội và cả nước các năm theo yêu cầu của Thành ủy, phục vụ Ban biên tập Văn kiện Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố và phục vụ Thành phố xây dựng kế hoạch các năm tiếp theo; Góp ý văn kiện Đại hội Đảng bộ các cấp; xây dựng kịch bản tăng trưởng các ngành lĩnh vực và GRDP theo quý, năm; cung cấp số liệu theo yêu cầu của UBND để xây dựng báo cáo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng phục vụ tiếp xúc cử tri

Trong những năm qua, Cục Thống kê Hà Nội ứng dụng công nghệ thông tin mạnh mẽ trong công tác thống kê nói chung và trong điều tra thống kê nói riêng. Ngành Thống kê Hà Nội đã ứng dụng thành công phiếu điều tra điện tử (CAPI và webform) trong Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 đạt 100%, giúp rút ngắn thời gian thu thập thông tin và xử lý kết quả Tổng điều tra so với phương pháp truyền thống (sử dụng phiếu giấy sau đó nhập tin bàn phím hoặc quét phiếu - scanning). Bên cạnh đó, Cục Thống kê TP. Hà Nội đã ứng dụng phiếu điều tra điện tử CAPI cho các cuộc điều tra khác: Lao động việc làm, Biến động dân số, Chỉ số giá tiêu dùng, Mức độ hài lòng của khách du lịch đến Hà Nội...

trước kỳ họp HĐND Thành phố. Thông tin do Cục Thống kê TP. Hà Nội cung cấp được đánh giá là tin cậy, kịp thời, được sử dụng chính thức trong báo cáo của Đảng bộ và chính quyền Thành phố. Thống kê Hà Nội, cùng với cả nước, luôn luôn đổi mới về nội dung, phương pháp chuyên môn, theo chuẩn mực thống kê quốc tế, đảm bảo tính minh bạch, công khai về khái niệm, nội dung và phương pháp giúp cho người dùng tin có điều kiện đánh giá đúng và đầy đủ hơn về thông tin mà mình được cung cấp.

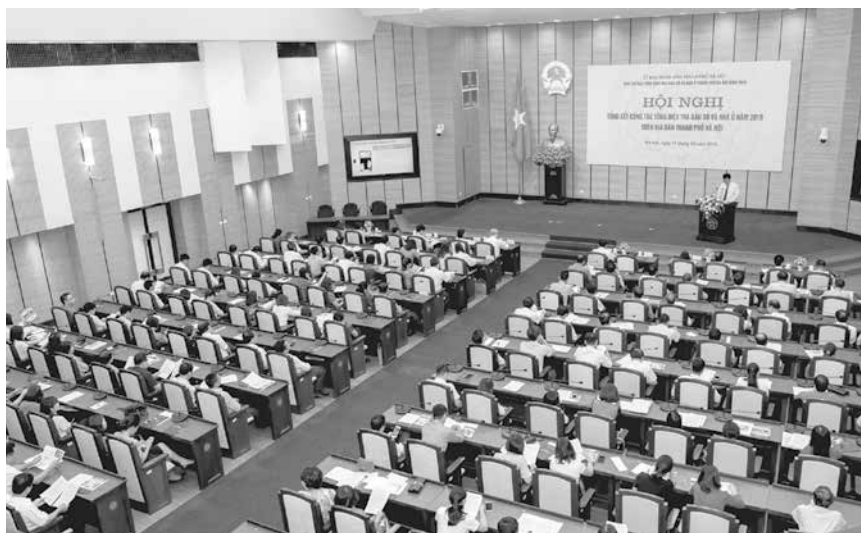
Cục Thống kê TP. Hà Nội đã áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO trên các lĩnh vực công tác thống kê, điều tra và tổng điều tra từ năm 2007. Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị đã giúp nâng cao chất lượng và tính kịp thời của thông tin thống kê theo hướng thiết thực, sát yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ quản lý, điều hành của các cấp chính quyền địa phương. Cục Thống kê TP. Hà Nội cam kết thực hiện theo đúng phương châm

đã đăng ký hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008 là: "Trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời và đa dạng". Công tác phổ biến thông tin cũng được chú trọng qua các hình thức như: Trang thông tin điện tử của Cục tại địa chỉ: thongkehanoi.gov.vn và bảng Led điện tử. Đây là các kênh thông tin rất hiệu quả để phổ biến, tuyên truyền các chế độ báo cáo của ngành Thống kê, đồng thời phổ biến kịp thời thông tin thống kê tới người dùng tin một cách nhanh chóng.

Về công tác nhân sự, ngày 01/8/2008, thực hiện Nghị quyết 15/2008/QH12 về điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội của Quốc hội về việc sát nhập tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh của tỉnh Vĩnh Phúc và 4 xã thuộc huyện Lương Sơn tỉnh Hòa Bình vào Hà Nội, do đó, Hà Nội đã được mở rộng hơn 3 lần về diện tích, hơn 2 lần về dân số và là Thủ đô lớn thứ 17 trên thế giới. Sau khi mở rộng địa giới hành chính, tính đa dạng, phức tạp của các vấn đề kinh tế - xã hội ngày càng gia tăng.



Hiện nay, Hà Nội có trên 8,3 triệu dân với 30 quận, huyện, thị xã, 579 xã, phường, thị trấn, có khoảng 200 nghìn doanh nghiệp, 4 nghìn đơn vị hành chính sự nghiệp, hiệp hội, văn phòng đại diện, trên 380 nghìn cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể, tôn giáo, tín ngưỡng nên khối lượng thông tin thống kê cần thu thập, tổng hợp hàng năm rất lớn. Do vậy, sau khi hợp nhất Cục Thống kê tỉnh Hà Tây và Cục Thống kê TP. Hà Nội, đội ngũ cán bộ thống kê đã thường xuyên được tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Đồng thời, Cục cũng tạo điều kiện để cán bộ tự học tập nâng cao trình độ của mình (hiện nay, 100% cán bộ có trình độ đại học và trên đại học). Thực hiện Quyết định số 1006/QĐ-TCTK ngày 20/5/2020 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Thống kê thành phố Hà Nội có 230 công chức và người lao động, gồm 5 phòng thuộc cơ quan Cục là:



Phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Thống kê xã hội, phòng Thống kê kinh tế, phòng Thu thập thông tin, phòng Thống kê Tổng hợp và 30 Chi cục Thống kê cấp huyện.

Cùng với ngành Thống kê cả nước, Thống kê Hà Nội đang tiếp tục đổi mới tích cực và toàn diện cả về nội dung và phương pháp. Hầu hết các nghiệp vụ chuyên môn đều có sự thay đổi căn bản về chế độ báo cáo, điều tra, nội dung

chỉ tiêu, kỳ thu thập, đòi hỏi phải triển khai, đôn đốc thực hiện trên quy mô lớn trong thời gian ngắn. Luật Thống kê năm 2003, Luật Thống kê năm 2015 cùng một số văn bản pháp lý quan trọng như: Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Đề án 312; Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam... được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành thời gian qua vừa là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thống kê, vừa đặt ra những yêu cầu và nguyên tắc bắt buộc phải tuân thủ, trước hết là đối với ngành Thống kê và người làm công tác thống kê.

Kỷ niệm 65 năm Ngày thành lập Cục Thống kê TP. Hà Nội và hướng tới kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập ngành Thống kê Việt Nam, trong điều kiện nguồn nhân lực, vật lực còn hạn hẹp, Cục Thống kê thành phố Hà Nội đã và sẽ cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác chuyên môn do Tổng cục Thống kê giao, đồng thời đáp ứng cao nhất về chất lượng số liệu, phục vụ kịp thời nhu cầu thông tin của Thành phố và yêu cầu tổng hợp số liệu chung của cả nước./.

(Nguồn: Cục Thống kê TP. Hà Nội)

Cục Thống kê Thành phố làm tốt vai trò là cơ quan chủ trì, tham mưu, đề xuất thực hiện, đồng thời, phân phối các Sở, ngành liên quan triển khai thu thập thông tin đầu vào phục vụ Đề án Đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP). Trong năm 2020, Tổng cục Thống kê và UBND Thành phố đã phối hợp rà soát đánh giá lại nguồn thông tin đầu vào để sử dụng tính toán số liệu sơ bộ GRDP 6 tháng đầu năm, ước tính quý III, quý IV và cả năm 2020 trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến tình hình kinh tế-xã hội Thủ đô. Thành phố Hà Nội cũng đã thực hiện nghiệm thu và sử dụng số liệu GRDP do Tổng cục Thống kê biên soạn và công bố. Số liệu này được thống nhất sử dụng trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và làm căn cứ đánh giá, xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của Thành phố.

Cách đây vừa tròn 75 năm, ngày 06/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 61/SL về việc thành lập Nha Thống kê Việt Nam trong Bộ Quốc dân kinh tế, đây là tổ chức tiền thân của ngành Thống kê nước ta.

Đối với tỉnh Quảng Bình, ngành Thống kê được thành lập vào ngày 20/02/1956. Trải qua hơn 65 năm xây dựng và phát triển, ngành Thống kê Quảng Bình luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin phục vụ sự lãnh đạo, quản lý của các cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp.

Những ngày đầu thành lập, mô hình tổ chức thống kê được lập theo cấp hành chính, gồm Ban Thống kê tỉnh, Phòng Thống kê huyện và Thống kê xã đều nằm trong Văn phòng Uỷ ban Hành chính các cấp. Khi đó, Ban Thống kê tỉnh chỉ có 4 người, Thống kê huyện 1 - 2 người, hầu hết từ cán bộ chính trị và quân đội chuyển sang. Thời kỳ 1958 - 1960, trước yêu cầu mới của công tác thống kê, tỉnh đã quyết định tăng cường thêm cán bộ cho ngành Thống kê. Năm 1960, Ban Thống kê được tách khỏi Văn phòng Uỷ ban Hành chính tỉnh, thành cơ quan độc lập với tên gọi Chi cục Thống kê. Số lượng cán bộ Chi cục Thống kê lúc này đã lên 23 người, được tổ chức và phân công nhiệm vụ theo từng bộ phận chuyên môn. Cán bộ Thống kê huyện cũng được tăng cường, mỗi huyện có 3 - 4 người. Nhiệm vụ Thống kê giai đoạn này là cung cấp thông tin phục vụ hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh mà trọng tâm là cải cách ruộng đất, hình thành quan hệ sản xuất mới ở nông thôn. Thời kỳ 1961-1964



THỐNG HÒA CHUNG DÒNG CHẢY

tập trung phục vụ thông tin cho việc xây dựng kế hoạch và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961 - 1965.

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, nêu cao truyền thống quê hương "Hai giỏi", ngành Thống kê tỉnh tiếp tục được mở rộng và phát triển. Thời kỳ cao điểm, số lượng cán bộ Chi cục Thống kê lên đến 82 người, vừa làm nhiệm vụ chuyên môn, vừa tham gia phục vụ sản xuất và chiến đấu. Công tác Thống kê đã chuyển hướng hoạt động cho phù hợp tình hình thời chiến, vừa thu thập số liệu kinh tế - xã hội, vừa thống kê số liệu phục vụ chiến đấu và thiệt hại chiến tranh do đế quốc Mỹ gây ra. Thông tin thống kê đã phục vụ đắc lực cho lãnh đạo các cấp trên cả hai mặt trận, chỉ đạo xây dựng phát triển

kinh tế - xã hội và chỉ đạo chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Sau ngày đất nước thống nhất, tháng 01/1976, 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên hợp nhất, Chi cục Thống kê tỉnh Bình Trị Thiên được hình thành. Ngay từ ngày đầu hợp nhất, những cán bộ Thống kê Quảng Bình tiếp tục phát huy tốt truyền thống quê hương "Hai giỏi", năng động, sáng tạo, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Cục Thống kê Bình Trị Thiên. Nhiệm vụ công tác thông tin thống kê thời kỳ này tập trung phục vụ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh vùng mới giải phóng, khôi phục phát triển kinh tế sau chiến tranh cũng như phục vụ xây dựng, đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển



KÊ QUẢNG BÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH

ThS. Trần Quốc Lợi

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình

kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm 1976-1980, 1981-1985, 1986-1990. Đặc biệt, ngành Thống kê đã triển khai một số cuộc điều tra và Tổng kiểm kê để thu thập thông tin tình hình cơ bản phục vụ kiến thiết xây dựng quê hương, đất nước như: Tổng điều tra dân số năm 1979; Điều tra và thống kê đất năm 1977-1978; Điều tra kê khai nhà ở năm 1977 - 1978...

Tháng 7/1989, Quảng Bình trở về địa giới cũ. Kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới của Đảng, cùng với sự phát triển của ngành Thống kê cả nước, ngành Thống kê Quảng Bình đã có những bước chuyển mình đáng ghi nhớ:

Ngày 04/01/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 01/NĐ-CP chuyển Tổng cục Thống kê vào Bộ Kế hoạch và Đầu tư, giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

thực hiện công tác quản lý Nhà nước đối với Tổng cục Thống kê. Nghị định này là dấu mốc đưa ngành Thống kê bước sang trang mới.

Ngày 14/01/2011, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký Quyết định số 24/QĐ-TCTK quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình, theo đó Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình có cơ cấu tổ chức gồm 06 phòng (Phòng Thống kê Tổng hợp, Phòng Thống kê Nông nghiệp, Phòng Thống kê Công - Thương, Phòng Thống kê Dân số - Văn xã, Phòng Thanh tra Thống kê và Phòng Tổ chức - Hành chính) và 07 Chi cục Thống kê huyện, thành phố được thành lập trên cơ sở Phòng Thống kê huyện, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 20/12/2013 của Chính phủ

về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Quảng Trạch để thành lập mới thị xã Ba Đồn, ngày 24/01/2014, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ký Quyết định số 38/QĐ-TCTK về việc thành lập Chi cục Thống kê thị xã Ba Đồn trực thuộc Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình, từ đó Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình có 08 Chi cục Thống kê huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngày 20/5/2020, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ký Quyết định số 1006/QĐ-TCTK quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo đó Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình có cơ cấu tổ chức gồm 05 phòng (Phòng Thống kê Tổng hợp, Phòng Thống kê Kinh tế, Phòng Thống kê Xã hội, Phòng Thu thập Thông tin thống kê và Phòng Tổ chức - Hành chính) và 06 Chi cục Thống kê cấp huyện, trong đó có 02 Chi cục Thống kê khu vực là Chi cục Thống kê khu vực Tuyên Hóa - Minh Hóa (sáp nhập Chi cục Thống kê huyện Tuyên Hóa với Chi cục Thống kê huyện Minh Hóa) và Chi cục Thống kê khu vực Quảng Trạch - Ba Đồn (sáp nhập Chi cục Thống kê huyện Quảng Trạch với Chi cục Thống kê thị xã Ba Đồn). Hiện nay, Cục Thống kê Quảng Bình có 61 công chức trên tổng số 65 biên chế được giao năm 2021, trong đó có 27 thạc sĩ (chiếm 44,3%), 03 đồng chí đang học thạc sĩ; 09 đồng chí được đào tạo cử nhân và cao cấp lý luận chính trị, 01 đồng chí đang học cao cấp lý luận chính trị; 23 đồng chí được đào tạo trung cấp lý luận chính trị;



01 đồng chí giữ ngạch chuyên viên cao cấp và 10 đồng chí giữ ngạch thống kê viên chính.

Về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê, hoạt động thống kê được đổi mới trên tất cả các mặt công tác: Các hệ thống chỉ tiêu thống kê; Phương pháp thu thập, xử lý và truyền đưa thông tin; Phân loại và phân ngành trong thống kê; Nội dung và phương pháp thống kê doanh nghiệp; Công tác phân tích và dự báo thống kê; Bổ sung các nội dung thống kê mới...

Bên cạnh đó, việc ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong thu thập thông tin và trong xử lý, tổng hợp và phân tích của hoạt động thống kê cũng đã hạn chế tối đa sai sót trong tính toán, loại bỏ được ý muốn chủ quan của con người, tiết kiệm ngân sách nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng thông tin và rút ngắn đáng kể thời gian xử lý số liệu và thời gian làm báo cáo thống kê.

Đến nay sau 31 năm tái lập tỉnh, theo giá hiện hành, quy mô nền kinh tế của tỉnh Quảng Bình (GRDP) đã tăng lên, từ 307,7 tỷ đồng năm 1990 lên 41,6 nghìn tỷ đồng năm 2020 (gấp 135,2 lần). Cũng trong giai đoạn 1990-2020, giá trị sản xuất công nghiệp tăng từ 187,3 tỷ đồng lên gần 18,2 nghìn tỷ đồng (gấp 97,0 lần); giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng từ 1.976,7 tỷ đồng lên 16,0 nghìn tỷ đồng (gấp 8,1 lần); tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng từ 45,1 tỷ đồng lên 21,9 nghìn tỷ đồng (tăng gấp 485,5 lần); GRDP bình quân đầu người tăng từ 0,46 triệu đồng lên 46,12 triệu đồng (tăng gấp 100,3 lần). Cùng với đó, các mặt văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ vượt bậc. Trong thành quả chung đó có sự đóng góp quan trọng của ngành Thống kê Quảng Bình.

Nhờ nâng cao chất lượng thông tin và đẩy mạnh hoạt động phổ biến thông tin nên nhiều sản phẩm thông tin thống kê của tỉnh như: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý, 6 tháng, năm; Niên giám thống kê; Kết quả các cuộc điều tra và các dãy số liệu thống kê nhiều năm... đã trở thành nguồn thông tin quan trọng đối với hầu hết các đối tượng sử dụng thông tin thống kê. Đặc biệt, hệ thống số liệu do ngành Thống kê Quảng Bình thu thập, tổng hợp đã trở thành tư liệu lịch sử bằng số, ghi lại quá trình xây dựng và phát triển của tỉnh Quảng Bình qua các kỳ Đại hội, các kỳ kế hoạch 5 năm 1991-1995, 1996-2000, 2001-2005, 2006-2010, 2011-2015, 2016-2020. Công tác phân tích kinh tế - xã hội được quan tâm, nhiều ấn phẩm có giá trị đã được ngành Thống kê biên soạn và xuất bản như: "Quảng Bình 10 năm xây dựng và phát triển", "Quảng Bình 15 năm xây dựng và phát triển", "Quảng Bình 20 năm xây dựng và phát triển", "Doanh nghiệp Quảng Bình thời kỳ 2006 - 2010 qua kết quả điều tra năm 2007 - 2011", "Bức tranh toàn cảnh cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp tỉnh Quảng Bình", "Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011 tỉnh Quảng Bình", "Tổng điều tra dân số và nhà ở Quảng Bình năm 2009 - Các kết quả chủ yếu", "Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019 tỉnh Quảng Bình"; tham gia biên soạn cuốn "Quảng Bình 30 năm đổi mới và phát triển"...

Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, ngành Thống kê Quảng Bình đã đạt được những thành quả quan trọng, được Đảng, Nhà nước và Nhân dân ghi nhận, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba năm 2002 và lần hai

năm 2017; 04 tập thể được tặng thưởng Huân chương Lao động, trong đó có 01 hạng Nhì, 03 hạng Ba; 05 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động, trong đó 01 hạng nhất, 01 hạng Nhì và 03 hạng Ba. Từ năm 2009 - 2020, ngành Thống kê Quảng Bình liên tục được tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen năm 2012; nhiều tập thể và cá nhân được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen...

Nhìn lại chặng đường đã qua, ngành Thống kê Quảng Bình tự hào về những gì mà các thế hệ công chức và người lao động đã vượt qua bao gian khó để đạt được; đồng thời, cũng thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại, hạn chế cần khắc phục. Hiện nay, nhu cầu sử dụng thông tin thống kê ngày càng cao, không chỉ từ các cơ quan Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành mà còn từ nhiều đối tượng dùng tin khác. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng của ngành Thống kê chưa được đầy đủ, kịp thời; nhiều người sử dụng còn gặp khó khăn trong việc tìm kiếm, khai thác số liệu thống kê; phạm vi thống kê chưa bắt kịp sự phát triển nhanh của một số lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội.

Những tồn tại hạn chế này luôn được lãnh đạo ngành Thống kê Quảng Bình tìm nhiều biện pháp giải quyết trong các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm. Cùng với những kinh nghiệm rút ra từ chặng đường 65 năm hoạt động, nhất là 35 năm đổi mới, với sự quan tâm của lãnh đạo Tổng cục Thống kê, Tỉnh uỷ, HĐND và UBND tỉnh, trước yêu cầu ngày càng cao về thông tin kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay, ngành Thống kê Quảng Bình sẽ tiếp tục vững bước tiến lên./.



THỐNG KÊ NINH BÌNH

65 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

Bùi Văn Đồng

Quyền Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình

Căn cứ nội dung Điều lệ về Tổ chức Cục Thống kê Trung ương và cơ quan Thống kê địa phương, ban hành theo quyết định 695/TTg ngày 20/02/1956 của Thủ tướng Chính phủ, sau khi có hướng dẫn của Cục Thống kê Trung ương, tỉnh Ninh Bình đã sớm triển khai thực hiện việc tổ chức bộ máy cơ quan thống kê địa phương. Ban Thống kê Ninh Bình được thành lập nằm trong Ủy ban Kế hoạch (UBKH) tỉnh, ban đầu có 03 cán bộ. Tháng 6/1956, Ban Thống kê tỉnh tách ra khỏi UBKH tỉnh và hoạt động độc lập vẫn chỉ có 3 cán bộ trên.

- Giai đoạn 1956 - 1960: Thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 18/3/1957 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường lãnh đạo công tác thống kê. Ngày 25/3/1957, Thủ tướng Chính phủ ra Thông tư số 108/TTg về việc thành lập Ban Thống kê xã; tiếp theo ngày 8/4/1957 Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định 142/TTg quy định lại tổ chức, nhiệm vụ của Cơ quan Thống kê các cấp, các ngành. Theo đó, Ngành Thống kê Ninh Bình được tổ chức theo mô hình: Cấp tỉnh có Chi cục Thống kê; cấp huyện, thị xã có Phòng Thống kê; cấp xã có Ban Thống kê là cơ quan chuyên môn của Ủy ban hành chính (UBHC) địa phương.

Nhiệm vụ của Chi cục Thống kê tỉnh là thực hiện công tác thu thập, chỉnh lý những tài liệu



điều tra thống kê cơ bản về các ngành kinh tế quốc dân và văn hoá, xã hội ở địa phương; kiểm tra một cách có hệ thống tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước của địa phương; cung cấp tài liệu cho Cục Thống kê Trung ương, UBHC và UBKH địa phương theo chế độ qui định. Chỉ đạo các tổ chức thống kê thuộc các ngành nghiệp vụ có liên quan, tiến hành công tác điều tra thống kê, giúp đỡ các ngành, các cơ quan, các xí nghiệp, cải tiến công tác thống kê, lãnh đạo cơ quan thống kê cấp dưới kiểm tra việc thi hành chế độ công tác thống kê. Phòng Thống kê các huyện, thị xã thực hiện công việc điều tra thống kê, và kiểm tra công tác thống kê của Ban Thống kê xã. Ban Thống kê xã thực hiện

thu thập tài liệu thống kê cơ bản về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn xã.

Sau 5 năm hoạt động, trong điều kiện mô hình tổ chức mới, lực lượng cán bộ mỏng lại ít kinh nghiệm công tác thực tiễn, nhưng với phương châm “vừa làm, vừa học”, ngành Thống kê Ninh Bình đã xây dựng và hình thành được một hệ thống tổ chức thống kê địa phương khá hoàn chỉnh. Cũng thông qua thực tế hoạt động công tác đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ thống kê có hiểu biết nhất định về nghiệp vụ, chuyên môn, tạo “vốn” ban đầu cho hoạt động thống kê trong các giai đoạn tiếp theo.

- Giai đoạn 1961-1965: Tổ chức thống kê Ninh Bình tiếp tục được

củng cố và kiện toàn. Cơ quan Chi cục Thống kê Ninh Bình được bố trí thành các phòng nghiệp vụ (Phòng Thống kê Tổng hợp, phòng Thống kê Nông lâm nghiệp, phòng Thống kê Công thương). Số cán bộ cũng được tăng cường gấp 2 lần so ban đầu và hầu hết được đào tạo tại các trường chính quy.

Giai đoạn này, Ngành Thống kê Ninh Bình chủ yếu vẫn theo những qui định như giai đoạn trước. Tuy nhiên có thêm một số điểm mới là tổ chức và chỉ đạo các cấp, các ngành, các cơ quan đơn vị thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ và các cuộc điều tra thống kê, thống nhất quản lý các loại biểu mẫu thống kê, phương án điều tra thống kê, quản lý các số liệu thống kê về tình hình kinh tế - xã hội, bồi dưỡng cán bộ thống kê cho các cấp, các ngành, các đơn vị trong tỉnh. Chi cục Thống kê tỉnh là thành phần chủ yếu trong việc kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước của các đơn vị cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Đặc điểm nổi bật trong hoạt động nghiệp vụ thống kê ở giai đoạn này là chuyển từ hình thức điều tra là chủ yếu sang hình thức vừa điều tra, vừa thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ.

- Giai đoạn 1966-1975: Để đảm bảo bộ máy gọn nhẹ trong điều kiện thời chiến, thực hiện chỉ thị 122/TTg ngày 02/10/1965 của Thủ tướng Chính phủ về công tác thống kê trong tình hình mới và chủ trương chung của tỉnh là ở các Ty, ban ngành cấp tỉnh bỏ cấp phòng, chuyển sang thành lập các tổ công tác. Lúc này, Cơ quan Chi cục Thống kê các phòng chuyển thành các tổ công tác (Tổ Tổng hợp, Tổ Nông nghiệp, Tổ Công thương nghiệp) và đến năm 1970 do yêu cầu và thực tiễn công tác phát triển,

các Phòng trong Cơ quan Chi cục được thành lập trở lại.

Từ tháng 4/1974, khi ngành Thống kê Ninh Bình được tổ chức theo ngành dọc đến cấp huyện, thì chức năng, nhiệm vụ được thực hiện theo qui định tại bản điều lệ "Tổ chức và hoạt động của TCTK" được ban hành theo Nghị định 72/CP và nội dung trong các quyết định 84/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 203/TCTK-TCCB của TCTK. Đặc điểm nổi bật của hoạt động công tác thống kê trong giai đoạn này chủ yếu là triển khai chế độ báo cáo thống kê định kỳ, có kết hợp điều tra thống kê, trong đó có cuộc Tổng điều tra dân số miền Bắc lần thứ hai năm 1974 thực hiện theo Quyết định 151/CP ngày 24/9/1973 của Chính phủ.

Năm 1971, ngành được trang bị các loại máy cơ điện như máy kế toán 170, máy ASCOTA 114, ASCOTA 116, máy nhân R44; và đến đầu năm 1975, được trang bị 2 máy tính điện tử SOEM TRON 385 của Đức thì công việc tính toán, tổng hợp số liệu tại cơ quan Chi cục Thống kê thuận lợi và nhanh hơn trước rất nhiều.

- Giai đoạn 1976-1991: Thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 24 của Ban chấp hành TW Đảng và Nghị quyết 245 của Bộ Chính trị (khoá IV), tháng 3/1976, tỉnh Ninh Bình sát nhập vào tỉnh Nam Hà và thành lập tỉnh mới là tỉnh Hà Nam Ninh. Tháng 3/1976, khi sát nhập vào Chi cục Thống kê tỉnh Hà Nam Ninh, về cơ bản tất cả số cán bộ của Chi cục Thống kê Ninh Bình đều tiếp tục được bố trí làm việc tại các phòng tương ứng của cơ quan Chi cục mới.

- Giai đoạn từ 1992 đến nay: Chấp hành Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá VIII (tháng 12/1991), tỉnh Ninh Bình lại được

tách ra khỏi tỉnh Hà Nam Ninh. Như vậy, sau 16 năm hợp nhất, từ 01/4/1992, tỉnh Ninh Bình được tái lập lại. Cục Thống kê Ninh Bình cũng được thành lập lại, trong hoàn cảnh khó khăn nhiều mặt của buổi ban đầu, song với nỗ lực không ngừng vươn lên của đội ngũ công chức và người lao động trong toàn Ngành, trên từng cương vị công tác của mình vẫn hăng hái bắt tay ngay vào công việc được giao.

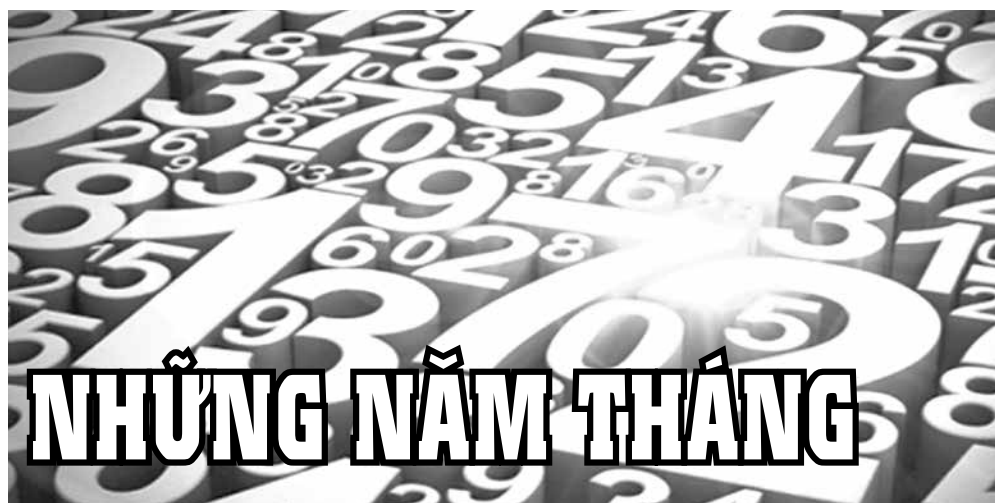
Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình đã luôn cung cấp thông tin thống kê đầy đủ, chính xác, kịp thời phục vụ đánh giá phân tích và dự báo xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cũng như của từng ngành, góp phần quan trọng vào công tác hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương nói riêng và cả nước nói chung. Vị thế của Ngành Thống kê Ninh Bình ngày càng được nâng lên, các cấp, các ngành không những đã thống nhất sử dụng số liệu ngành cung cấp mà còn hiểu rõ hơn về phương pháp chế độ của ngành Thống kê. Thông tin thống kê cung cấp đã trở thành nhu cầu cấp thiết không thể thiếu trong công tác lãnh đạo chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong 65 năm xây dựng và trưởng thành, Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình đã giành nhiều thành tựu trong công tác. Hàng năm luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao. Với thành tích đạt được, đơn vị được Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động hạng Ba (năm 2000, 2019); Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ (năm 2016, 2017); Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 1995, 2012, 2016) và nhiều phần thưởng cao quý khác./.



LTS. Ngành Thống kê với bề dày lịch sử 75 năm xây dựng và phát triển, đã có lớp lớp cán bộ đi trước và lớp lớp thế hệ sau tiếp bước cùng góp bao công sức xây dựng Ngành. Ông Hoàng Trình, nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (1974-1984) là một trong những bậc tiền bối góp công xây dựng ngành Thống kê vững mạnh như ngày nay.

Dưới đây, Tạp chí Con số và Sự kiện giới thiệu một phần mảnh ghép cuộc đời của Ông (trích từ Hồi ký Qua những chặng đường), là thời gian ông gắn bó bao tâm huyết với ngành Thống kê, từ khi ông nhận nhiệm vụ về làm Tổng cục trưởng Ngành cho đến khi về hưu (tít bài do Ban biên tập đặt).



NHỮNG NĂM THÁNG GẮN BÓ VỚI NGÀNH THỐNG KÊ



Ông Hoàng Trình

*Nguyên Tổng cục trưởng TCTK
từ năm 1974 đến năm 1984*

Tháng 8 năm 1974, tôi được Chính phủ cử làm trưởng đoàn kinh tế chính phủ đi đàm phán chuẩn bị cho đoàn chính phủ chính thức sẽ ký vào cuối năm với Liên Xô và các nước

Đông Âu. Tháng 11 năm 1974 kết thúc đàm phán, tôi về đến sân bay Gia Lâm, đồng chí Bộ trưởng Bộ Vật tư ra đón tôi tại sân bay (hắn là trường hợp ngoại lệ) và đưa cho tôi quyết định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng điều động tôi đến nhận nhiệm vụ Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê. Tôi cầm bản quyết định mà bút rút trong lòng: Vì sao phải điều động tôi làm thống kê? Tuy tôi có học thống kê kế hoạch trong một lớp cán bộ cao cấp do giáo sư Liên Xô giảng năm 1956 và một lớp tại trường cán bộ cao cấp của Ủy ban Kế hoạch nhà nước Liên Xô năm 1963, nhưng tôi đâu có phải là chuyên gia thống kê. Một việc lớn như vậy sao không hỏi xem cán bộ có đảm đương được công việc hay không rồi hãy ra quyết nghị? Thực lòng mà nói, tôi chưa bao giờ có ý nghĩ rời bỏ ngành vật tư cả. Tôi đang làm việc xây dựng ngành vật tư đầy hào hứng.

Cả chiều hôm đó tôi cứ suy nghĩ mãi, biết làm sao bây giờ? Đã là Đảng viên, khi Đảng giao nhiệm vụ, dù khó khăn đến mấy cũng phải cố gắng làm cho kì được. Quyết định đã kí rồi, lẽ nào lại khước từ. Phải có ý thức kỷ luật. Thôi, cứ vừa làm vừa học, dựa vào cán bộ của ngành, lắng nghe họ, chắc sẽ thắng lợi, đừng để phụ lòng tin của Đảng.

Sáng hôm sau, đến gặp đồng chí Bộ trưởng Trần Danh Tuyên, đồng chí khuyến khích tôi và nói rằng đồng chí rất mến và tin cậy tôi, nếu đi làm việc gì khác thì đồng chí phản đối, nhưng đây là để lãnh đạo cả một ngành quan trọng nên đồng chí phải đồng ý. Sau đó, Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị gọi tôi lên thông báo tình hình ngành Thống kê và giao nhiệm vụ cho tôi tiếp tục xây dựng Ngành, trước hết lấy sự đoàn kết nội bộ làm đầu. Tôi trình bày những khó khăn trong lĩnh vực công tác mà tôi



chưa từng làm, và xin đồng chí hết sức giúp đỡ để có thể hoàn thành nhiệm vụ. Tôi rất cảm ơn đồng chí Nguyễn Đức Dương (nguyên Tổng cục Trưởng TCTK nhiệm kỳ 1961-1974), người tiền nhiệm của tôi, đã truyền đạt mọi chi tiết trong công tác, kể cả năng lực, tính tình từng cán bộ từ phó phòng trở lên. Tôi cũng được cán bộ ban Tổ chức Trung ương Đảng giới thiệu cụ thể về từng cán bộ chủ chốt... Thế là tôi làm công tác thống kê!

Phải nói rằng, ở đây có rất nhiều thuận lợi: Ngành Thống kê nước ta tuy còn non trẻ nhưng đã có đội ngũ cán bộ được đào tạo tốt, nắm vững nghiệp vụ, hầu hết đã tốt nghiệp đại học, nhiều người có học vị phó tiến sĩ. Nhiều đồng chí đã chiến đấu lâu năm, là sĩ quan quân đội, là cán bộ dân chính Đảng chuyển đến. Tôi dựa vào đội ngũ đó, duy trì mọi nề nếp làm việc như cũ, không thay đổi gì về mặt tổ chức và cán bộ. Công tác tổ chức cán bộ hết sức trọng yếu và phức tạp, nó quyết định sự thắng lợi hay không của cả bộ máy, cần phải nghiên cứu chín chắn, không thể nghe ý kiến của người này hay người khác, thiếu khách quan mà thay đổi vội vàng. Tôi nhấn mạnh đến việc đoàn kết, để hoàn thành nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước đã giao phó: Đó là làm sao cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội cho đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Việc trước tiên là tiếp tục thi hành quyết định của Chính phủ về việc tách Chi cục thống kê tỉnh ra khỏi Ủy ban kế hoạch tỉnh, giao trực thuộc Tổng cục Thống kê, ban hành giữa năm 1974. Tôi cùng một số cán bộ của Vụ Tổ chức cán bộ đi tiếp nhận bàn giao giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Tổng cục ở các tỉnh Hà Nam Ninh, Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh... Tháng 1 năm 1974,

Ông Hoàng Trình (1920-2013), sinh tại Thừa Thiên Huế (trong cuộc đời công tác của mình). Ông đã trải qua nhiều lĩnh vực và đảm nhận những vị trí quan trọng: Vụ trưởng Vụ kế hoạch, Bộ Công nghiệp (1954), Vụ trưởng Vụ Công nghiệp, Phủ Thủ tướng (1960), Vụ trưởng Vụ Công nghiệp nặng Ủy ban Kế hoạch Nhà nước (năm 1964), Thứ trưởng, ủy viên Ủy ban Kế hoạch (1965), Thứ trưởng thường trực Bộ Vật tư (1969), Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (1974-1984). Ông đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước trao tặng: Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng Nhất, Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, huy hiệu 60 năm tuổi Đảng (1999).

được tin ta chiến thắng giòn dã ở Phước Long rồi giải phóng thêm nhiều vùng ở Đồng bằng sông Cửu Long, tôi nghĩ có thể một số tỉnh nữa sẽ được giải phóng. Cần phải chuẩn bị cán bộ để tổ chức bộ máy thống kê ở các tỉnh miền Nam. Thống kê tình hình các mặt kinh tế xã hội là việc cấp bách cần thiết cho lãnh đạo các tỉnh và Trung ương, không chuẩn bị ngay thì sẽ bị động. Được sự đồng ý của

ban Thống nhất Trung ương, lúc đó do đồng chí Đặng Thỉ là Trưởng ban, người cũng đã từng làm Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê (từ năm 1958-1963), nên chủ trương này mau chóng được thông qua và trình Chính phủ phê duyệt. Trong tháng 2-1974, Tổng cục đã sắp xếp nội bộ cơ quan Tổng cục và Cục Thống kê các tỉnh, điều động hơn 50 cán bộ từ Cục phó đến Trưởng, Phó phòng đa số là người miền Nam xung phong quay về quê nhà. Số cán bộ này được tập trung về ban Thống nhất học tập các chủ trương chính sách về miền Nam và rèn luyện cơ thể: Đêm đêm anh em phải mang vác 20 viên gạch, tập đi bộ 3-4 tiếng đồng hồ, chuẩn bị leo núi vào miền Nam.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, tôi là ứng cử viên Đại biểu quốc hội khóa V, đang đi tiếp xúc cử tri lại Yên Bái thì được tin giải phóng Buôn Ma Thuột. Chiến dịch giải phóng miền Nam bắt đầu rồi. Tôi quay về Hà Nội và tiễn anh em cán bộ đi "B" lên đường. Thế là khỏi đi bộ, anh em đi tàu lửa vào Vinh rồi đi ô tô theo đường 559 vào Tây Ninh. Sài Gòn giải phóng được 3 ngày, đội quân thống kê đã có mặt và tiếp quản ngay cơ quan thống kê của ngụy quyền Sài Gòn.

Đoàn cán bộ được phân phối về các tỉnh. Linh, Huỳnh về thành phố Hồ Chí Minh, Ấn về Bến Tre, Nghĩa về Long An, Tân về Cà Mau, Nguyễn về Đồng Nai... Rồi tiếp điều động thêm cán bộ miền Bắc vào bổ sung cho miền Nam như Tâm, Huệ vào thành phố Hồ Chí Minh, Đại về Phú Khánh, Anh về Quảng Nam Đà Nẵng... Các đồng chí đó đã làm tốt công tác của mình, có đồng chí đã tham gia tình ủy hoặc làm chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch tỉnh. Bộ máy thống kê cấp tỉnh ngày càng được củng cố, nhà làm việc được xây dựng khang trang,



thiết bị thông tin tính toán được tăng cường, bộ máy thống kê cấp huyện, xã được xây dựng hoàn chỉnh trong cả nước.

Công tác thông tin báo cáo của Tổng cục được chú ý, ngày càng nhanh, kịp thời, chất lượng khá tốt. Các cuộc Điều tra dân số năm 1976 ở miền Nam, Tổng điều tra dân số toàn quốc 1979, cũng như cuộc Tổng điều tra ruộng đất được tiến hành khá tốt, tổng hợp số liệu nhanh. Chúng tôi quan tâm đến việc phân tích tình hình, từ các số liệu thu thập được, rút ra những số liệu “thứ cấp” có tính chất đối chiếu so sánh. Trong Đại hội lần thứ IV của Đảng năm 1976, tôi trình một “tờ bướm” tóm tắt tình hình kinh tế được Chủ tịch đoàn cho phép lưu hành trong Đại hội. Rút kinh nghiệm này, tại Đại hội lần thứ V năm 1982, với sự góp sức của Vụ Tổng hợp và Viện Khoa học Thống kê, Tổng cục đã soạn một tập tài liệu dày 68 trang, phân tích tình hình kinh tế xã hội 5 năm 1980-1985, nêu lên 13 vấn đề và nhiều số liệu so sánh, được phép lưu hành trong Đại hội. Các đại biểu đại hội hoan nghênh báo cáo này vì làm sáng tỏ tình hình lúc bấy giờ, bổ sung cho các báo cáo chính thức của Đại hội. Đặc biệt tháng 7 năm 1979, để chuẩn bị cho cuộc họp lần thứ 9 Trung ương Đảng khóa IV, với sự góp sức của tiến sĩ Tường, Phó viện trưởng Viện Khoa học Thống kê, tôi đã soạn một tờ trình gửi các đồng chí ủy viên Bộ Chính trị và ủy viên Ban Bí thư Trung ương, phân tích và kiến nghị một số vấn đề bức xúc lúc đó như vấn đề quản lý lương thực, thu mua thịt lợn, tổ chức hợp tác xã, vấn đề tổ chức bộ máy nhà nước, vấn đề tiền lương... Nhưng vì sự việc chưa chín muồi và trình bày chưa đủ lý lẽ nên bản kiến nghị này không được chấp thuận. May thay, tinh thần

của những kiến nghị này, sau này đã được thể hiện trong các chủ trương trong “đổi mới tư duy” của Đảng tại Đại hội lần thứ VI.

Tính toán là một khâu yếu, từ năm 1973-1974, Tổng cục có một dàn máy tính Minsk 22 cổng kênh chiếm cả một căn nhà và những máy tính Robotron chậm chạp. Thiết bị văn phòng chỉ có máy đánh chữ và máy in quay tay. Năm 1978, tôi đi dự Hội nghị thống kê Hội đồng Tương trợ Kinh tế; và sau đó được tham quan công tác thống kê một số nước nên đã vận động bạn tài trợ cho ta một số máy như máy in chụp, máy in sê-len. Trong cuộc Tổng điều tra dân số 1979, Liên hợp quốc viện trợ cho ta 100 máy tính điện tử để bàn và một máy tính mini 6 cũng còn kênh càng. Lúc bấy giờ máy vi tính chưa ra đời. Chúng tôi đã lên kế hoạch xây dựng một số trung tâm máy tính nối mạng về trong tâm của Tổng cục, tuy nhiên, kế hoạch này không thực hiện được vì không có ngân sách, cho đến khi anh Toàn (nguyên Tổng cục trưởng Lê Văn Toàn), người tiếp nhiệm đã tổ chức được hệ thống máy vi tính nối mạng, hoàn chỉnh.

Về quan hệ quốc tế, trước đây chưa hề có ai biết Tổng cục Thống kê của ta, mặc dù ta đã tiến bộ khá nhiều. Giữa năm 1978, ta được mời dự hội nghị ban Thống kê của Hội đồng Tương trợ Kinh tế các nước Xã hội chủ nghĩa, gọi tắt là SEV, họp tại Dresden (Đức), đoàn ta được đón tiếp nồng nhiệt, mặc dù chỉ là quan sát viên, vì nước ta chưa chính thức gia nhập SEV, nhưng ta vẫn được mời trình bày tình hình bộ máy tổ chức và các thành tựu đã đạt được, cũng như một số số liệu cơ bản. Bản báo cáo của ta được hoan nghênh nhiệt liệt. Trong giờ giải lao, các Cục trưởng đến chào đoàn ta,

ngụ ý vui mừng về kết quả công tác thống kê của ta, ngoài sự tưởng tượng của họ vì họ vẫn nghĩ rằng nước ta lạc hậu lắm, có lẽ chưa có cơ quan thống kê. Nói là đoàn nhưng chỉ có tôi và anh Trạc phiên dịch, hai anh em lần đầu tiên đi dự hội nghị quốc tế. Tôi được phát 29 đồng tiền Đức mỗi ngày, anh Trạc được 20, thế mà ăn một bữa hết 21 đồng, đành phải ra phố mua bánh mì và xúc xích mang về phòng đóng cửa ngồi nhai. Cục trưởng các nước cứ hỏi tôi, sao các đồng chí không đến ăn? Cái bàn ăn có lá cờ đỏ sao vàng bao giờ cũng bỏ trống. Chúng tôi cười, nói là có bạn mời. Từ đó về sau, trong các phiên họp thường kỳ của Ban Thống kê SEV (mỗi năm hai lần), họ rất tôn trọng đoàn ta, khi nào cũng mời đoàn ta phát biểu ý kiến. Từ hội nghị Dresden về sau, trong chương trình công tác hằng năm của Ban bao giờ cũng có phần thảo luận về sự giúp đỡ dành cho Việt Nam. Liên Xô đã đồng ý mỗi năm nhận bồi dưỡng cho ta một lớp học 30 người, cấp cục trưởng tỉnh trở lên, mỗi lớp kéo dài 3 tháng, miễn phí cả ăn ở. Liên Xô giúp ta máy in chụp, lúc đó rất đắt, Tiệp Khắc giúp ta máy in Sê-len. Ban thư ký của Ban thống kê SEV nhận cán bộ của ta làm việc ở Ban thư ký để dễ hòa đồng công tác với các nước trong SEV, nhất là về mặt so sánh quốc tế. Nhiều nước đã cử cán bộ cấp cao sang thăm và khảo sát công tác thống kê nước ta, như Cục trưởng Cục Thống kê Trung ương Liên Xô, Cục trưởng Cục Thống kê Tiệp Khắc, Cục trưởng Thống kê Hung-ga-ri... Họ đều có cảm tưởng rất tốt đối với ngành Thống kê nước ta.

(Trích Hồi ký Qua những chặng đường của ông Hoàng Trình, nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, thời kỳ 1974-1984)

MỘT SỐ HIỆN VẬT TIÊU BIỂU TRUYỀN THỐNG CỦA NGÀNH THỐNG KÊ

Hướng tới kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Ngành, Tổng cục Thống kê đã tổ chức cuộc thi **“Sưu tầm hiện vật, tài liệu 75 năm xây dựng và phát triển ngành Thống kê Việt Nam”**. Tính đến 31/12/2020, Ban tổ chức đã nhận được 58 hiện vật và 227 tài liệu, ảnh của 32 đơn vị, cá nhân gửi sưu tầm gồm:

- 17 Cục Thống kê tỉnh, thành phố: Bắc Giang, Thừa Thiên Huế, Quảng Bình, Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Thanh Hóa, Thái Bình, Kon Tum, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Quảng Nam, Hải Phòng; Gia Lai; Kiên Giang; Quảng Bình;

- 07 cơ quan Thống kê ở trung ương: Tạp chí Con số và Sự kiện; Vụ Thống kê Giá; Nhà Xuất bản Thống kê; Hội Thống kê Việt Nam; Vụ Tổ chức cán bộ; Phòng Hành chính; Vụ Thống kê Tổng hợp; Viện Khoa học Thống kê;

Đặc biệt, có nhiều hiện vật sưu tầm từ các gia đình cố Tổng cục trưởng: ông Nguyễn Đức Dương, ông Hoàng Trình, ông Lê Văn Toàn, ông Lê Mạnh Hùng; Cá nhân ông/bà: ông Nguyễn Đức Hòa (Nguyên Thứ trưởng, kiêm Tổng cục trưởng TCTK), Nguyễn Anh Tiến Nam, Nguyễn Thị Minh Thuận.

Một số hiện vật sưu tầm tiêu biểu đã được trưng bày tại phòng truyền thống của Ngành. Theo kế hoạch Ban tổ chức sẽ thực hiện chấm giải cuộc thi “Sưu tầm hiện vật, tài liệu 75 năm xây dựng và phát triển ngành Thống kê Việt Nam”. Các hiện vật và tài liệu đoạt giải sẽ được trao trong chương trình sự kiện bên lề Hội nghị Kỷ niệm 75 năm thành lập Ngành, dự kiến tổ chức vào ngày 5/5/2021 tại Hà Nội.

Sau đây, Tạp chí Con số và Sự kiện xin giới thiệu một số hiện vật được trưng bày tại phòng truyền thống của Ngành.



1. Máy tính NISA (máy cơ do Trung Quốc sản xuất) được ông Nguyễn Xuân Hạ - Phó trưởng phòng Thương mại, Cục Thống kê Thanh Hóa sử dụng để tính toán số liệu thống kê từ năm 1958-1980.



2. Máy đánh chữ Pacific 13 gỗ được sử dụng từ năm 1976 của Cục Thống kê tỉnh Kon Tum. Máy gỗ được tiếng Việt có dấu, dùng được với khổ giấy A3, A4 và nhỏ hơn với nét chữ đều đẹp hơn.



3. Chiếc xe đạp cổ Lyon (từ Pháp) của ông Ngô Đình Truật - Nguyên Hiệu trưởng Trường sơ cấp Thống kê Thanh Hóa đã dùng để đi lại hàng trăm km trên khắp địa bàn tỉnh Thanh Hóa để điều tra thống kê, thu thập số liệu và phục vụ công tác đào tạo chuyên ngành Thống kê từ năm 1962-1982.



4. Chiếc cân xách tay dùng để cân năng suất, sản lượng được trang bị năm 1976 của Cục Thống kê tỉnh Kon Tum.



5. Máy in quay tay được Cục Thống kê Tuyên Quang sử dụng những năm 70 để in các tài liệu thống kê gửi lên Thống kê Trung ương.



6. Máy tính cơ điện tử MINI 6 phục vụ tính toán của Trung tâm Tin học Tổng cục Thống kê.



7. Một số ấn phẩm được xuất bản lâu đời của các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Thống kê

Xây dựng nhà phục dựng Nha Thống kê Việt Nam

Ngày 06/5/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 61/SL thành lập Bộ Quốc dân kinh tế. Theo đó, Bộ Quốc dân kinh tế gồm: Văn phòng, các phòng sự vụ, Ban Thanh tra, Ban cố vấn kinh tế; và các Nha chuyên môn trực thuộc, gồm: Nha Thương vụ, Nha Khoáng chất và Kỹ nghệ, Nha Tiếp tế, Nha Kinh tế tín dụng và Nha Thống kê Việt Nam - tổ chức tiền thân của ngành Thống kê nước ta ngày nay.

Ngày 19/12/1946, cuộc kháng chiến trường kỳ chống Thực dân Pháp bùng nổ trên phạm vi cả nước, các cơ quan của Chính phủ rời Thủ đô lên Việt Bắc để lãnh đạo kháng chiến. Từ Chiến khu Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ tiếp tục lãnh đạo toàn dân thực hiện khẩu hiệu "vừa kháng chiến, vừa kiến quốc". Hoạt động thống kê trong giai đoạn này từng bước được hoàn thiện về tổ chức, bộ máy. Ngày 11/7/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 124/SL bãi bỏ Nha Thống kê Việt Nam. Tiếp sau đó, ngày 09/8/1950, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 38/TTg thành lập Phòng Thống kê trong Văn phòng Thủ tướng... Đó là dấu mốc sự kiện quan trọng của ngành Thống kê trong những ngày đầu thành lập.

Nằm trong chuỗi sự kiện, hoạt động thiết thực chào mừng kỷ niệm 75 năm thành lập Ngành, Tổng cục Thống kê đã thực hiện phát động toàn ngành góp công sức, tiền của xây dựng nhà phục dựng Nha Thống kê Việt Nam tại Khu Di tích Chủ tịch phủ - Thủ tướng phủ trên địa bàn thôn Lập Bình, xã Bình Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đây là nơi cán bộ, nhân viên Văn phòng ở, làm việc trong kháng chiến chống Thực dân Pháp xâm lược trong giai đoạn từ 1948-7/1954.

Dự kiến, nhà phục dựng Nha Thống kê Việt Nam sẽ được khánh thành vào ngày 5/5/2021.



THANH NIÊN THỐNG KÊ HƯỞNG ỨNG LỄ KỶ NIỆM 75 NĂM THÀNH LẬP NGÀNH THỐNG KÊ (06/5/1946 - 06/5/2021)

Hòa chung không khí toàn Ngành Thống kê đang gấp rút hoàn tất các công việc trọng đại hướng đến ngày kỷ niệm 75 năm xây dựng và phát triển ngành Thống kê, Đoàn Thanh niên cơ quan Tổng cục Thống kê trong thời gian của năm 2020 và những tháng đầu năm năm 2021 đã chủ trì triển khai thành công 3 cuộc thi: (1) Ảnh đẹp thống kê; (2) Sáng tác Slogan ngành Thống kê và (3) Người thống kê trẻ. Các cuộc thi diễn ra trong bối cảnh đại dịch Covid19 phức tạp, nhiệm vụ chuyên môn tương đối nhiều, nguồn kinh phí cho các hoạt động của thanh niên còn hạn hẹp nhưng với tinh thần tiên phong, xung kích, Ban tổ chức đã chủ động, sáng tạo, triển khai các cuộc thi theo đúng kế hoạch và đặc biệt thu hút được đông đảo người tham gia ở cả trong và ngoài ngành Thống kê. Ban tổ chức đã nhận được những góp ý, lá thư tay bày tỏ tình yêu mến đối với công việc thống kê.

* **Cuộc thi ảnh với chủ đề “Nét đẹp thống kê”** đã nhận được hơn 100 bài dự thi với hàng nghìn bức ảnh gửi về Ban tổ chức. Mỗi tác phẩm dự thi đều mang một màu sắc riêng, phản ánh, lan tỏa hình ảnh đặc sắc về con người và công việc thống kê với những lời bình ý nghĩa, nhiều tư liệu về ngành Thống kê lần đầu được biết đến. Giải nhất cuộc thi thuộc về bạn Đinh Thị Đài Trang, Phòng Thu thập thông tin thống kê, Cục Thống kê tỉnh Hòa Bình. Giải nhì thuộc về bạn Trần Thanh Hải, Chi cục Thống kê thành phố Việt Trì, CTK Phú Thọ và Chi đoàn CTK tỉnh Gia Lai. Giải ba thuộc về chị Đậu Thị Huệ, cán bộ hưu trí CTK tỉnh Ninh Bình; bạn Nguyễn Thị Thu Thảo, Chi cục Thống kê huyện Krongpa,



CTK Gia Lai; và bạn Trần Thị Bài, phòng Thống kê Tổng hợp, CTK tỉnh Gia Lai. Giải tư thuộc về các bạn Nguyễn Xuân Trường, Chi cục Thống kê khu vực Thanh Sơn - Tây Sơn, CTK tỉnh Phú Thọ; bạn Nguyễn Thị Tú Quỳnh, phòng Thống kê xã hội, CTK Tp. Hà Nội; bạn Nguyễn Việt Dũng, CTK TP. Hải Phòng và CTK Hải Dương.



* **Cuộc thi “Sáng tác Slogan về ngành Thống kê”** cũng thu hút được hàng trăm bài dự thi đến từ các cá nhân/đơn vị trong và ngoài ngành. Có tác giả không làm công tác Thống kê nhưng vẫn tâm huyết và gửi bài dự thi bằng lá thư tay về Ban tổ chức thể hiện tình cảm và sự quan tâm với ngành Thống kê. Các Slogan đã được Ban tổ chức công khai trên 2 trang mạng xã hội với hơn 5000 thành viên là các công chức, viên chức và người lao động của ngành và đã nhận được những lời bình luận sâu sắc. Bài dự thi đạt giải là những bài có lần bình chọn cao nhất và được Ban tổ chức gửi đến chuyên gia để lựa chọn ra 10 slogan ý nghĩa nhất để trao giải. Danh sách slogan đoạt giải gồm: 01 giải nhất thuộc về bạn Vũ Trọng Nghĩa, Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia; 02 giải nhì thuộc về bạn Trần Thanh Hải, Chi cục Thống kê Việt Trì, CTK tỉnh Phú Thọ và bạn Bùi Thị Ngọc Lan, CTK tỉnh Quảng Ngãi; 03 giải ba thuộc về các bạn Nguyễn Thị Hiền, CTK tỉnh Gia Lai; bạn Dương Thành Đô, CTK tỉnh Phú Thọ; bạn Nguyễn Thị Phương Thủy, CTK tỉnh Quảng Ngãi; 04 giải tư thuộc về các bạn Nguyễn Huyền Trang, CTK tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Thị Thu Trang, CTK tỉnh Gia Lai; Cao Thị Tú Anh, CTK tỉnh Phú Thọ và bạn Nguyễn Vũ Hoài Thành, CTK tỉnh Quảng Nam.



Đặc biệt nhất là cuộc thi “Người Thống kê trẻ” là sân chơi riêng cho các bạn đoàn viên thanh niên của ngành Thống kê. Đã có 61 đội dự thi là thanh niên của 61 Chi đoàn của các Cục Thống kê các tỉnh, thành phố; Trường Cao đẳng Thống kê và Trường Cao đẳng Thống kê II. Cuộc thi đã diễn ra từ những ngày đầu của tháng 1/2021 với nhiều vòng thi quan trọng. Vòng sơ kết đã chọn được 30 đội thi xuất sắc để tham dự vòng bán kết. 5 đội thi vượt qua vòng bán kết là các đại diện của CTK tỉnh Long An, CTK tỉnh KonTum, CTK tỉnh Quảng Ngãi, CTK tỉnh Hải Dương, CTK tỉnh Phú Thọ dự kiến sẽ tham dự vòng chung kết với nhiều kịch tính được diễn ra vào ngày 22/4/2021. Trận chung kết của cuộc thi sẽ được tổ chức trực tuyến với các điểm cầu trên cả nước, hứa hẹn đem lại nhiều bất ngờ và thu hút đông đảo khán giả.

HỘI DIỄN VĂN NGHỆ CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 75 NĂM THÀNH LẬP NGÀNH THỐNG KÊ VIỆT NAM

Trong khuôn khổ các hoạt động chào mừng 75 năm Ngày Thành lập ngành Thống kê Việt Nam 6/5/1946-6/5/2021, sáng ngày 17/4, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê đã tung bừng tổ chức Hội diễn Văn nghệ “Hương tới Kỷ niệm 75 năm thành lập ngành Thống kê Việt Nam”. Tham dự Hội diễn có Ban Lãnh đạo TCTK, Công đoàn TCTK, Trưởng ban Nữ công Công đoàn Bộ Kế hoạch và Đầu Tư; Lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động thuộc cơ quan TCTK; đội văn nghệ đến từ các đơn vị thuộc cơ quan TCTK và một số Cục Thống kê địa phương.

29 tiết mục được chọn lọc tham gia Hội diễn đều là các tiết mục có chất lượng nghệ thuật cao, ca ngợi Đảng, Bác Hồ, đất nước nghề Thống kê đến từ công đoàn của tất cả các đơn vị thuộc cơ quan TCTK và 3 cục Thống kê địa phương: Hà Nội, Phú Thọ, Vĩnh Phúc... Các tiết mục văn nghệ đặc sắc, được dàn dựng công phu, đã làm sáng bừng lên không khí và tinh thần trong chuỗi các sự kiện chuẩn bị cho ngày thành lập Ngành. Đồng thời, những điệu múa, tiếng hát,



Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương trao giải Đặc biệt cho Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng Công nghệ thông tin Thống kê

lời ca vang lên đã thổi bùng ngọn lửa nhiệt huyết, tình yêu quê hương, đất nước, yêu ngành yêu nghề của công chức, viên chức và người lao động ngành Thống kê.

Với sự đánh giá công minh, Ban Giám khảo đã lựa chọn ra những tiết mục xuất sắc và trao giải thưởng cao nhất.

Giải đặc biệt đã vinh dự thuộc về tiết mục Vinh quang Việt Nam của Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng Công nghệ thông tin Thống kê.

3 Giải A gồm các tiết mục: Tình quê mùa xuân của Viện Khoa học Thống kê, Liên khúc Bác đang cùng

chúng cháu hành quân của Cục Thống kê TP. Hà Nội, Dòng máu Lạc Hồng của Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ.

3 Giải B gồm các tiết mục: Đường Trường Sơn xe anh qua của Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng CNTT Thống kê, Tự hào ngành Thống kê Việt Nam của Cục Thống kê Vĩnh phúc, Lá xanh của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng.

4 Giải C gồm các tiết mục: Tàu anh qua núi của Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, Những cô gái quan họ của Trường Cao đẳng Thống kê, Bay lên nòi giống tiên rồng của Vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia, Hà Nội những công trình của Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ.

Ngoài ra còn có các Giải Khuyến khích, các giải thưởng phụ được trao cho các đơn vị như: Giải Phong trào, Giải Cống hiến.

Một số tiết mục đặc sắc nhất sẽ được chọn để biểu diễn trong chuỗi các hoạt động bên lề được tổ chức nhân dịp Kỷ niệm 75 năm thành lập ngành Thống kê Việt Nam, dự kiến vào ngày 5/5/2021./.

Thu Hiền





HỘI THẢO CHIA SẺ KINH NGHIỆM VỀ ĐO LƯỜNG KINH TẾ SỐ

Để hỗ trợ tính toán đo lường kinh tế số, chiều ngày 15/4/2021, Tổng cục Thống kê (TCTK) phối hợp với Ngân hàng Thế giới (WB) đã tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về đo lường kinh tế số. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì Hội thảo.

Tham dự hội thảo có Phó tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến; các thành viên thuộc Tổ xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê số của TCTK, Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Thông tin và Truyền thông; Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Trường Đại học Ngoại Thương; Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương; đại diện lãnh đạo các đơn vị liên quan trực thuộc TCTK.

Về phía WB có bà Judy Yang chuyên gia cao cấp và các cộng sự.

Phát biểu tại Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết: Kinh tế số, đo lường kinh tế số đang là vấn đề được Đảng và Nhà nước quan tâm và đặt mục tiêu phát triển lên hàng đầu. Điều này đã được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII khi nhấn mạnh định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn tới là đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển nền kinh tế số và xã hội số. Theo đó, đến năm 2025 kinh tế số sẽ đạt khoảng 20% GDP. Để hiện thực hóa mục tiêu này, ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến 2025, định hướng đến 2030", trong đó, Chính phủ giao nhiệm vụ cụ thể cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đầu mối là TCTK) có nhiệm vụ cùng với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê về kinh tế số, xây dựng phương pháp mới trong thu thập dữ liệu nhằm đo lường tác động của chuyển đổi số trên



các mặt kinh tế - xã hội và người dân; định kỳ công bố số liệu thống kê về kinh tế số.

Để triển khai nhiệm vụ được giao, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ra Quyết định thành lập Tổ xây dựng bộ chỉ tiêu thống kê kinh tế số. Đến nay, Tổ đã họp và triển khai theo kế hoạch đề ra. Cụ thể, bước đầu Tổ đã nghiên cứu nội hàm kinh tế số, dự thảo lần 1 các chỉ tiêu kinh tế số. Tuy nhiên, theo Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương hiện vẫn còn nhiều nội dung chưa thống nhất, đặc biệt việc bóc tách để tính được tỷ lệ đóng góp của kinh tế số vào nền kinh tế. Do đó, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về đo lường kinh tế số với các chuyên gia quốc tế sẽ rất hữu ích, giúp cho TCTK, các Bộ, ngành, các nhà nghiên cứu cũng như những người quan tâm đến kinh tế số học hỏi kinh nghiệm quốc tế, chia sẻ những băn khoăn hay mối quan tâm của mình về kinh tế số.

Tại hội thảo, các đại biểu đã nghe các chuyên gia kinh tế của WB trình bày về các nội dung như: Những nhận định về chuyển đổi số, sáng tạo và ứng dụng công nghệ của các công ty; Kinh tế vĩ mô của kinh tế số - cách tiếp cận đo lường theo ngành và những hạn chế. Hội thảo cũng dành thời gian để các chuyên gia giải đáp các câu hỏi của đại biểu về những

nội dung được trình bày tại hội thảo như: Các định nghĩa về khái niệm, phương pháp tính toán và đo lường kinh tế số; Việt Nam nên sử dụng quy chiếu nào cho đo lường kinh tế số của Việt Nam.

Kết thúc hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao những chia sẻ kinh nghiệm đến từ các chuyên gia kinh tế của WB. Đây là những chia sẻ kinh nghiệm hữu ích, giúp cho TCTK trong triển khai nhiệm vụ hiện nay là nghiên cứu, xây dựng ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê về kinh tế số, xây dựng phương pháp mới trong thu thập dữ liệu. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đề nghị Tổ xây dựng trên cơ sở những chia sẻ kinh nghiệm từ các chuyên gia và ý kiến đóng góp của các đại biểu tại hội thảo tiếp tục tổng hợp để hoàn thiện xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số trên cơ sở đảm bảo đúng nguyên tắc và phù hợp với quốc tế.

Nhân dịp này, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương bày tỏ cảm ơn sự hỗ trợ và phối hợp kịp thời của WB đối với TCTK trong các công việc chuyên môn nói chung và đo lường kinh tế số nói riêng. TCTK cũng mong nhận được sự hợp tác và đồng hành của WB vào sự nghiệp phát triển của Ngành Thống kê trong thời gian tiếp theo./

M.T

HỌP BÁO CÔNG BỐ TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG VIỆC LÀM QUÝ I NĂM 2021

Sáng ngày 16/4/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức họp báo công bố Số liệu tình hình lao động việc làm quý I năm 2021. Ông Phạm Quang Vinh - Phó Tổng cục trưởng TCTK chủ trì cuộc họp báo. Tham dự cuộc họp báo có đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị liên quan thuộc TCTK; đại diện Cục Việc làm - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; đại diện tổ chức lao động quốc tế (ILO) tại Việt Nam; đại diện Văn phòng ILO Khu vực châu Á - Thái Bình Dương; một số đơn vị, cơ quan truyền thông tại Hà Nội. Buổi họp báo được kết nối trực tuyến với điểm cầu của 63 Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trên cả nước.

Phát biểu tại buổi Họp báo, Phó Tổng cục trưởng Phạm Quang Vinh cho biết, năm 2021, TCTK đã tổ chức thu thập và tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động việc làm áp dụng Khung khái niệm mới đã được các quốc gia thống nhất sử dụng tại Hội nghị quốc tế về thống kê lao động việc làm lần thứ 19 tổ chức vào tháng 10 năm 2013 tại Geneva, Thụy Sĩ. Khung khái niệm này có tên gọi chung là tiêu chuẩn ICLS 19 được ban hành để thay thế tiêu chuẩn ICLS 13, năm 1982. Từ quý I/2021, TCTK sẽ chính thức công bố các chỉ tiêu thống kê về lao động việc làm dựa theo tiêu chuẩn ICLS 19.

Theo đó, Báo cáo Tình hình Lao động việc làm quý I/2021 của TCTK đã nhận định, thị trường lao động của Việt Nam đã hứng chịu những tác động xấu do sự bùng phát lần thứ 3 của đại dịch Covid-19 khiến cho số người tham gia thị trường lao động giảm so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I năm 2021



là 51,0 triệu người, giảm 1,1 triệu người so với quý trước và giảm 180,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động quý I năm 2021 ước tính là 68,7%, giảm 1,6 điểm phần trăm so với quý trước và giảm 1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Tại buổi họp báo, các chuyên gia quốc tế đã trao đổi ý kiến về việc áp dụng khung khái niệm mới ICLS 19 ở Việt Nam và tình hình áp dụng khung khái niệm mới ICLS19 trên thế giới. Theo đó, bà Valentina Baccuci, đại diện Tổ chức Lao động thế giới (ILO) nhấn mạnh, thông cáo báo chí hàng quý về việc giám sát Covid-19 của TCTK luôn là sự kiện quan trọng đối với ILO. Tổng cục Thống kê đã đánh giá tác động của đại dịch đối với thị trường lao động của Việt Nam kể từ khi có những dấu hiệu ban đầu cho thấy một cuộc khủng hoảng lớn sắp xảy ra, từ đó có thể đưa ra các phân tích chi tiết giải thích những gì đất nước và thị trường lao động đang phải đối mặt. Với thông cáo lần này, TCTK đã trở thành một trong những cơ quan tiên tiến nhất trong các quốc gia mới nổi do áp dụng các tiêu chuẩn thống kê mới nhất về việc đo lường các vấn đề của thị trường lao động. Các tiêu chuẩn này đã được quốc tế thông qua vào năm 2013 và Việt Nam

được chọn là một trong 10 quốc gia trên thế giới thực hiện thí điểm các tiêu chuẩn này trong Điều tra Lực lượng Lao động. Với sự hỗ trợ chặt chẽ của ILO trong việc áp dụng các tiêu chuẩn mới vào Điều tra Lực lượng Lao động, những dữ liệu của TCTK đã được ILO công nhận về chất lượng, có thể so sánh với quốc tế và được quốc tế tin cậy. Qua đó, bà Valentina Baccuci bày tỏ mong muốn sẽ tiếp tục được hợp tác cùng TCTK trong những công tác sau này.

Qua buổi Họp báo, Phó Tổng cục trưởng Phạm Quang Vinh cũng bày tỏ sự cảm ơn đối với ILO đã luôn phối hợp, hỗ trợ chặt chẽ với Thống kê Việt Nam trong thời gian qua cũng như trong quá trình Thống kê Việt Nam ứng dụng khung tiêu chuẩn mới trong điều tra lao động việc làm.

Cũng tại buổi Họp báo, Lãnh đạo TCTK và các đơn vị liên quan đã dành nhiều thời gian trả lời thỏa đáng thắc mắc của các cơ quan truyền thông về các nội dung liên quan đến những thay đổi trong bức tranh lao động việc làm của Việt Nam, sự thay đổi của các chỉ tiêu thống kê lao động việc làm, thống kê lao động yếu thế khi áp dụng khung tiêu chuẩn mới ICLS19; tình hình lao động việc làm của quý I/2021./.

Thu Hiền

TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 TỚI LAO ĐỘNG, VIỆC LÀM CẢ NƯỚC QUÝ I NĂM 2021

Hiện nay, cả nước vẫn còn 9,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19

Mặc dù những nỗ lực khôi phục kinh tế đi đôi với phòng chống dịch đã phần nào cải thiện các gam màu xám của tình hình lao động việc làm trong nước, nhưng trong quý I năm 2021, cả nước vẫn còn 9,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 trong đó nam giới chiếm 51,0% và số người trong độ tuổi từ 25 đến 54 chiếm gần hai phần ba.

Trong tổng số 9,1 triệu người bị tác động tiêu cực bởi đại dịch Covid-19, có 540 nghìn người bị mất việc, 2,8 triệu người phải tạm nghỉ/tạm ngừng sản xuất kinh doanh; 3,1 triệu người cho biết họ bị cắt giảm giờ làm hoặc buộc phải nghỉ giãn việc, nghỉ luân phiên và 6,5 triệu lao động báo cáo họ bị giảm thu nhập.

Lao động khu vực thành thị chịu tác động nhiều hơn khu vực nông thôn với 15,6% lao động khu vực thành thị còn bị ảnh hưởng, trong khi đó con số này ở nông thôn là 10,4%.

Xét theo 3 khu vực, khu vực ít chịu tác động nhất của đại dịch là khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản với 7,5% lao động cho biết chịu tác động tiêu cực của đại dịch. Đứng thứ hai là khu vực công nghiệp và xây dựng với 16,5% lao động bị ảnh hưởng. Lao động trong khu vực dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, chiếm tỷ lệ 20,4%.

Lực lượng lao động quý I năm 2021 giảm so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Xu thế tăng về số lượng lao động của năm

sau so với cùng kỳ các năm trước đã không còn là điều hiển nhiên

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I năm 2021 là 51,0 triệu người, giảm 1,1 triệu người so với quý trước và giảm 180,9 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. So sánh với quý trước, sự sụt giảm của lực lượng lao động là xu thế thường quan sát được trong nhiều năm kể cả những năm trước khi xảy ra đại dịch do tâm lý “tháng giêng là tháng ăn chơi” của nhiều lao động sau kì nghỉ Tết Nguyên đán. Tuy nhiên, sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid-19 ngay trước dịp Tết Nguyên đán đã làm thay đổi xu thế tăng thường thấy so với cùng kỳ các năm trước. Thông thường, theo đà tăng dân số, lực lượng lao động năm sau luôn tăng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lực lượng lao động quý I năm 2021 xuống thấp hơn cùng kỳ năm trước gần 200 nghìn người và thấp hơn cùng kỳ khi chưa có dịch (năm 2019) khoảng 600 nghìn người.

Sự bùng phát lần thứ 3 của đại dịch Covid-19 làm suy giảm đà phục hồi của thị trường lao động đã đạt được trong 2 quý cuối năm 2020 đồng thời khiến nhiều người lao động, đặc biệt phụ nữ trở thành lao động có việc làm phi chính thức

Trong quý I năm 2021, số người từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 49,9 triệu người, giảm 959,6 nghìn người so với quý trước và giảm 177,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước, trong đó, giảm chủ yếu ở khu vực nông thôn và ở nam giới (tương ứng là giảm 491,5 nghìn người và 713,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước).

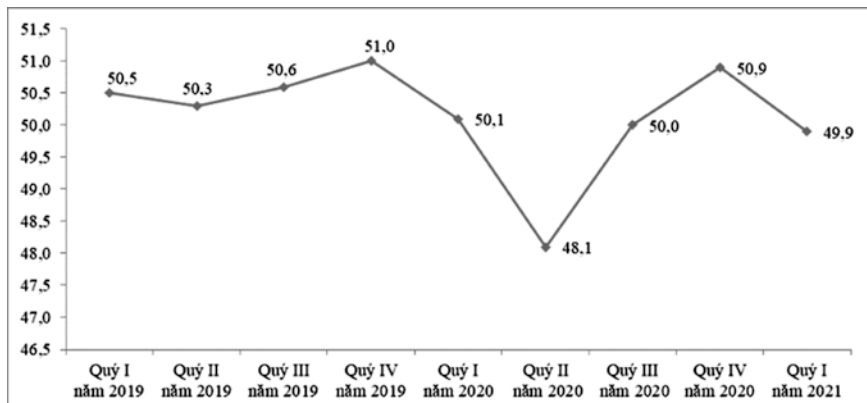
Trong năm 2020, sự bùng phát mạnh của dịch Covid-19 đã làm thị trường lao động suy giảm mạnh trong quý II, số lao động có việc làm giảm từ 50,1 triệu người trong quý I xuống còn 48,1 triệu người, giảm gần 2 triệu người. Cũng trong năm này ở hai quý tiếp theo, do sự kiểm soát dịch tốt cùng việc thực hiện nới lỏng cách ly xã hội và những chính sách hỗ trợ ảnh hưởng của Chính phủ, thị trường lao động có sự phục hồi trở lại, lao động có việc làm tăng lên đạt mức 50,9 triệu người, gần đạt được mức trước khi xảy ra dịch Covid-19 là 51,0 triệu người. Tuy nhiên, đến quý I năm 2021, sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid với những diễn biến phức tạp ngay trong dịp Tết nguyên đán, đã làm giảm đà phục hồi của thị trường lao động đã đạt được trước đó. Lao động có việc làm giảm còn 49,9 triệu người, giảm 1,8% so với quý trước và giảm 0,36% so với cùng kỳ năm trước.

Sự lây lan của đại dịch Covid-19 trong cộng đồng đã khiến 19,9% lao động trong các cơ sở sản xuất kinh doanh và 19,0% lao động trong các doanh nghiệp/Hợp tác xã còn bị ảnh hưởng, chủ yếu là giảm thu nhập hoặc giảm giờ làm.

Tuy nhiên, dịch Covid 19 cũng góp phần thay đổi thói quen làm việc, thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ thông tin của người lao động nhằm thích nghi với các diễn biến khó lường của đại dịch. Kết quả điều tra cho thấy, trong quý I năm 2021, có hơn 78 nghìn lao động cho biết do đại dịch Covid-19 nên họ đã chuyển đổi từ việc không ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) sang có ứng dụng CNTT trong công việc của mình.

Hình 1: Số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm các quý, giai đoạn 2019-2021

Đơn vị: Triệu người



Trong quý I năm 2021, số người có việc làm phi chính thức là 20,7 triệu, giảm 251,7 nghìn người so với quý trước và tăng 525,4 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức quý I năm 2021 là 57,1%, tăng 1,1 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,8 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ này tăng cao ở khu vực nông thôn (tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước tương ứng là 2,1 và 2,6 điểm phần trăm) và ở nữ giới (tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước tương ứng 1,8 và 2,5 điểm phần trăm).

Kết quả điều tra cũng cho thấy rằng, mặc dù số người có việc làm giảm nhưng số phụ nữ có việc làm lại tăng so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, mức tăng này ở phụ nữ chủ yếu là do tăng về số người có việc làm phi chính thức khiến tỷ lệ lao động phi chính thức của nữ giới tăng mạnh hơn so với nam giới (2,5 điểm phần trăm so với 1,2 điểm phần trăm).

Dịch Covid-19 bùng phát lần thứ ba ngay trước và trong dịp Tết nguyên đán làm tăng đáng kể số lao động thiếu việc làm so với quý trước và cùng kỳ năm trước

Số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động quý I năm 2021 là 971,4 nghìn người; tăng 143,2 nghìn người so với quý trước và tăng 78,7 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý I năm 2021 là 2,20%; tăng 0,38 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,22 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý I năm 2021 ở khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3,88%, khu vực công nghiệp và xây dựng là 1,51%; khu vực dịch vụ là 1,76%. Mặc dù khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn có tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động cao nhất nhưng so với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ thiếu việc làm trong khu vực này đã giảm đi 0,8 điểm phần trăm, trong khi đó tỷ lệ này ở khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 0,86 điểm phần trăm và khu vực dịch vụ tăng 0,31 điểm phần trăm. Rõ ràng, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã làm tình trạng thiếu việc làm lan rộng sang cả khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

Thu nhập bình quân tháng của người lao động đạt 6,3 triệu đồng, tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước

Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý I năm 2021 đạt 6,3 triệu đồng, tăng 339 nghìn đồng so với quý trước và tăng 106 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Thu nhập bình quân tháng của lao động

nam cao hơn 1,4 lần của lao động nữ (tương ứng 7,3 triệu đồng so với 5,2 triệu đồng); thu nhập bình quân lao động khu vực thành thị cao hơn 1,5 lần lao động khu vực nông thôn (tương ứng 7,9 triệu đồng so với 5,4 triệu đồng).

Bất chấp sự bùng phát của đại dịch Covid-19, thu nhập bình quân của người lao động quý I năm 2021 vẫn tăng so với cùng kỳ năm trước và tăng ở cả ba khu vực kinh tế. Thu nhập bình quân tháng người lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3,6 triệu đồng, tăng 181 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước, lao động trong khu vực công nghiệp và xây dựng có thu nhập bình quân là 7,2 triệu đồng, tăng 112 nghìn đồng và thu nhập bình quân của lao động trong khu vực dịch vụ là 7,5 triệu đồng, tăng 55 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung quý I năm 2021 so với cùng kỳ năm trước, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ghi nhận tốc độ tăng thu nhập bình quân cao nhất, tăng 5,2%; khu vực dịch vụ có tốc độ tăng là 1,5% và khu vực công nghiệp và xây dựng có tốc độ tăng thu nhập bình quân thấp nhất, tăng 0,8%.

Mặc dù thu nhập bình quân chung tăng nhưng mức tăng này không đều giữa các ngành. Một số ngành vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 và thu nhập của lao động trong ngành đó bị sụt giảm so với cùng kỳ năm trước. Đó là các ngành: nghệ thuật, vui chơi giải trí, giảm 5,2% (giảm 359 nghìn đồng); vận tải kho bãi giảm 2,7% (giảm 234 nghìn đồng).

Thu nhập bình quân tháng của lao động làm công ăn lương quý I năm 2021 đạt 7,2 triệu đồng, tăng 556 nghìn đồng so với quý trước và tăng 132 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước. Lao động nam có thu nhập bình quân cao gấp 1,2 lần lao động nữ (7,6 triệu đồng so với 6,6 triệu đồng).

Số người thất nghiệp giảm so với quý trước nhưng tăng so với cùng kỳ năm trước, tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập hoặc đào tạo tăng lên so với cùng kỳ năm trước

Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2021 là gần 1,1 triệu người, giảm 137,0 nghìn người so với quý trước và tăng 12,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I năm 2021 là 2,42%, giảm 0,21 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,08 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ thanh niên không có việc làm và không tham gia học tập hoặc đào tạo (viết gọn là tỷ lệ NEET, từ tiếng Anh là Youth not in employment, education or training) trong quý I năm 2021 là 16,3%, tương đương với gần 2 triệu thanh niên; tăng 0,9 điểm phần trăm tương đương với 51,6 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ NEET ở khu vực thành thị, nông thôn, nam, nữ đều tăng so với cùng kỳ năm trước, tương ứng là 1,0 điểm phần trăm; 0,7 điểm phần trăm; 1,1 điểm phần trăm và 0,6 điểm phần trăm. Như vậy, dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến việc tìm kiếm việc làm cũng như học tập của thanh niên, làm tỷ lệ NEET tăng lên.

Hiện nay vẫn còn một bộ phận không nhỏ lực lượng lao động tiềm năng chưa được khai thác, đặc biệt là nhóm lao động trẻ; việc tận dụng nhóm lao động này trở nên hạn chế hơn trong bối cảnh dịch Covid-19

Tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng của Việt Nam trước khi dịch Covid-19 xuất hiện ở các quý năm 2019 chỉ ở mức 4%. Tuy nhiên tỷ lệ này bắt đầu tăng lên khi dịch Covid-19 xuất hiện tại nước ta, chiếm 4,8% vào quý I năm 2020 và tăng lên mức cao nhất là 6,2% vào quý II năm 2020 khi

dịch Covid-19 bùng phát. Khi các hoạt động kinh tế - xã hội dần được khôi phục vào cuối năm 2020, tỷ lệ lao động không sử dụng hết tiềm năng giảm xuống còn 4,4% vào quý IV năm 2020 và tăng lên 4,9% vào quý I năm 2021 khi dịch Covid-19 quay trở lại.

Trong toàn nền kinh tế, vẫn còn 3,5 triệu người lao động làm công việc tự sản tự tiêu trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Nữ giới chiếm gần hai phần ba lực lượng này

Theo ước tính, số lao động sản xuất tự sản tự tiêu quý I năm 2021 là 3,5 triệu người, chiếm khoảng 4,7 phần trăm số người từ 15 tuổi trở lên, tăng 113 nghìn người so với quý trước và tăng 84,7 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. Số lao động này hầu hết nằm ở khu vực nông thôn và có gần 2/3 số người tự sản tự tiêu quý I năm 2021 là nữ giới. Lao động tự sản tự tiêu chủ yếu thuộc độ tuổi từ 50 trở lên (chiếm 59,4%). Tỷ lệ lao động tự sản tự tiêu trên dân số cao nhất thuộc về nhóm 60-64 tuổi (9,9%). Số liệu cho thấy, trong số 3,5 triệu lao động tự sản tự tiêu, có hơn 200 nghìn lao động tự sản tự tiêu hiện tại vẫn còn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (chiếm 5,8%).

Số giờ làm việc nhà bình quân của lao động tự sản tự tiêu là 16,4 giờ (tương đương khoảng 2,3 giờ/ngày). Lao động nữ giới tự sản tự tiêu không chỉ tham gia làm việc nhà nhiều hơn nam giới mà số giờ làm việc bình quân của họ cũng cao hơn rất nhiều so với nam giới. Bình quân, mỗi tuần, lao động nữ giới tự sản tự tiêu phải dành 19,3 giờ cho các công việc không được trả công trả lương trong gia đình trong khi con số này ở nam giới là 11,3 giờ.

Hầu hết tất cả lao động sản xuất tự sản tự tiêu đều không có bằng cấp, chứng chỉ (chiếm 93,5%). Trong bối cảnh thị trường lao động ngày càng đòi hỏi, yêu cầu cao về tay nghề, kỹ năng

cũng như dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn tới tình hình lao động việc làm, cơ hội để nhóm lao động này có một công việc trên thị trường lao động sẽ trở nên khó khăn hơn.

3. Kết luận và khuyến nghị

Nhìn chung, những con số thống kê về tình hình lao động việc làm quý I năm 2021 đã phản ánh những khó khăn và biến động của nền kinh tế nói chung và thị trường lao động Việt Nam nói riêng trong thời gian qua. Những khó khăn này là thách thức rất lớn đối với các nỗ lực của Chính phủ trước chủ trương hoàn thành tốt mục tiêu kép: vừa phát triển kinh tế vừa chiến thắng đại dịch. Trước tình hình đó, Tổng cục Thống kê đề xuất một số giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường lao động trong bối cảnh đại dịch vẫn còn diễn biến khó lường. Cụ thể như sau:

- Tích cực nghiên cứu triển khai ngay việc cấp hộ chiếu vaccine, xây dựng các tiêu chí cần thiết để mở cửa thị trường du lịch quốc tế để giúp ngành dịch vụ nói chung và ngành du lịch nói riêng không bỏ lỡ cơ hội để phục hồi và phát triển. Các ngành này phát triển sẽ thu hút lượng lớn lao động tham gia, góp phần tận dụng tốt hơn tiềm năng sẵn có của lao động.

- Hiện nước ta vẫn còn 3,5 triệu lao động sản xuất sản phẩm nông nghiệp với mục đích chủ yếu để bản thân và gia đình sử dụng. Khoảng 93,5% lao động tự sản tự tiêu không có trình độ chuyên môn kỹ thuật và hơn một nửa trong số họ đang trong độ tuổi lao động. Đây là nguồn tiềm năng vô cùng phong phú có thể tận dụng để phát triển. Vì vậy, Nhà nước cần triển khai những chính sách dành riêng để thu hút đối tượng này tham gia thị trường lao động, một mặt góp phần nâng cao năng suất lao động xã hội nói chung và một mặt giúp cải thiện đời sống của người lao động./.

PETROVIETNAM

POWER

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
PETROVIETNAM POWER CORPORATION



SINH NĂNG LƯỢNG DƯỠNG TƯƠNG LAI

Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 Trung Kính, Hà Nội
Tel: (024) 22210 288 - Fax: (024) 22210 388 - Website: www.pvpower.vn

*PV Power hân hạnh đồng hành cùng chương trình
“TRÁI TIM BIỂN ĐẢO”*



NHỮNG QUẢ NGỌT SAU THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011-2020

ThS. Nguyễn Thị Hoa - TS. Nguyễn Hữu Cung

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Trong 10 năm qua, cải cách hành chính được thực hiện gắn với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 và đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế của nước ta.

Cải cách hành chính (CCHC) được xác định là một trong 3 khâu đột phá chiến lược, để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, thể hiện rõ trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Trên tinh thần đó, ngày 08/11/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 30c/NQ-CP phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, với hệ thống các giải pháp và bước đi phù hợp nhằm mục tiêu xây dựng nền hành chính nhà nước Việt Nam dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hoá, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sau 10 năm thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước cho thấy, CCHC đã được triển khai đồng bộ và đạt được những bước tiến ở tất cả 6 nội dung: Thể chế; Thủ tục hành chính; Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; Tài chính công và Hiện đại hoá nền hành chính.



Về công tác cải cách thể chế, theo Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể Cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2011-2020 của ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, trong giai đoạn 2011-2020, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua khoảng 200 dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, trong đó có nhiều văn bản mang tính nền tảng như Hiến pháp, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Điều ước quốc tế, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp... Bên cạnh đó, Chính phủ, Thủ tướng ban hành khoảng 2.050 văn bản quy phạm pháp luật; chính quyền

các địa phương ban hành gần 9.000 văn bản...

Cải cách thủ tục hành chính được xác định là một khâu đột phá, được triển khai mạnh mẽ ở tất cả các cấp hành chính. Tính từ đầu nhiệm kỳ Chính phủ khóa XIV đến tháng 11/2020, toàn quốc đã cắt giảm, đơn giản hóa hơn 1.000 TTHC; tổng chi phí xã hội tiết kiệm được hơn 18 triệu ngày công/năm, tương đương hơn 6.300 tỷ đồng/năm. Đã cắt giảm, đơn giản hóa gần 3.900 điều kiện kinh doanh (khoảng 63%), 6.700 danh mục hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành (khoảng 68%). Việc triển khai cơ chế một cửa, một cửa

liên thông đã đạt được những kết quả rất tích cực, việc giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, thuận tiện, giảm thiểu tình trạng chậm muộn, những nhiễu, tỉ lệ giải quyết đúng hạn đạt 97,37%.

Bên cạnh đó, cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước được đẩy mạnh; khắc phục cơ bản những tồn tại, hạn chế trong giai đoạn trước. Việc sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh cũng được triển khai đồng bộ. Đến nay, ở Trung ương đã giảm 12 tổ chức cấp vụ và tương đương, giảm 4 tổng cục, 10 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ. Tại các tỉnh, thành phố, một số địa phương như TP. Hà Nội, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh đã thực hiện thí điểm mô hình đô thị thông minh, chính quyền đô thị, góp phần giảm nhiều đơn vị chuyên môn. Cụ thể, giảm 5 tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; 973 tổ chức cấp phòng; 127 tổ chức cấp chi cục; 1.179 tổ chức cấp phòng thuộc chi cục. Ở cấp huyện, giảm 294 tổ chức cấp cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp. Đối với cấp xã, đã tiến hành sắp xếp đối với 1.047 đơn vị, giảm 557 đơn vị. Về biên chế công chức (tính đến ngày 31/3/2020), các bộ, ngành trung ương giảm 10.284 người so với số giao năm 2015; các địa phương giảm 13.612 người so với số giao năm 2015 (đạt gần 9%). Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có nhiều đổi mới, từng bước đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin được đầu tư nâng cấp, kết nối thông suốt. Tính đến quý II năm 2020,



số dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức 3 cả nước là trên 38,8 nghìn dịch vụ; DVCTT mức 4 cả nước là gần 18 nghìn dịch vụ. Tỷ lệ trung bình hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử tại các địa phương từ năm 2015 đến tháng 3/2020 là 84,44%... Đặc biệt, công tác hiện đại hóa nền hành chính đột phá qua kết quả xây dựng Chính phủ điện tử đã làm thay đổi lối lối, phương thức làm việc theo hướng hiện đại.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể, nhiều bộ, ngành và địa phương đã có những mô hình, sáng kiến mới được nghiên cứu, triển khai, áp dụng có hiệu quả và được nhân rộng trong phạm vi của từng tỉnh phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương mình. Từ năm 2015 đến nay, các bộ, ngành đã có khoảng 461 mô hình, sáng kiến CCHC; các tỉnh có 6.124 mô hình, sáng kiến CCHC, trung bình mỗi năm, mỗi tỉnh có hơn 16 mô hình, sáng kiến.

Cũng theo báo cáo, công tác kiểm tra việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ CCHC tại các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan

có liên quan cũng được tăng cường thực hiện. Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2019, số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra cũng tăng lên qua từng năm, trong đó, năm 2019 có số lượng đơn vị được kiểm tra nhiều nhất với số lượng 2.950. Công tác kiểm tra đã có tác động tích cực, tạo sự chuyển biến trong nhận thức, hành động, kỷ luật, kỷ cương của người đứng đầu, đội ngũ công chức, viên chức trong triển khai CCHC của các bộ, ngành, địa phương và từng cơ quan, đơn vị trong hệ thống hành chính nhà nước. Cùng với đó, nhiều vấn đề khó khăn, vướng mắc trong CCHC đã được xử lý kịp thời sau kiểm tra. Đặc biệt, việc công bố Chỉ số CCHC (PAR INDEX) của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được tiến hành hằng năm, trở thành một công cụ tốt trong quản lý CCHC, được nhân rộng trong hệ thống cơ quan hành chính các cấp. Việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và công bố Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với

sự phục vụ của cơ quan hành chính hàng năm (SIPAS) đã trở thành thước đo đánh giá khách quan chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Việc hội nhập quốc tế sâu rộng, tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) trong những năm qua đã thực sự là đòn bẩy để Việt Nam quyết tâm cải cách, nhất là CCHC. Những kết quả đạt được trong CCHC đã giúp Việt Nam được đánh giá là nền kinh tế có mức độ cải thiện điểm số, tăng hạng tốt nhất toàn cầu, thể hiện qua hàng loạt chỉ số có sự cải thiện cả về điểm số và vị trí xếp hạng. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu của Việt Nam duy trì xếp hạng cao, năm 2020 xếp thứ 42/131. Chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2019, Việt Nam xếp thứ 67/141 quốc gia và nền kinh tế, tăng 10 bậc so với năm 2018, mức tăng cao nhất trên thế giới. Về chỉ số Chính phủ điện tử, Việt Nam duy trì tăng hạng liên tục từ năm 2014 đến nay và xếp vị trí thứ 86/193 quốc gia năm 2020, tăng 2 bậc so với 2018.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được cũng còn những hạn chế cần khắc phục trong cải cách hành chính như: Công tác chỉ đạo, điều hành cũng như kiểm tra, giám sát vẫn chưa được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục, còn mang tính chất hình thức ở một số bộ, ngành và một số địa phương. Công tác thông tin, tuyên truyền chưa thật sự tạo ra sức lan tỏa tới người dân, doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng xã hội. Việc nhân rộng những mô hình, sáng kiến, cách làm hay về CCHC còn hạn chế. Thủ tục hành chính còn rườm rà, tình trạng gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp vẫn còn diễn ra. Tổ chức bộ máy nhiều nơi

vẫn chồng chéo, sử dụng kinh phí nhà nước còn lãng phí...

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tại Hội nghị Hội nghị trực tuyến tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 được tổ chức vào tháng 3/2021, nguyên Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, nay là Chủ tịch nước nhấn mạnh, đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo... Trên tinh thần đó, công tác cải cách hành chính ở nước ta trong thời gian tới cần được thực hiện sát sao, có trọng tâm, bám sát mục tiêu đột phá chiến lược đã đề ra.

Trong giai đoạn tiếp theo, CCHC sẽ tập trung thực hiện chiến lược số hóa với cơ sở dữ liệu dân cư tốt hơn; tăng cường kiểm tra giám sát xử lý nghiêm tổ chức cá nhân vi phạm, tăng cường tính công khai minh bạch để phục vụ người dân tốt hơn. Chính phủ yêu cầu Bộ Nội vụ khẩn trương hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030 trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành. Chương trình CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030 cần được xây dựng và tổ chức thực hiện một cách toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo

đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

Về các nội dung cụ thể, tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế pháp luật, trong đó chủ yếu là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thể chế về tổ chức hoạt động của nền kinh tế nhà nước. Ngoài ra, cần hoàn thiện về thể chế kinh doanh và cạnh tranh tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển lành mạnh. Những thể chế này tận dụng tối đa hiệu quả những tri thức mới, công nghệ mới, kích thích mọi công dân và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế - xã hội cùng tham gia khởi nghiệp, làm giàu chính đáng và đóng góp cho sự thịnh vượng chung của đất nước.

Tiếp tục cắt giảm, đơn giản hóa các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước. Tăng cường thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm. Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền lợi và trách nhiệm, khuyến khích sự năng động, sáng tạo phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ. Nghiên cứu triển khai các biện pháp đổi mới phương thức quản lý nhà nước thông qua khoa học - công nghệ và ứng dụng khoa học công nghệ vào xây dựng Chính phủ điện tử đồng bộ, hiện đại.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng, tinh thần

trách nhiệm, đạo đức công vụ và cần được làm tốt hơn; tiếp tục đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan, đơn vị gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ lề lối, phương thức làm việc, thay đổi căn bản phương thức chỉ đạo điều hành, quản lý sang điện tử và dựa trên dữ liệu số; thực hiện chuyển đổi số quốc gia và xây dựng bộ máy hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số giữ vững ổn định kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Thực hiện nhiệm vụ này, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo, điều hành CCHC, tạo động lực cải cách mạnh mẽ và lan tỏa trong toàn hệ thống, tạo được niềm tin cho xã hội, người dân, doanh nghiệp. Các thể chế, văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thể hiện quyết tâm của việc đổi mới mạnh mẽ công tác chỉ đạo, điều hành, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa CCHC với xây dựng Chính phủ điện tử và kiểm soát thủ tục hành chính.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục khắc phục những tồn tại, bất cập để làm cho nền hành chính văn minh, hiện đại hướng đến người dân, tạo môi trường thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Kết quả CCHC giai đoạn 2011-2020 và những nỗ lực xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2021-2030 sẽ hiện thực hóa khát vọng phát triển Việt Nam hùng cường vào năm 2045./.

Cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam: Những tiến bộ vượt bậc

Từ năm 2014, hàng năm, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia (những năm đầu là Nghị quyết 19 và từ năm 2019 là Nghị quyết 02 với các mục tiêu, giải pháp ngày càng cụ thể. Các Nghị quyết 19 và Nghị quyết 02 của Chính phủ đã nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ Trung ương tới địa phương; sự hưởng ứng của cộng đồng doanh nghiệp, sự tham gia của toàn xã hội. Qua đó, đã góp phần cải thiện thêm một bước thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, tháo gỡ được nhiều rào cản khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và người dân.

Với việc triển khai các nghị quyết này hàng năm, hàng nghìn rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh đã được dỡ bỏ; nhiều yếu tố, vấn đề về xã hội, quản lý, quản trị liên quan tới chất lượng môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia được chú trọng chỉ đạo giải quyết. Thứ hạng của Việt Nam trong tất cả các bảng xếp hạng quan trọng của quốc tế đều được cải thiện. Phần lớn các chỉ số được đánh giá định kỳ từ một đến hai năm của các tổ chức quốc tế đều ghi nhận rõ sự tiến bộ về điểm số tuyệt đối và cải thiện thứ hạng của Việt Nam. Thứ hạng môi trường kinh doanh tại Việt Nam tăng mạnh qua các năm, từ thứ 90 năm 2015 lên thứ 70 năm 2019, tăng 20 bậc. Xếp hạng Năng lực cạnh tranh quốc gia cũng được tăng hạng hàng năm. Năm 2017, Việt Nam đứng thứ 55. Từ năm 2018, xếp hạng năng lực cạnh tranh được đổi thành Năng lực cạnh tranh 4.0, với các tiêu chí được điều chỉnh cho phù hợp với mức độ sẵn sàng của nền sản xuất mới trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 và Việt Nam đứng thứ 77. Một năm sau, vị trí của Việt Nam đã tăng 10 bậc, lên thứ 67. Năng lực cạnh tranh du lịch tăng 12 bậc, từ thứ 75 năm 2015 lên thứ 63 năm 2019. Xếp hạng Hiệu quả logistics tăng 25 bậc, từ thứ 64 năm 2016 lên thứ 39. Xếp hạng Đổi mới sáng tạo toàn cầu tăng 17 bậc, từ thứ 59 năm 2016 lên thứ 42 năm 2020.

Trong các bộ chỉ số, các bảng xếp hạng quốc tế, có không ít chỉ số, tiêu chí cụ thể của Việt Nam đã ghi nhận những tiến bộ vượt bậc như: Tiếp cận điện năng tăng 81 bậc, từ thứ 108 (năm 2015) lên thứ 27 (năm 2019), đạt mức xếp hạng cao nhất từ trước đến nay; Nộp thuế và BHXH tăng 59 bậc, từ thứ 168 (năm 2015) lên thứ 109 (năm 2019); Ứng dụng CNTT tăng 54 bậc, từ thứ 95 (năm 2015) lên thứ 41 (năm 2019)... Đặc biệt, xếp hạng về phát triển bền vững tăng 34 bậc, từ thứ 88 năm 2016 lên thứ 49 năm 2020. Đây là bộ chỉ số được Liên hợp quốc xây dựng, đánh giá dựa trên các tiêu chí bám sát 17 nhóm mục tiêu phát triển bền vững (với 169 mục tiêu cụ thể).

Năm 2020, dù ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các nỗ lực thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP không hề giảm, thậm chí nhiều nhiệm vụ đã được thúc đẩy mạnh mẽ hơn (như dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt...). Cộng đồng doanh nghiệp trong nước ghi nhận tích cực những kết quả, tiến bộ trong thực hiện nghị quyết này.

Kết quả điều tra 10.000 doanh nghiệp của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cho thấy: 81,3% doanh nghiệp cho biết "cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả" (tỷ lệ này năm 2016 là 67,4%); 73,6% doanh nghiệp nhận thấy "cán bộ nhà nước thân thiện"

NGHỊ QUYẾT 02/2021: TIẾP NỐI ‘SỨC NÓNG’ CẢI CÁCH, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

TS. Đỗ Ngọc Trâm
Học viện Ngân hàng

Ngay trong ngày đầu tiên của năm mới 2021, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 02 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021. Theo các chuyên gia nhận định, Nghị quyết 02 năm 2021 dù ngắn gọn hơn nhiều so với các Nghị quyết 19 và 02 trước đây, nhưng vẫn giữ được “ngọn lửa” cải cách, thậm chí còn mạnh mẽ hơn.

trong quá trình giải quyết thủ tục (năm 2016 chỉ là 59%); 57,5% doanh nghiệp đánh giá môi trường kinh doanh thuận lợi (năm 2017 là 51,7%); 53,6% doanh nghiệp cho biết mức chi trả không chính thức giảm rõ rệt (năm 2016 là 59,3%)...

Bên cạnh những kết quả quan trọng đáng khích lệ, vẫn còn không ít những chỉ tiêu cụ thể mà điểm tuyệt đối và thứ hạng của Việt Nam còn thấp và hầu như không được cải thiện về thứ bậc như: Giải quyết phá sản doanh nghiệp đứng thứ 122; rào cản phí thuế quan 121; bảo vệ hệ sinh thái bền vững 110; đăng ký tài sản 106; bảo vệ sở hữu trí tuệ 105; kết nối hạ tầng đường bộ 104; đơn giản hóa và cắt giảm 50% ĐKKD nhưng trong đó phần lớn là đơn giản hóa, số cắt giảm chỉ 10%...

Thực tế những năm qua cho thấy, Bộ, ngành nào chủ động, quyết tâm thì các chỉ số được cải thiện rõ ràng hơn (điển hình là điện lực, bảo hiểm xã hội, xây dựng).



Thời gian tới, việc cải thiện vị trí ngày càng khó và đòi hỏi nỗ lực cao hơn vì các quốc gia, nền kinh tế khác cũng rất chú trọng công tác này. Mặt khác, nhiều tiêu chí, chỉ số không chỉ đơn thuần liên quan tới quy định, thủ tục hành chính có thể nhận diện, sửa đổi hoặc bãi bỏ ngay mà còn phải sửa luật và ngày càng có nhiều chỉ số

phải nỗ lực liên tục trong một số năm mới có thể cải thiện được, nhất là liên quan tới hạ tầng, nhân lực và các yếu tố xã hội.

Tập trung cao độ 7 nhóm chỉ tiêu, 4 nội dung trọng tâm, ưu tiên thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia

Nghị quyết 02 năm 2021 đề ra thông điệp của Chính phủ là

cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên, liên tục bởi đứng yên hoặc cải cách chậm hơn sẽ bị bỏ lại phía sau.

So với các Nghị quyết trước đây, Nghị quyết 02/2021 được xây dựng ngắn gọn hơn rất nhiều, khẳng định tiếp tục thực hiện đồng bộ tất cả các mục tiêu giải pháp đã nêu trong Nghị quyết 02/CP năm 2019 và năm 2020; đồng thời đặt trọng tâm vào một số nhóm chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể cần tập trung cao độ để chỉ đạo thực hiện nhằm tạo hiệu ứng lan tỏa nhanh tới các tiêu chí khác. Đó là 7 nhóm chỉ tiêu về môi trường kinh doanh, bao gồm: Cấp phép xây dựng, Đăng ký tài sản, Giải quyết tranh chấp hợp đồng, Giải quyết phá sản doanh nghiệp, Chất lượng quản lý hành chính đất đai, Ứng dụng công nghệ thông tin, Chất lượng đào tạo nghề.

Cùng với đó là 10 chỉ tiêu cụ thể về năng lực cạnh tranh 4.0 và đổi mới sáng tạo, bao gồm: Chất lượng hành chính đất đai, Chất lượng đào tạo nghề, Kỹ năng của sinh viên, Rào cản phi thuế quan, Đăng ký phát minh sáng chế, Kiểm soát tham nhũng, Mức độ tiếp cận CNTT, Mức độ tham gia giao dịch trực tuyến, Cơ hội việc làm trong các ngành thâm dụng tri thức, Môi trường trong bền vững sinh thái.

Nghị quyết cũng nhấn mạnh 4 bốn nội dung trọng tâm trong chỉ đạo thực hiện Nghị quyết. *Thứ nhất*, tập trung khắc phục bằng được những yếu kém, hạn chế trong việc kết nối, phối hợp giữa các cơ quan; làm rõ hơn vai trò cơ quan đầu mối cho từng nhóm chỉ tiêu, từng chỉ tiêu; phân định và quy trách nhiệm rõ ràng hơn cho từng cơ quan.

Thứ hai, tập trung chỉ đạo chuyển đổi số theo Quyết định số



749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" đồng bộ với thực hiện cải cách hành chính; đảm bảo thiết thực, hiệu quả gắn với các giải pháp tăng mức độ sẵn sàng với nền sản xuất mới trong thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đây là một trong những điểm mới của Nghị quyết 02 năm nay. Trong đó, tập trung thực hiện: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, trong đó phần đầu áp dụng 100% cho dịch vụ công thiết thực đối với người dân (như các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, an sinh xã hội); đẩy mạnh tiến độ thanh toán không dùng tiền mặt và phát triển thương mại điện tử. Đồng thời, ứng dụng công nghệ thông tin để minh bạch hóa quy trình, thủ tục; huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp và người dân vào xây dựng chính quyền; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ công tác quản lý nhà nước; xây dựng và triển khai Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025. Đây là một trong những điểm mới của Nghị quyết 02 năm nay. Các chuyên gia nhận định, điều này rất phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh xảy ra đã làm

tăng sức ép cũng như tạo cơ hội thúc đẩy chuyển đổi số, số hoá của cả Chính phủ và doanh nghiệp.

Thứ ba, có chiến lược, kế hoạch trung, dài hạn với mục tiêu rõ ràng, bước đi cụ thể, kiên trì để tạo chuyển biến vững chắc đối với các tiêu chí có tính chất nền tảng, nhưng rất khó cải thiện trong thời gian ngắn như bảo vệ môi trường sinh thái, giảm nghèo đa chiều, phát triển kinh tế-xã hội, văn hoá vùng núi, vùng sâu, vùng xa...; phấn đấu giữ vững và cải thiện thứ hạng phát triển bền vững đồng thời phát triển nhanh cộng đồng doanh nghiệp phát triển bền vững.

Thứ tư, tiếp tục chú trọng hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19.

Năm 2021 có ý nghĩa quan trọng đối với cải cách và phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam; là năm đầu thực hiện Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030 và Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2025; là năm đẩy mạnh phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19. Thành công của năm 2021 về cải cách và phát triển kinh tế - xã hội sẽ tạo tiền đề và khích lệ mạnh mẽ cho các năm tiếp theo./.

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA “ĐIỂM TỰA” AN TOÀN CHO DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU

TS. Nguyễn Văn Giao

Đại học Thương mại

Trong thực tế, mỗi khi doanh nghiệp (DN) gặp khó khăn tại thị trường xuất khẩu thì giải pháp “về nhà” vẫn là sự cứu cánh an toàn cho các DN. Trong bối cảnh hiện nay, khi dịch Covid-19 ảnh hưởng nặng nề tới nền kinh tế các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam thì một lần nữa vai trò thị trường nội địa “điểm tựa” an toàn cho DN xuất khẩu lại được thể hiện rõ nét.

Doanh nghiệp xuất khẩu tìm về thị trường nội địa

Khi dịch Covid-19 còn nhiều diễn biến khó lường thì hoạt động xuất khẩu vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn, do đó có những DN xuất khẩu đã chọn giải pháp “về nhà”. Quay về thị trường nội với chiến lược đưa sản phẩm chinh phục thị trường trong nước, các DN đã thực hiện rà soát và nghiên cứu thị trường, từ đó thay đổi kế hoạch kinh doanh từ khâu bán hàng, marketing, sản xuất đến tài chính... để phù hợp hơn với thị trường nội địa. Trở về thị trường nội địa, DN cũng có lợi thế hiểu thị trường, hiểu văn hóa tiêu dùng của người Việt Nam hơn nên có nhiều cơ hội để cạnh tranh với hàng hóa nước ngoài. Thành công khi quay về thị trường nội địa trong thời gian qua nổi lên phải kể tới Công ty Saigon Food. Saigon Food với đặc thù sản xuất hàng thủy hải sản đông lạnh để xuất khẩu (chiếm 70%) và tiêu thụ nội địa (30%) nên Saigon Food chủ yếu

phát triển theo kênh phân phối hiện đại. Năm 2011, Saigon Food xác định mở rộng sản phẩm và kênh phân phối nội địa với việc có thêm hàng hóa bảo quản ở nhiệt độ thường phù hợp với kênh tạp hóa và cửa hàng. Sau gần 10 năm, thị trường nội địa đã trở thành nơi tiêu thụ hàng chủ lực, là điểm tựa vững chắc cho Saigon Food khi có tới hơn 5.000 điểm bán ở kênh truyền thống.

Đặc biệt, trở thành một hiện tượng khi quay về thị trường nội địa chỉ trong một thời gian rất ngắn đã thành công là Công ty cổ phần Thủy sản An Giang (Agifish). Công ty đã nghiên cứu và đưa ra thị trường những sản phẩm độc quyền và phù hợp thị hiếu người tiêu dùng trong nước như: Bánh phồng basa, khô basa ăn liền... Các sản phẩm của Agifish đến nay đã có mặt tại các siêu thị từ Cần Thơ đến TP.HCM và được nhiều người tiêu dùng lựa chọn.

Quay về thị trường nội địa không chỉ giúp DN giải quyết

khó khăn đầu ra mà còn làm tăng vị thế của DN ở thị trường trong nước và tạo đà cho DN tiếp tục vươn ra thị trường nước ngoài. Đơn cử, Tổng Công ty cổ phần May Việt Tiến, đã khẳng định được tên tuổi và vị thế tại thị trường nội địa và hội nhập toàn cầu với chiến lược cạnh tranh hợp lý, sản phẩm của Việt Tiến đáp ứng cho nhiều phân khúc thị trường từ người tiêu dùng có thu nhập trung bình, khá đến cao cấp. Hiện, Việt Tiến là một trong những DN có hệ thống cửa hàng lớn nhất trong ngành với 1.300 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm trên khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước. Theo Việt Tiến, việc quan tâm đầu tư vào thị trường nội địa đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Mục tiêu đặt ra đến năm 2030 là tỷ trọng xuất khẩu mang thương hiệu Việt Tiến sẽ chiếm từ 10%-15% tổng giá trị xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam, với kim ngạch 1,2-1,4 tỷ USD toàn hệ thống Việt Tiến. Việt Tiến cũng sẽ xây dựng giải pháp bán trên mạng chiếm từ 25-35%. Ngoài ra, DN sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng về các địa phương mà DN đã có nhà máy, củng cố các xí nghiệp, công ty con ở TP. Hồ Chí Minh, đưa quy mô lao động toàn hệ thống từ 50.000 - 60.000 lao động. Đồng thời, xây dựng tầm nhìn đầu tư nhà máy sản xuất ra nước ngoài.

Thành công của các DN xuất khẩu khi quay về thị trường nội địa

cho thấy thị trường nội địa là “điểm tựa” an toàn cho DN xuất khẩu khi gặp khó khăn. Quay về thị trường nội địa với việc am hiểu văn hóa, tâm lý tiêu dùng của người Việt các DN nhanh chóng tìm được thị trường cho riêng mình và gặt hái được thành công với mức doanh thu liên tục tăng qua từng năm. Tại thị trường nội địa DN làm chủ được thị trường, tạo tính tự chủ cho hàng hóa Việt Nam và khi đã đứng vững ở thị trường nội địa, DN có thêm tiềm lực để tiếp tục vươn ra thị trường thế giới.

Thị trường nội địa - “điểm tựa” an toàn cho doanh nghiệp xuất khẩu

Với dân số gần 100 triệu dân, thị trường nội địa còn rất nhiều dư địa cho DN phát triển. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay khi tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên thế giới và Việt Nam đang tiếp tục kiểm soát tốt dịch Covid-19. Điều này tạo cho thị trường nội địa độ an toàn chắc chắn và yếu tố bền vững cao hơn cả ở trước mắt và tương lai cho các DN xuất khẩu, kể cả khi giao thương nội địa có gặp khó khăn cũng không chịu ảnh hưởng nhiều như thị trường xuất khẩu. Đánh giá về tiềm năng của thị trường nội địa, Ngân hàng Thế giới (WB) cho rằng, thị trường nội địa Việt Nam đang phát triển có thể bổ sung một phần, thậm chí đối trọng với thị trường nước ngoài. Hiện, gần 1/6 dân số Việt Nam đã gia nhập tầng lớp trung lưu toàn cầu với chi tiêu bình quân đầu người hơn 15 USD mỗi ngày. Theo WB, với tốc độ hiện tại, mỗi năm Việt Nam sẽ có thêm 1 triệu người tham gia nhóm này. Tầng lớp trung lưu mới nổi sẽ tiêu thụ các sản phẩm và dịch vụ không chỉ nhiều hơn mà còn chất lượng hơn.

Sau hơn 10 năm thực hiện chương trình “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đến nay,

lòng tin của người tiêu dùng đối với chất lượng hàng Việt ngày càng được nâng lên, khi ngày càng nhiều người Việt Nam tin dùng hàng Việt Nam. Kết quả điều tra dư luận xã hội của Viện Nghiên cứu dư luận xã hội (Ban Tuyên giáo Trung ương) năm 2019 cho thấy, có 67% số người tiêu dùng ưu tiên lựa chọn hàng Việt Nam; 52% số người được hỏi luôn khuyên người thân, bạn bè sử dụng hàng Việt Nam; 36% số người tiêu dùng chuyển từ mua hàng nhập khẩu sang hàng sản xuất trong nước. Tác động của dịch Covid-19 cũng đã làm thay đổi xu hướng mua hàng của người Việt, khi có đến 76% số người tiêu dùng Việt Nam chuộng hàng trong nước, nhất là những sản phẩm đã có thương hiệu, bảo đảm chất lượng và tốt cho sức khỏe.

Tại các hệ thống phân phối, sự hiện diện của hàng hóa trong nước ngày càng nhiều với mức tiêu thụ tăng lên. Theo Bộ Công Thương, hàng Việt Nam chiếm tỷ trọng 90% tại các siêu thị lớn như: Co.opmart, Vinmart, Intimex, Hapromart... Tỷ lệ hàng Việt Nam tại các chợ, cửa hàng tiện lợi chiếm từ 60% trở lên.

Hàng loạt chương trình kết nối cung cầu, kích thích tiêu dùng trong nước được tổ chức thực hiện liên tục và rộng khắp trên phạm vi toàn quốc. Bên cạnh đó, các chương trình kích thích thương mại điện tử và kinh tế số cũng đang tạo động lực thúc đẩy thị trường trong nước phát triển sôi động, giúp DN đến gần hơn với người tiêu dùng trong nước, từng bước vượt qua khó khăn.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 5.059,8 nghìn tỷ đồng, tăng 2,6% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 1,2% (năm 2019 tăng 9,5%). Trong đó, bán buôn và bán lẻ hàng hóa duy trì đà tăng trưởng khá cao



đạt 5,53%, trở thành lực đẩy quan trọng cho tăng trưởng thị trường nội địa, đồng thời đóng góp 0,61 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP cả nước trong năm 2020. Tính riêng quý I năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1.291,1 nghìn tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 4,42% (cùng kỳ năm 2020 giảm 0,01%). Trong đó, bán buôn và bán lẻ tăng 6,45% so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục là ngành dịch vụ có đóng góp lớn nhất vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế (0,67 điểm phần trăm). Theo tính toán của Bộ Công Thương, nếu tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng 9% - 9,5%/năm trong giai đoạn 2020 - 2025 thì đến năm 2025, giá trị gia tăng của ngành thương mại trong nước sẽ đóng góp khoảng 13,5% GDP, tổng giá trị bán lẻ ước tính 350 tỷ USD vào năm 2025, gấp 1,6 lần so với năm 2020.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi thị trường nội địa mang lại cho DN xuất khẩu khi quay về thì vẫn còn những nút thắt thị trường nội địa cần sớm tháo gỡ để phát triển tốt hơn như: Sản xuất nội địa chưa có sự gắn kết chặt chẽ với hệ thống phân phối; hạ tầng hệ thống phân phối



và các chi phí trong thương mại bán lẻ còn yếu; giao dịch hàng hóa còn ít được công khai, minh bạch và thiếu thông tin bởi chưa có một hệ thống chợ đầu mối vùng, chưa có những sàn giao dịch hàng hóa nằm trong các chợ đầu mối hoặc hoạt động độc lập; việc mua bán không có hóa đơn chứng từ, thanh toán bằng tiền mặt khá phổ biến.

Để phát triển thị trường nội địa trong thời gian tới, ngày 17 tháng 3 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 386/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021-2025. Trọng tâm của Đề án là tổ chức các hoạt động phát triển thị trường với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”, “Tinh hoa hàng Việt Nam” nhằm đạt mục tiêu giữ thị phần hàng Việt Nam có thể mạnh, với tỷ lệ trên 85% tại các kênh phân phối hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, thương mại điện tử...) và trên 80% các kênh phân phối truyền thống (chợ, cửa hàng tạp hóa, ...); giữ doanh thu bán lẻ của khu vực kinh tế trong nước chiếm tỷ lệ 85% tổng mức bán lẻ hàng hóa trong nước.

Trên 90% người tiêu dùng và doanh nghiệp Việt Nam biết đến

Chương trình Nhận diện hàng Việt Nam với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”, “Tinh hoa hàng Việt Nam” và trên 90% doanh nghiệp biết đến Phong trào “Hàng Việt Nam chinh phục người Việt Nam” và trên 70% doanh nghiệp tham gia Phong trào này.

100% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bộ, ngành và tổ chức chính trị - xã hội xây dựng được kênh truyền thông (báo nói, báo hình, báo in, báo điện tử) có chuyên mục “Tự hào hàng Việt Nam”, “Tinh hoa hàng Việt Nam” thường xuyên tuyên truyền, quảng bá Cuộc vận động.

100% các tỉnh, thành phố nhân rộng được mô hình Điểm bán hàng Việt Nam với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”, “Tinh hoa hàng Việt Nam”. 100% bộ, ngành và địa phương xây dựng được chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất hàng Việt Nam tại thị trường trong nước.

Giải pháp phát triển thị trường nội địa trong thời gian tới

Phát triển thị trường nội địa tạo nền tảng cho DN phát triển và khi thị trường thế giới ổn định hơn, DN có thể tự tin bước tiếp sang thị trường khác một cách mạnh mẽ, Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021-2025 đã đưa ra 4 nhóm giải pháp, chính sách phát triển chủ yếu gồm: Thay đổi về nhận thức và hành vi của cộng đồng đối với hàng Việt; hỗ trợ phát triển hệ thống phân phối hàng Việt cố định và bền vững; nâng cao năng lực cạnh tranh cho DN, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong lĩnh vực phân phối hàng Việt Nam; nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường và bảo vệ người tiêu dùng.

Trong đó, các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng chương trình kết nối quy mô quốc gia (có tính liên kết vùng, miền) giữa nhà sản xuất, kinh doanh với nhà phân phối, đại lý trong nước cũng như có những chính sách hỗ trợ cụ thể để mở rộng độ bao phủ hàng hóa, tăng hiện diện của hàng Việt Nam theo các phân khúc khác nhau tại thị trường trong nước.

Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quan tâm, tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại nhằm tạo điều kiện cho mở rộng kênh phân phối hàng Việt tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu công nghiệp, vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Nhà nước tập trung xây dựng chiến lược và chính sách phát triển hàng Việt Nam trong lĩnh vực cần ưu tiên phát triển trung và dài hạn cho thị trường nội địa; xây dựng hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm hướng tới hài hòa với tiêu chuẩn khu vực, quốc tế.

Các cấp, ngành từ trung ương đến địa phương tạo điều kiện cho DN tiếp cận nguồn vốn để đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, khai thác lợi thế cạnh tranh của DN, khuyến khích các DN đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại, mở rộng mạng lưới bán hàng, nhất là ở các vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Xây dựng các chương trình nhằm nâng cao nhận thức của DN Việt Nam về tác động của công nghệ thông tin đối với hoạt động kinh doanh, sản xuất của DN; hướng tới đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác kinh doanh trên môi trường mạng./.

NÂNG TẦM THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Diệu Hiền

Đại học Công nghiệp Hà Nội

Năm 2020, thương hiệu quốc gia Việt Nam được hãng định giá thương hiệu Brand Finance đánh giá là quốc gia có giá trị thương hiệu quốc gia tăng mạnh nhất thế giới. Theo đó, giá trị thương hiệu quốc gia của Việt Nam đã tăng 29% so với năm 2019, lên tới 319 tỷ USD. Đây là một tín hiệu tích cực, từng bước khẳng định vị thế thương hiệu quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế.

(tăng 12 tỷ USD tương đương 5,4% so với con số 235 tỷ USD năm 2018) và xếp hạng thứ 42. Năm 2020, Việt Nam nổi lên là “thiên đường” sản xuất mới tại Đông Nam Á và có giá trị thương hiệu quốc gia tăng mạnh nhất thế giới, đi ngược xu hướng sụt giảm trên toàn cầu do đại dịch Covid-19. Theo đó, Brand Finance nhận định giá trị thương hiệu quốc gia của Việt Nam đã tăng 29% so với năm 2019, lên tới 319 tỷ USD. Việt Nam đã tăng hạng 9 bậc lên vị trí thứ 33 trong Top 100 thương hiệu quốc gia giá trị nhất thế giới.

Đáng chú ý, thương hiệu quốc gia Việt Nam tuy xếp sau một số thương hiệu trong ASEAN như In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po, Thái-lan, Ma-lai-xi-a song lại là quốc gia duy nhất trong khu vực thăng hạng với mức độ mạnh mẽ, trong khi các thương hiệu của khu vực có xu hướng đi ngang, thậm chí là sụt giảm mạnh so với năm 2019. Các vị trí đầu tiên trong bảng xếp hạng năm 2020 gồm Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức và Anh, tuy nhiên giá trị đều sụt giảm, thấp nhất là 3,7%, cao nhất lên tới 21,5%.

Bảng xếp hạng thương hiệu quốc gia giá trị nhất thế giới năm 2020 của Brand Finance

Xếp hạng (Theo giá trị thương hiệu)	Thương hiệu quốc gia	Giá trị thương hiệu quốc gia (tỷ USD)	Tăng trưởng giá trị (%)
01	MỸ	23.738	-14,5
02	TRUNG QUỐC	18.764	-3,7
03	NHẬT BẢN	4.261	-6,0
04	ĐỨC	3.813	-21,5
05	ANH	3.315	-13,9
06	PHÁP	2.699	-12,8
07	ẤN ĐỘ	2.028	-20,8
08	CANADA	1.900	-13,0
09	ITALY	1.776	-15,8
10	HÀN QUỐC	1.695	-20,6
33	VIỆT NAM	319	29,1

Báo cáo của hãng Brand Finance (Tổ chức tư vấn quốc tế về định giá thương hiệu quốc gia, được thành lập năm 1996, trụ sở tại London - Anh) cho biết, những năm gần đây, thứ hạng giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam liên tục được cải thiện và nằm trong nhóm thương hiệu mạnh nhờ những nỗ lực của Chính phủ về cải cách môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao thành tích xuất nhập khẩu, hỗ trợ thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp và những dự báo tích cực về tăng trưởng GDP.

Năm 2019, thương hiệu quốc gia Việt Nam được định giá 247 tỷ USD

Báo cáo của Brand Finance đánh giá cao công tác xử lý khủng hoảng y tế và kinh tế của Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh đây là thời điểm

tốt để các nước như Việt Nam tăng cường thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo đó, Việt Nam là quốc gia ghi nhận số ca nhiễm và tử vong do Covid-19 ở mức thấp đáng kinh ngạc. Việt Nam cũng được chọn là điểm đến hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á cho hoạt động sản xuất và ngày càng hấp dẫn nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư từ Mỹ đang tìm cách chuyển địa điểm sản xuất khỏi Trung Quốc.

Nhận định về sự thăng hạng giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam, các chuyên gia cho biết, việc tham gia ngày càng nhiều các hiệp định thương mại tự do đã và đang mở ra cho Việt Nam những cơ hội mới, là yếu tố quan trọng giúp Việt Nam duy trì động lực phát triển nền kinh tế trong bối cảnh suy giảm chung của khu vực và toàn cầu. Song song với Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) là điểm nhấn quan trọng của nền kinh tế Việt Nam trong tình hình mới, được đánh giá sẽ tạo khởi sắc ấn tượng trong quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa Việt Nam với các quốc gia khác.

Bên cạnh đó, sự ổn định về chính trị, an toàn và cải thiện liên tục môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp được đánh giá chính là “chìa khóa” giúp Việt Nam tạo được niềm tin cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. Ngoài ra, kinh tế phát triển thực chất, hiệu quả và bền vững, duy trì được nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc, kiểm soát được lạm phát cũng chính là yếu tố khiến giá trị thương hiệu quốc gia của Việt Nam liên tục thăng hạng trong thời gian qua.



Đặc biệt, để nâng cao giá trị thương hiệu quốc gia, Việt Nam đã triển khai thực hiện Chương trình thương hiệu quốc gia Việt Nam để phát triển thị trường trong và ngoài nước theo Quyết định số 253/2003/QĐ-TTg tháng 11/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Chương trình Thương hiệu quốc gia (THQG) đã trở thành chương trình xúc tiến thương mại đặc thù, dài hạn và duy nhất của Chính phủ nhằm xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia thông qua thương hiệu sản phẩm.

Sau gần 17 năm triển khai thực hiện Chương trình, THQG đã đạt được nhiều thành quả tích cực, thu hút sự quan tâm đặc biệt, tạo uy tín cao đối với các doanh nghiệp, cơ quan quản lý cũng như người tiêu dùng trong nước và nước ngoài.

Hiệu ứng tích cực từ Chương trình THQG cho thấy, sau khi các sản phẩm được công nhận đạt THQG, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp đã được nâng tầm rõ rệt, thể hiện qua sự mở rộng về quy mô sản xuất, nhân công lao động và gia tăng về doanh thu.

Số liệu báo cáo của 124 doanh nghiệp có sản phẩm đạt THQG trong kỳ xét chọn năm 2020 cho biết, tổng doanh thu năm 2019 của các doanh nghiệp này

đạt trên 1,4 triệu tỷ đồng, tổng doanh thu xuất khẩu đạt hơn 137 nghìn tỷ đồng, tổng nộp ngân sách nhà nước trên 200 nghìn tỷ đồng, tạo việc làm cho hơn 471 nghìn lao động. Các hoạt động xã hội của các doanh nghiệp này đạt giá trị trên 9,5 nghìn tỷ đồng và nộp bảo hiểm xã hội trên 20 nghìn tỷ đồng. Năm 2020, trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát ở nước ta, các doanh nghiệp đạt thương hiệu quốc gia đã triển khai nhiều hoạt động chung tay cùng cộng đồng quyền góp ủng hộ với số tiền và hiện vật lên tới trên 80 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, điểm sáng trong việc xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2020 đã thu hút nhiều thương hiệu nổi tiếng trên thị trường lần đầu đăng ký tham gia như: VnPay, Mobifone, Cholimex, Dược Nam Hà, Richy, Pan... Không những vậy, một số tập đoàn và các công ty con cùng đăng ký tham gia xét chọn như: Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, Tổng công ty Thiết bị điện Việt Nam - Gelex, Tập đoàn BRG. Các sản phẩm, dịch vụ mới như thanh toán điện tử, quản lý khách sạn, du lịch trải nghiệm... của các doanh nghiệp tham gia cũng đã tạo nên sự đa dạng cho chương trình, đồng thời cho thấy

nhận thức của các doanh nghiệp trong nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau về tầm quan trọng của thương hiệu đã được nâng cao. Các doanh nghiệp đạt thương hiệu quốc gia ngày càng khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động của mình, duy trì tốc độ tăng trưởng cao, cả về lợi nhuận và doanh thu, giữ vững thị trường nội địa và phát triển thị trường xuất khẩu.

Để tiếp tục nâng tầm giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam giai đoạn 2020 đến năm 2030, Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam đặt mục tiêu xây dựng hình ảnh Việt Nam là một quốc gia có uy tín về hàng hóa và dịch vụ với chất lượng cao, tăng niềm tự hào và sức hấp dẫn của đất nước và con người Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển ngoại thương và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Theo đó, trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2030, Chương trình sẽ tập trung xây dựng và phát triển Thương hiệu Việt Nam gắn với các giá trị tích cực, nổi trội của thương hiệu sản phẩm với các mục tiêu cụ thể, như: Thực hiện có hiệu quả chương trình trên cơ sở thống nhất, đồng bộ với chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ; kim ngạch xuất khẩu của nhóm sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam đạt mức tăng cao hơn mức tăng bình quân cả nước. Ngoài ra, Chương trình đang hướng đến mục tiêu trên 1.000 sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam; mỗi năm tăng 10% số lượng doanh nghiệp được vào danh sách doanh nghiệp có giá trị thương hiệu cao nhất của các tổ chức xếp hạng uy tín trên thế giới; 90% số lượng doanh nghiệp trên cả nước có nhận thức về vai trò của thương hiệu trong sản xuất,

kinh doanh, đầu tư; 100% sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam được quảng bá trong nước và tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm...

Các mục tiêu trên đang được hiện thực hóa thông qua các giải pháp như: Nâng cao nhận thức của xã hội, cộng đồng doanh nghiệp đối với công tác xây dựng, phát triển thương hiệu, trong đó có hoạt động tuyên truyền quảng bá, đào tạo tập huấn; hỗ trợ trực tiếp để các doanh nghiệp đáp ứng được tiêu chí của chương trình THQG và trở thành các doanh nghiệp có sản phẩm đạt THQG; tuyên truyền quảng bá cho chương trình THQG và các sản phẩm đạt THQG tới đối tác quốc tế cũng như người tiêu dùng trong nước...

Tuy nhiên, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 có những diễn biến phức tạp, ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế toàn cầu, trong đó có Việt Nam, nhiều doanh nghiệp trong nước bị thu hẹp hoạt động sản xuất, kinh doanh và bị gián đoạn một số chuỗi cung ứng về nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ đầu ra sản phẩm, đặc biệt là trong các ngành: Dệt may và da giày, ngành nông sản, dịch vụ du lịch và bán lẻ... những ngành phụ thuộc nhiều vào thị trường nước ngoài. Chính vì vậy, thời gian tới để duy trì và nâng tầm giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam thông qua nâng cao chất lượng, thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp... các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục phối hợp đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp thương hiệu quốc gia tham gia tích cực hơn nữa trong xây dựng, quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam. Tiếp tục

phát huy các kết quả đạt được, các doanh nghiệp cần khai thác tốt tiềm năng, tận dụng lợi thế để thúc đẩy xuất khẩu thông qua giá trị thương hiệu, kết hợp xây dựng thương hiệu sản phẩm, thương hiệu doanh nghiệp với THQG Việt Nam, đồng thời, thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo, tăng cường chủ động hội nhập trong bối cảnh chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ.

Bên cạnh đó, các chuyên gia cho rằng, ngoài cơ chế, chính sách tốt, bản thân doanh nghiệp cũng cần nỗ lực, quyết tâm, có khát vọng, đam mê, sáng tạo để nhanh chóng xây dựng và phát triển mạnh mẽ thương hiệu của riêng mình. Các doanh nghiệp THQG cần tiếp tục đạt được các tiêu chí "Chất lượng - Đổi mới, Sáng tạo - Năng lực tiên phong", đóng vai trò đi đầu, dẫn dắt, tạo hiệu ứng lan tỏa, đại diện cho THQG, hỗ trợ hiệu quả sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, khẳng định sự tin tưởng của người tiêu dùng trong và ngoài nước đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thương hiệu Việt Nam.

Có thể nói, quá trình xây dựng phát triển thương hiệu và giới thiệu thương hiệu quốc gia của mỗi quốc gia là một trong những nhiệm vụ quan trọng, quyết định vị thế cạnh tranh của quốc gia đó. Do vậy, tùy vào điều kiện tự nhiên và định hướng phát triển, mỗi quốc gia lựa chọn xây dựng một thương hiệu quốc gia riêng nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho quốc gia của mình. Việc xây dựng phát triển Thương hiệu quốc gia Việt Nam chính là công cụ hữu hiệu để nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước và đó cũng là con đường giúp tạo nên sức mạnh tổng thể để khẳng định vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế./.

Việt Nam nằm trong top 20 quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới với vị trí thứ 17 được ghi nhận trong năm 2018. Trong 10 năm giai đoạn 2008-2018, sản lượng tiêu thụ cả trong nước lẫn xuất khẩu thép xây dựng của Việt Nam tăng gần gấp 3 lần, với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) đạt 11,1%. Giai đoạn 2019-2023, tốc độ tăng trưởng tiêu thụ ngành thép của Việt Nam được dự báo sẽ đạt mức tăng 9%. Công nghiệp thép vẫn còn nhiều tiềm năng phát triển với những đóng góp quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội và tăng trưởng thương mại chung của đất nước. Xuất khẩu thép được coi là một mũi nhọn thương mại khi liên tục góp mặt trong danh sách những ngành hàng có kim ngạch xuất khẩu tỷ đô của Việt Nam. Năm 2020, khi dịch bệnh gây tác động mạnh đến thương mại toàn cầu, xuất khẩu sắt thép các loại của Việt Nam vẫn đạt 5,25 tỷ USD, tăng 25% so với năm 2019; xuất khẩu các sản phẩm từ sắt thép đạt 3,05%, giảm 8% nhưng cũng không phải là con số giảm quá mạnh như đối với nhiều mặt hàng xuất khẩu khác (số liệu từ Tổng cục Thống kê).

Tuy nhiên, hiện nay việc gia tăng các biện pháp bảo hộ ngành sản xuất trong nước ở nhiều nước trên thế giới vẫn đang là xu thế chủ đạo trong thương mại quốc tế, đồng thời xung đột thương mại giữa các nền kinh tế lớn càng góp phần lan rộng chủ nghĩa bảo hộ. Điều đó đe dọa nghiêm trọng nhiều ngành sản xuất, trong đó sản xuất thép và các mặt hàng thép là một trong những ngành bị tác động mạnh nhất. Theo Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương), trên thế giới có hơn 1,5 nghìn vụ việc phòng vệ thương mại,



THÉP VIỆT

TRƯỚC BẢO PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

ThS. Phạm Linh Giang - ThS. Nguyễn Thị Nga
Đại học Lao động - Xã hội

Năm 2021, nhu cầu thép trên thế giới tiếp tục tăng cùng với nhu cầu ở thị trường trong nước, vì vậy, ngành Thép Việt Nam được kỳ vọng sẽ có thêm nhiều cơ hội bứt phá so với năm 2020. Tuy nhiên, xuất khẩu thép của Việt Nam ra thị trường thế giới còn gặp rất nhiều trắc trở do xu hướng bảo hộ khiến thép Việt liên tục dính phải các vụ kiện phòng vệ thương mại từ quốc gia đối tác.

trong đó ngành thép chiếm hơn 30% trong tổng số các vụ việc. Đặc biệt trong khoảng 2 năm trở lại đây, thép trên thị trường quốc tế thường xuyên là đối tượng của các vụ việc điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại với mức thuế suất áp dụng rất cao.

Trong bối cảnh chung của thương mại thép toàn cầu, thép Việt không tránh khỏi những thách thức lớn, khi các nước nhập khẩu liên tục điều tra và áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại. Nhất là khi sản phẩm xuất khẩu

của Việt Nam thường có mức giá cạnh tranh hơn rất nhiều so với sản phẩm xuất khẩu của nhiều quốc gia khác. Điển hình với việc đi vào hoạt động của nhà máy Formosa Hà Tĩnh, nhà máy này đã cung cấp ra thị trường 3,3 triệu tấn thép cuộn cán nóng (HRC) trong năm 2018 và hơn 2,1 triệu tấn sau 6 tháng đầu năm 2019 và giá bán thép HRC của Formosa cạnh tranh hơn so với sản phẩm nhập khẩu từ các thị trường truyền thống. Thống kê của Bloomberg tại thời điểm 10/7/2019, giá thép

HRC spot CFR của Việt Nam là 510 USD/tấn, còn giá thép HRC tại kho Hà Nội là 581,8 USD/tấn; trong khi đó, giá thép HRC tại nhà máy của Trung Quốc là 586,9 USD/tấn, của Malaysia là 589,2 USD/tấn và của Thái Lan là 631,7 USD/tấn. Lợi thế cạnh tranh về giá cả cũng chính là một trong những nguyên nhân khiến số vụ việc điều tra chống bán phá giá của thép Việt cao hơn hẳn so với các vụ việc điều tra khác.

Ngoài ra, số liệu từ Tổng cục Thống kê cho thấy, kim ngạch xuất khẩu sắt thép các loại của Việt Nam đã tăng 3,8 lần về lượng, từ 2,55 tỷ tấn năm 2015 lên 9,87 tỷ tấn năm 2020 và tăng 3,1 lần về trị giá từ 1,69 tỷ USD năm 2015 lên 5,25 tỷ USD năm 2020. Thêm vào đó, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm từ sắt thép cũng tăng 1,72 lần, từ 1,77 tỷ USD năm 2015 lên 3,05 tỷ USD năm 2020. Đây là mức tăng ấn tượng đối với một ngành hàng xuất khẩu trong giai đoạn 2015-2020, mặc dù các con số của năm 2020 đã có sự sụt giảm đáng kể do ảnh hưởng từ đại dịch và xung đột thương mại giữa các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng, việc tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu thép của Việt Nam đã khiến nhiều quốc gia chú ý và điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

Theo số liệu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), tính đến hết ngày 31/12/2020, đã có 193 vụ việc phòng thương mại do nước ngoài khởi xướng điều tra, áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, trong đó số vụ việc điều tra phòng vệ thương mại đối với thép và các sản phẩm thép chiếm tỷ lệ cao nhất với 64 vụ (tương đương chiếm 33,1%). Cụ thể, doanh nghiệp xuất khẩu thép của Việt Nam đã, đang phải đối mặt với

34/109 vụ điều tra chống bán phá giá, 7/21 vụ điều tra chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá, 12/23 vụ điều tra chống trợ cấp và 11/40 vụ điều tra áp dụng biện pháp tự vệ. Chỉ trong năm 2020, số vụ việc điều tra, áp dụng phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam nói chung và sản phẩm thép Việt xuất khẩu nói riêng tăng cao đáng kể, với 27 vụ việc trên tổng số 193 vụ việc tính từ năm 1994 đến năm 2020. Riêng sản phẩm thép xuất khẩu phải đối mặt với 13 vụ việc điều tra, áp dụng phòng vệ thương mại trong năm 2020, trong đó có 9 vụ việc chống bán phá giá, 1 vụ việc chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá và 3 vụ việc điều tra chống trợ cấp.

Các sản phẩm bị điều tra gồm có: Thép cốt bê tông, thép không gỉ cán nguội, thép mạ nhôm, kẽm có chiều rộng nhỏ hơn 600 mm và từ 600 mm trở lên, ống thép hàn không gỉ, ống và ống dẫn bằng thép, thép mạ nhôm kẽm, thép chống ăn mòn, thép cuộn không gỉ cán phẳng, thép cuộn phẳng mạ nhôm kẽm, thép cuộn cán nguội không hợp kim... Điều đáng nói là, phần lớn các quốc gia khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại sản phẩm thép xuất khẩu đều là các thị trường chính trong xuất khẩu thép của Việt Nam và hầu như có chung FTA với Việt Nam như Canada, Thái Lan, Malaysia, Australia, EU, Thổ Nhĩ Kỳ... Ngoài ra, còn có Hoa Kỳ là quốc gia điều tra phòng vệ thương mại nhiều nhất với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Những tháng đầu năm 2021, ngành công nghiệp thép Việt Nam ghi nhận nhiều tín hiệu đáng mừng, thống kê trong quý I/2021, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 5,7%, trong đó

sản xuất kim loại tăng 30% so với quý I/2020 với sự góp sức của sản phẩm sắt thép thô, thép cán trong nước tăng lần lượt 14,4% và 54%. Đáng nói là kim ngạch xuất khẩu sắt thép cũng ghi nhận mức tăng khá cao, đạt 2,64 triệu tấn với trị giá 1,82 tỷ USD, tăng 31,1% về lượng và 65,2% về trị giá; kim ngạch xuất khẩu sản phẩm từ sắt, thép đạt 885 triệu USD, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm 2020. Trong khi đó, giá xuất khẩu thép của thế giới liên tục diễn biến theo chiều tăng, kéo giá thép xuất khẩu của Việt Nam tăng lên. Theo số liệu thống kê, chỉ số giá xuất khẩu sản phẩm sắt, thép của Việt Nam tăng 4,73% so với cùng kỳ năm 2020 và tăng 12,05% so với quý IV/2020.

Mặc dù vậy, dư âm của cơn bão phòng vệ thương mại với thép xuất khẩu vẫn tiếp tục kéo dài từ năm 2020 sang những tháng đầu năm 2021, khi thị trường liên tục ghi nhận các vụ điều tra của đối tác nhập khẩu thép của Việt Nam như: Malaysia, Ấn Độ, Canada, EU, Pakistan... Thông tin từ VCCI, cuối tháng 1/2021, Malaysia đã quyết định áp thuế chống bán phá giá lên thép cuộn cán nguội hợp kim và không hợp kim của Việt Nam với mức thuế có biên độ từ 7,42-33,7% theo luật thuế chống trợ cấp, bán phá giá của nước này. Cụ thể mức thuế 7,42% được áp dụng đối với các sản phẩm của POSCO Việt Nam; các sản phẩm của China Steel Sumikin Việt Nam và các nhà sản xuất thép khác sẽ chịu mức thuế lên đến 33,7%.

Trong tháng 2/2021, các sản phẩm thép của Việt Nam cũng liên tục nằm trong tầm ngắm của các vụ kiện phòng vệ thương mại và áp thuế. Trong đó phải kể đến thép cốt bê tông có kim ngạch xuất khẩu xấp xỉ 66,5 nghìn tấn, tương đương khoảng 30 triệu USD vào

Canada hàng năm cũng bị kết luận có biên độ phá giá từ 3,7-15,4% và bị áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời tương ứng với mức biên độ bán phá giá. Ngày 11/2/2021, Tổng vụ Phòng vệ thương mại Ấn Độ (DGTR) thông báo khởi xướng điều tra rà soát phạm vi sản phẩm trong vụ việc chống trợ cấp đối với một số sản phẩm ống thép hàn không gỉ có xuất xứ từ Việt Nam, đồng thời sẽ không xem xét lại biên độ trợ cấp và thiệt hại trong vụ việc gỗ trước đây. Chỉ sau đó vài ngày, đến 17/2/2021, Ủy ban chống bán phá giá Indonesia (KADI) đã có kết luận sản phẩm tôn lạnh (một loại kẽm cán mỏng đã trải qua quá trình mạ hợp kim nhôm) có xuất xứ Việt Nam đã bán phá giá và gây thiệt hại cho ngành sản xuất tôn lạnh nội địa nước này. Do đó, mặt hàng này đã bị quyết định áp dụng mức thuế chống bán phá giá với biên độ 3,01-49,2%. Thông tin từ Thương vụ Việt Nam tại Pakistan, ngày 25/2/2021, Ủy ban Thuế quan quốc gia Pakistan đã khởi xướng vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép cán nguội nhập khẩu từ các nước, trong đó có Việt Nam. Mức thuế bán phá giá cáo buộc đối với sản phẩm của Việt Nam lên tới 27,98%.

Ngay đầu tháng cuối cùng của quý I/2021, Cục Phòng vệ thương mại đã nhận được thông tin Ủy ban châu Âu (EC) thông báo khởi xướng điều tra rà soát cuối kỳ để gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm thép nhập khẩu, trong đó có Việt Nam trên cơ sở yêu cầu của một số nước thành viên Liên minh châu Âu (EU). Trước đó, ngày 1/2/2019, EC đã ra quyết định áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với 26/28 nhóm sản phẩm thép bị điều tra trong 3 năm, kết thúc vào ngày 31/6/2021.

Nhìn chung, hầu hết các doanh nghiệp thép Việt Nam đều có thái độ tích cực hợp tác tham gia quá trình điều tra của cơ quan điều tra phòng vệ thương mại nước ngoài. Thậm chí, ở một số vụ việc, doanh nghiệp đã chủ động tìm đến sự tư vấn, hỗ trợ từ phía Cục Phòng vệ thương mại hoặc luật sư thương mại quốc tế. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại doanh nghiệp chưa thực sự tích cực, từ chối tham gia hoặc không tham gia đầy đủ một số vụ việc. Nguyên nhân lý giải cho tình trạng này là do các doanh nghiệp còn hạn chế hiểu biết về pháp luật phòng vệ thương mại quốc tế, chưa có kinh nghiệm tham gia, ứng phó các vụ việc dẫn đến việc lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại. Trong tất cả các vụ khởi xướng điều tra phòng vệ thương mại, dù thắng hay thua kiện, uy tín của các doanh nghiệp nói riêng và thương hiệu quốc gia cũng ít nhiều sẽ bị ảnh hưởng. Các vụ khởi xướng điều tra có thể được áp với bị đơn là một hoặc vài doanh nghiệp nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ gây thiệt hại cho toàn ngành là rất lớn. Do đó, doanh nghiệp cần thực hiện nhiều biện pháp nhằm giữ thế chủ động khi ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại.

Đồng hành cùng doanh nghiệp, ngày 01/3/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 316/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại” để theo dõi, cảnh báo và hỗ trợ cơ quan điều tra về phòng vệ thương mại và các cơ quan liên quan trong việc điều tra, xử lý các vụ việc phòng vệ thương mại trong và ngoài nước, giải quyết tranh chấp tại Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đảm bảo

mục tiêu bảo vệ sản xuất trong nước, chủ động phòng ngừa và ứng phó với các vụ kiện PVTM của nước ngoài, hướng tới xuất khẩu bền vững. Tiếp đó, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2074/QĐ-BCT ngày 5/8/2020 về Chương trình hành động thực hiện Quyết định số 316/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại”. Đồng thời, ngày 19/5/2020, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1347/QĐ-BCT triển khai một số hoạt động của Bộ Công Thương nhằm nâng cao năng lực phòng vệ thương mại cho các ngành sản xuất trong nước trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Cùng với sự hỗ trợ từ Chính phủ, các chuyên gia kinh tế khuyến cáo, bên cạnh việc tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng và tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm thì các doanh nghiệp thép Việt cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng các kiến thức về thương mại quốc tế để chủ động ứng phó với các nguy cơ kiện tụng, phòng vệ tại các thị trường xuất khẩu. Nhất là trong bối cảnh gia tăng xu hướng bảo hộ như hiện nay, doanh nghiệp cần phải coi phòng vệ thương mại là một trong những yếu tố quan trọng trong chiến lược xuất khẩu của mình, từ đó thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo và khi xảy ra vụ việc thì cần hợp tác với cơ quan điều tra, tham gia đầy đủ quá trình điều tra. Đồng thời, doanh nghiệp cũng cần sát sao liên hệ với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong nước như các đơn vị chức năng của Bộ Công Thương để kịp thời phối hợp tìm biện pháp tháo gỡ/.

KẾT QUẢ GIẢM NGHÈO ĐA CHIỀU CỦA VIỆT NAM NHÌN LẠI MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

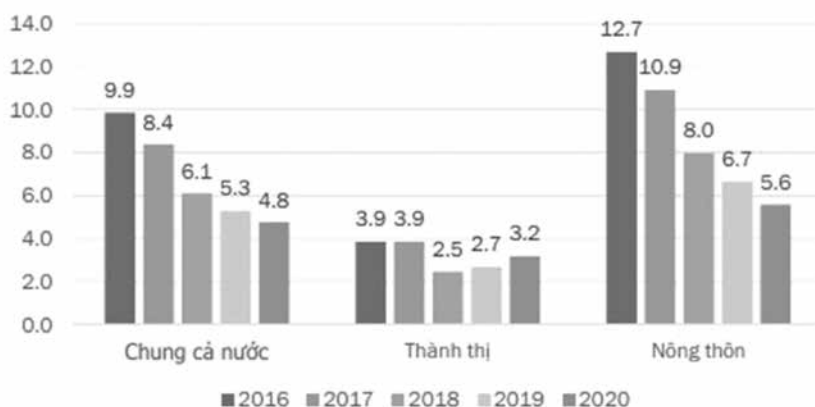
Bích Ngọc

Trong những năm qua, cùng với phát triển kinh tế gắn với xã hội và môi trường, công tác giảm nghèo là một trong những nội dung được Nhà nước đặc biệt quan tâm. Nhận thấy chất lượng cuộc sống của con người liên quan đến nhiều khía cạnh khác ngoài thu nhập và tiếp cận với phương pháp đo lường nghèo quốc tế, năm 2015, Chính phủ Việt Nam đã ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, đánh dấu bước quan trọng trong quá trình chuyển đổi của Việt Nam từ đo lường nghèo theo thu nhập (đơn chiều) sang đo lường đa chiều, để dựng nên một bức tranh đầy đủ và toàn diện hơn về thực trạng nghèo ở nước ta. Với bước đi này, Việt Nam là một trong số những nước đi đầu ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong áp dụng phương pháp đo lường nghèo đa chiều để giảm nghèo ở tất cả các chiều cạnh, bao gồm cả thu nhập và các chiều phi tiền tệ như nhà ở, tiếp cận nước sạch và vệ sinh, dịch vụ giáo dục, y tế, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội.

Nhìn lại chặng đường đã đi qua, Việt Nam đã đạt được kết quả đáng ghi nhận trong công tác giảm nghèo áp dụng theo các chuẩn nghèo đa chiều. Theo kết quả tính toán về nghèo đa chiều 2016-2020 do Tổng cục Thống kê phối hợp thực hiện cùng UNDP, các giải pháp can thiệp của Chính phủ đã giúp tỷ lệ hộ nghèo đa chiều

ở Việt Nam giảm đáng kể, từ 9,9% năm 2016 giảm xuống còn 8,4% năm 2017; 6,1% năm 2018; 5,3% năm 2019 và 4,8% năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn là 5,6%, cao hơn nhiều so với mức 3,2% của khu vực thành thị, song nếu xét cả giai đoạn 2016-2020, khoảng cách này đang giảm dần do tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn giảm mạnh từ 12,7% năm 2016 xuống 5,6% năm 2020.

Hình 1: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều Việt Nam, giai đoạn 2016-2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chỉ số nghèo đa chiều (MPI-Multidimensional Poverty Index) phản ánh mức độ thiếu hụt của mỗi cá nhân theo ba khía cạnh: Sức khỏe, giáo dục và mức sống, đồng thời thể hiện số lượng người nghèo (phải chịu đựng một lượng thiếu thốn nhất định) và mức độ thiếu thốn mà các hộ gia đình thường phải chịu đựng. Theo kết quả, chỉ số MPI chung cả nước đã giảm từ 0,035 năm 2016 xuống còn 0,016 năm 2020, cho thấy tình trạng nghèo đa chiều ở Việt Nam đã được cải thiện đáng kể. Xu hướng này diễn ra ở cả khu vực thành thị, nông thôn và 6 vùng kinh tế. Theo phân tích, tình trạng nghèo đa chiều trong giai đoạn 2016-2020 được cải thiện là do tỷ lệ hộ nghèo (độ rộng của nghèo) giảm nhanh, còn mức độ thiếu hụt (độ sâu của nghèo) không có sự thay đổi đáng kể.

Sự chênh lệch tương đối lớn giữa khu vực thành thị và nông thôn về tình trạng nghèo đa chiều cũng thể hiện rõ qua chỉ số MPI. Năm 2020, MPI của khu vực nông thôn là 0,019, cao gần gấp 2 lần khu vực thành thị (0,010). Do điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn nên các vùng Tây Nguyên, Trung du và miền núi phía Bắc có tình trạng nghèo đa chiều cao với chỉ số MPI năm 2020 lần lượt là 0,031 và 0,027. Đồng bằng sông Hồng là vùng có tình trạng nghèo đa chiều thấp nhất, có chỉ số MPI là 0,001.

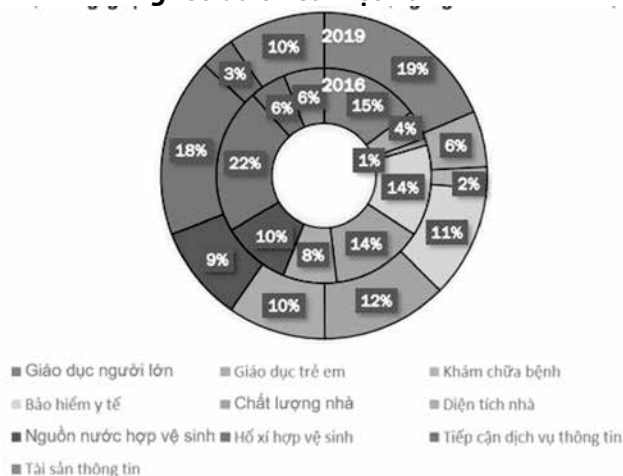
Hình 2: Chỉ số nghèo đa chiều (MPI) các năm

		2016			2020		
		H	A	MPI	H	A	MPI
Khu vực	Chung cả nước	9,9	35,3	0,035	4,8	34,1	0,016
	Thành thị	3,9	33,1	0,013	3,2	32,4	0,010
	Nông thôn	12,7	35,6	0,045	5,6	34,6	0,019
Vùng	ĐBSH	1,5	31,5	0,005	0,3	32,8	0,001
	TD & MNPB	17,4	37,2	0,065	7,4	36,0	0,027
	BTB và DHMT	7,5	36,0	0,027	3,3	34,0	0,011
	Tây Nguyên	20,6	36,5	0,075	8,9	34,7	0,031
	Đông Nam Bộ	4,9	32,3	0,016	6,2	32,7	0,020
	ĐBSCL	19,5	34,4	0,067	8,1	33,8	0,027

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Cũng theo kết quả tính toán của Tổng cục Thống kê, giai đoạn 2016-2019, tỷ lệ hộ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản có xu hướng giảm qua các năm ở đa số các chỉ số. Điều này cho thấy, các hộ gia đình Việt Nam tiếp cận ngày càng tốt hơn với các dịch vụ xã hội cơ bản. Riêng năm 2020, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình kinh tế - xã hội cả nước nên xu hướng giảm này không còn tiếp diễn ở một số chỉ số. Chỉ số có mức độ thiếu hụt nhiều nhất là bảo hiểm y tế, tuy nhiên đây cũng là chỉ số có mức giảm nhanh nhất, từ 40,6% năm 2016 giảm xuống còn 19,5% năm 2020. Khám chữa bệnh và giáo dục trẻ em là các chỉ số có mức độ thiếu hụt rất ít. Các chỉ số có mức độ thiếu hụt không thay đổi đáng kể qua các năm là tài sản tiếp cận thông tin, khám chữa bệnh, giáo dục trẻ em và giáo dục người lớn.

Các chỉ số đóng góp nhiều vào mức độ nghèo đa chiều năm 2019 là giáo dục người lớn (18,6%), hồ xí hợp vệ sinh (17,7%), chất lượng nhà (12,5%) và bảo hiểm y tế (11,1%). Đối với khu vực thành thị, bảo hiểm y tế, giáo dục người lớn và diện tích nhà là 3 chỉ số đóng góp nhiều vào mức độ nghèo đa chiều. Trong khi đó, các chỉ số đóng góp nhiều vào mức độ nghèo đa chiều ở khu vực nông thôn là hồ xí hợp vệ sinh, giáo dục người lớn và chất lượng nhà.

Hình 3: Mức độ đóng góp của các chỉ số và tình trạng nghèo đa chiều Việt Nam

Nguồn: Tổng cục Thống kê



Xét theo vùng kinh tế, bảo hiểm y tế, diện tích nhà và giáo dục người lớn là các chỉ số đóng góp nhiều vào mức độ nghèo đa chiều ở vùng Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ. Trong khi đó, hồ xí hợp vệ sinh và giáo dục người lớn là các chỉ số đóng góp nhiều vào mức độ nghèo đa chiều ở các vùng còn lại.

Với nỗ lực giảm nghèo đa chiều trên, Việt Nam đứng thứ 29 trong số 102 quốc gia về chỉ số nghèo đa chiều và nằm trong số các quốc gia có thành tích cao nhất ở Đông Á và Thái Bình Dương về chỉ số này trong Báo cáo cập nhật Phát triển con người và Nghèo đa chiều năm 2019 của UNDP.

Năm 2021 là năm bản lề để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 5 năm tiếp theo, để công tác giảm nghèo đạt kết quả bền vững, ngày 27/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 có một số điểm sửa đổi, bổ sung, có hiệu lực từ ngày 15/3/2021. Chuẩn nghèo đa chiều

quốc gia áp dụng cho giai đoạn 2021 - 2025 được xây dựng dựa trên cách tiếp cận bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền được bảo đảm an sinh xã hội của công dân; hướng tới mục tiêu hỗ trợ toàn diện, bao trùm, bền vững cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, giúp họ nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần, được đáp ứng nhu cầu về điều kiện sống an toàn; tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản; nâng cao năng lực và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, năm 2021 tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ, là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác trong năm 2021.

Về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, Nghị định quy định các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 gồm: (1) Tiêu chí thu nhập, cụ thể, tiêu chí thu nhập với khu vực nông thôn 1,5 triệu đồng/người/tháng, khu vực thành thị 2 triệu đồng/người/tháng; (2) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản gồm việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin. Cùng với đó là 12 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản; (3) Dịch vụ xã hội cơ bản, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản và ngưỡng thiếu hụt. Nghị định đồng thời quy định chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

Nghèo đa chiều Việt Nam giai đoạn 2016- 2020 được tính toán theo phương pháp Alkire-Foster bao gồm 5 chiều (giáo dục, y tế, nhà ở, điều kiện sống, tiếp cận thông tin) và 10 chỉ số (trình độ giáo dục người lớn, tình trạng đi học trẻ em, tiếp cận dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế, chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở bình quân đầu người, nguồn nước sinh hoạt, hố xí hợp vệ sinh, sử dụng dịch vụ viễn thông, tài sản phục vụ tiếp cận thông tin). Mỗi chiều có quyền số ngang bằng, các chỉ số trong từng chiều lại có quyền số bằng nhau. Vì vậy mỗi chỉ số có quyền số bằng 1/10. Mỗi chỉ số có ngưỡng cắt thiếu hụt riêng. Việc xác định mức độ thiếu hụt của mỗi gia đình căn cứ tình trạng thực tế của hộ và các thành viên trong hộ. Hộ gia đình ở trên ngưỡng cắt thiếu hụt của chỉ số nào được coi là thiếu hụt và nhận điểm thiếu hụt tương đương quyền số của chỉ số đó. Hộ gia đình được coi là hộ nghèo đa chiều nếu tổng điểm thiếu hụt của hộ từ 3/10 trở lên hay thiếu hụt ít nhất 3 trong 10 chỉ số. Chỉ số nghèo đa chiều (MPI) được tính bằng tích của độ rộng (H - tỷ lệ hộ gia đình nghèo đa chiều) và độ sâu (A - điểm thiếu hụt bình quân của các hộ nghèo) của nghèo.



Quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 là những căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác giai đoạn 2022-2025.

Việc áp dụng chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 là cơ sở để các bộ, ngành, địa phương triển khai những chương trình, chính sách, cơ chế đặc thù, thực

hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Đặc biệt, chuẩn nghèo giai đoạn mới giúp nhận diện đối tượng rõ ràng và chính xác hơn, từ đó là căn cứ để các bộ, ngành liên quan và các địa phương lập kế hoạch, bố trí nguồn lực được ưu tiên tập trung hơn cho các địa bàn có tỷ lệ hộ nghèo cao, cũng như đề xuất các giải pháp tác động hiệu quả đối với từng nhóm đối tượng, phát huy được tính tự chủ của hộ nghèo trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống, thoát nghèo bền vững./.

KINH TẾ CHÂU ÂU ĐỐI MẶT MÙA HÈ ẨM ĐẠM

Trúc Linh

Tốc độ tiêm phòng vaccine Covid-19 đang diễn ra một cách chậm chạp ở các nước Liên minh châu Âu (EU), báo hiệu điềm xấu cho hàng triệu việc làm và các ngành phụ thuộc du lịch trong mùa hè sắp tới. Giới chuyên gia cho rằng, điều này có thể làm ảnh hưởng tới những nỗ lực phục hồi kinh tế mà chính phủ các nước châu Âu đang cố gắng thực hiện.

Du lịch mùa hè đối mặt viễn cảnh u ám

Các chính phủ trong Liên minh châu Âu trước đây hy vọng rằng trong những tháng đầu năm 2021, khu vực này sẽ đạt một con số đủ lớn người dân được tiêm chủng ngừa Covid-19 để có thể nới lỏng các biện pháp hạn chế, mở ra một mùa hè tương đối bình thường cho mọi người. Đối với hàng triệu doanh nghiệp du lịch hoạt động cầm cự trong suốt mùa đông vừa qua, đặc biệt là Italy, Hy Lạp và Tây Ban Nha, nơi du lịch tạo ra một phần lớn việc làm và hoạt động kinh tế, vaccine Covid-19 được coi là viễn cảnh tươi sáng. Tuy nhiên, thực tế lại là một câu chuyện hoàn toàn khác. Chiến dịch tiêm chủng ngừa Covid-19 của EU đang diễn ra

với tốc độ chậm chạp, cộng với những lo ngại gần đây về tính an toàn của vaccine Covid-19 của hãng dược AstraZeneca, có thể khiến nền kinh tế khu vực châu Âu đối mặt với viễn cảnh một mùa hè u ám. Các chuyên gia cho rằng, thất thu từ hoạt động du lịch trong mùa hè sẽ gây ra tổn hại nặng nề cho kinh tế khu vực kinh tế châu Âu. Trong khi đó, chiến dịch tiêm chủng Covid-19 nhanh chóng ở Mỹ đang hứa hẹn giúp hàng triệu người dân nước này có thể quay lại nghỉ dưỡng ở bãi biển, tiệc tùng và lên xe du lịch đường dài. Điều này có nghĩa là tiến trình phục hồi kinh tế của châu Âu sẽ tụt hậu nhiều so với Mỹ.

Những quốc gia có độ phụ thuộc cao vào ngành du lịch

trong khu vực rất có thể sẽ tiếp tục chứng kiến nền kinh tế suy giảm trong năm nay. Theo dữ liệu từ Hội đồng Lữ hành và du lịch Thế giới (WTTC), du lịch - lữ hành đóng góp khoảng 13% tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Italy; 14% đối với Tây Ban Nha và 21% đối với Hy Lạp. Ở Mỹ và phần lớn các nước Bắc Âu, con số tương ứng là dưới 10%. Số liệu của công ty nghiên cứu Oxford Economics cho thấy, tổng doanh thu ngành du lịch và lữ hành trong năm 2020 đã giảm một nửa ở Italy, còn 88 tỷ Euro, tương đương 105 tỷ USD; và giảm gần 2/3 ở Tây Ban Nha, còn 44 tỷ Euro.

Hy vọng phục hồi du lịch tại Châu Âu đang ngày càng mờ nhạt khi dịch bệnh lại có chiều hướng

tái bùng phát và nhiều nước áp dụng phong tỏa trở lại. Mới đây, một số nước EU, bao gồm Pháp và Italy đã phải tái áp dụng các biện pháp hạn chế ngặt nghèo và phong tỏa một phần do số ca nhiễm mới Covid-19 tăng mạnh trở lại. Những biện pháp phong tỏa này sẽ là rào cản lớn đối với triển vọng phục hồi ngành du lịch trong mùa cao điểm hè sắp tới. Theo dữ liệu từ Google Mobility, lượng khách ghé thăm các cửa hiệu bán lẻ, nhà hàng, quán café và trung tâm mua sắm ở khu vực Tây Âu hiện nay chỉ bằng khoảng một nửa so với mức trước đại dịch. Trong khi đó, lượng khách tương ứng ở Mỹ hiện chỉ thấp hơn khoảng 10% so với thời điểm trước khi Covid-19 trở thành đại dịch toàn cầu. Với các biện pháp hạn chế được áp trở lại, nền kinh tế khu vực sử dụng đồng tiền chung Euro (Eurozone) nhiều khả năng sẽ suy giảm trong quý I năm 2021, nghĩa là rơi vào một cuộc suy thoái hai đáy. Trong khi đó, kinh tế Mỹ được dự báo tăng trưởng 1,5%.

Thêm vào đó, việc triển khai vaccine Covid -19 gặp nhiều khó khăn khi chiến dịch tiêm chủng ngừa Covid-19 bị chậm hơn dự kiến. Vì vậy, các chuyên gia kinh tế cho rằng, nền kinh tế Eurozone sẽ còn đuối sức trong nhiều tháng tới. Những nước lớn trong EU như Pháp, Đức và Italy mới tiêm được ít nhất 1 mũi vaccine cho chưa đầy 10% dân số, so với tỷ lệ 23% ở Mỹ. EU đặt mục tiêu các quốc gia thành viên đến tháng 9 tiêm chủng được cho 70% dân số. Lúc đầu, các nước đều nói họ sẽ đạt, thậm chí vượt mục tiêu này. Tuy nhiên, khả năng đạt mục tiêu đến nay chưa có gì chắc chắn, do các vấn đề về nguồn cung vaccine và nhiều người châu Âu từ chối tiêm vaccine AstraZeneca.

Nhà kinh tế Jacob Nell của Morgan Stanley nhận định, số lượng ca nhiễm đang tăng lên, việc triển khai vaccine chậm chạp đang khiến châu Âu đối mặt với nguy cơ có thể mất “mùa Hè thứ hai”. Viễn cảnh mùa Hè ảm đạm cũng đang bao trùm lục địa già bất chấp việc EU muốn phát hành chứng chỉ xanh du lịch. Bởi theo dự báo, tới ngày 14/7, các nước thành viên EU mới đạt được ngưỡng miễn dịch cộng đồng ở mức độ châu lục, trong khi kỳ nghỉ Hè bắt đầu từ cuối tháng 6.

Những kịch bản kinh tế

Trước khi chiến dịch tiêm phòng Covid-19 của châu Âu gặp trục trặc, các nhà hoạch định chính sách đã kỳ vọng vào một sự phục hồi vừa phải của nền kinh tế khu vực trong quý II năm 2021, rồi sự phục hồi đó sẽ tăng tốc mạnh trong mùa hè cùng với chiến dịch tiêm chủng được đẩy nhanh. Trong kịch bản đó, đến cuối năm nay, gần một nửa trong số 19 quốc gia thành viên Eurozone sẽ lập lại mức sản lượng kinh tế trước đại dịch, và toàn bộ nền kinh tế Eurozone sẽ tăng trưởng khoảng 4% trong cả năm, so với mức dự báo tăng 6,5% của kinh tế Mỹ.

Nếu việc mở cửa trở lại bị trì hoãn từ 3 tháng trở lên, EU cho rằng nền kinh tế Eurozone sẽ chỉ tăng 2,5% trong năm nay. Thay vì trở lại ngưỡng sản lượng trước đại dịch vào cuối năm 2021, kinh tế Eurozone sẽ phải đến cuối năm 2022 mới đạt tới mốc phục hồi như vậy. Ngoài ra, tốc độ phục hồi chậm chạp còn có thể gây ra tác hại dài hạn đối với nền kinh tế khu vực.

Ngay cả khi các biện pháp hạn chế được dỡ bỏ trong mùa hè năm nay, EU cũng cho rằng phải đến cuối năm 2022, Italy và Tây Ban Nha mới có thể trở lại mức tăng trưởng kinh tế trước đại dịch,

chậm hơn 1 năm so với Đức. Và theo đó, nói rộng thêm khoảng cách phát triển đã tồn tại lâu nay giữa miền Bắc thịnh vượng của châu Âu và khu vực miền Nam. Thậm chí, các chuyên gia kinh tế của Morgan Stanley ước tính nền kinh tế Tây Ban Nha có thể tiếp tục suy giảm trong năm 2022 nếu mùa du lịch năm nay kém hơn năm ngoái.

Trong khi ngành dịch vụ bị ảnh hưởng nặng nề, nhiều doanh nghiệp trong ngành sản xuất ở châu Âu đã điều chỉnh để thích nghi với các biện pháp hạn chế, tránh được tình trạng phải đóng cửa như trong năm 2020 và đạt được sự phục hồi mạnh mẽ. Theo đó, sản lượng công nghiệp của Eurozone trong tháng 1/2021 tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái, chấm dứt quãng thời gian suy giảm kéo dài 2 năm. Lĩnh vực sản xuất của Italy ghi nhận tăng trưởng trong tháng 2, nối đà tăng trưởng sang tháng thứ 8 liên tiếp. Tuy nhiên, sức mạnh của ngành sản xuất có thể không đủ để bù đắp sự suy yếu của ngành dịch vụ có quy mô rất lớn - lĩnh vực gặp trở ngại vì đợt phong tỏa mới.

Ngoài ra, các ngân hàng ở châu Âu còn đang siết chặt việc cấp vốn vay cho doanh nghiệp và hộ gia đình vì lo ngại rằng làn sóng Covid-19 mới sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng trả nợ. Dữ liệu của Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) cho thấy, trong thời gian từ tháng 12/2020-1/2021, hoạt động cấp vốn ngân hàng cho doanh nghiệp ở Eurozone đã ngưng trệ. Vì vậy, ECB cho biết sẽ đẩy mạnh chương trình mua trái phiếu Eurozone để kiểm soát đà tăng của lãi suất cho vay. Việc nỗ lực kiểm soát dịch Covid-1i và kế hoạch tiêm chủng vaccine, đang đặt ra cho nền kinh tế Châu Âu những kịch bản khác nhau./.

NGÂN HÀNG HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM



46 NĂM

Ngày thống nhất đất nước

(30/4/1975 – 30/4/2021)

135 NĂM

Ngày quốc tế Lao động 1/5

(01/05/1886 – 01/05/2021)



